

PHẦN HỌC SÁCH

ĐỊA-LÝ

BỘ GIÁ

XUẤT

3/1970

TỐP NHẤT



Từ nhà kho sách xưa
của Quán Ven Đường

NHÂN DÂN HOA-KỲ
với sự nợp-tác của
BỘ GIÁO-DỤC
VIỆT-NAM CỘNG HÒA

thân tặng

các Trường Tiểu-học tại Việt-Nam

SÁCH NÀY KHÔNG BÁN

ĐỊA-LÝ

LỚP NHÌ

SÁCH ĐỊA-LÝ BẬC TIỀU-HỌC
BỘ GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN
1966

SOẠN-THẢO VÀ ÁN-HÀNH TRONG
KHUÔN-KHỔ CHƯƠNG-TRÌNH HỢP
TÁC GIỮA BỘ GIÁO-DỤC VÀ PHÁI-
BỘ KINH-TẾ HOA-KỲ TẠI VIỆT-NAM

Soạn-thảo dưới sự hướng dẫn của :

Ông TRỊNH.HUY.TIỀN
Nguyên Chánh-sự-vụ Sở Học-liệu

và

Ông LÝ.CHÁNH.ĐỨC
Chánh sự-vụ Sở Học-liệu

Với sự tham-gia ý-kiến của :

Ông ĐINH.GIA-DZU
Đại-diện Nha Giám-đốc Tiêu-học

và

Ông FRED J. ARMISTEAD, Ph. D.
Phái-doàn Đại-học-đường Southern Illinois

và

Bà MABEL RING, M. Sc, B. Com.

với sự giúp đỡ về kỹ-thuật của

Ông RALPH H. HALL, Ph. D
Phái-bộ kinh-tế Hoa-kỳ tại Việt-nam.

BAN BIÊN TẬP :

Soạn - giả :

ĐINH NGỌC ÂN

ĐINH TÂN TÀI

ĐINH CÔNG TÂM

Họa - sĩ :

LÊ VĨNH PHÁT

LÊ CHÁNH

Chuyên - viên Tu - thư :

Bà LÊ DOÃN KIM

Chuyên - viên Hoa - kỳ :

Ông FRED J. ARMISTEAD

Bà MABEL RING

LỜI NÓI ĐẦU

Soạn quyển **ĐỊA LÝ** lớp Nhì, chúng tôi nhằm mục đích cung cấp một phương-tiện học-tập thích-nghi với trình-độ hiếu biết của trẻ lén 9, 10 tuổi để chúng tìm thầy hứng thú và thâu-thập dễ-dàng những điều mới lạ ; đồng thời, cõng hiền cho các bạn giáo-chức một tài-liệu giáo-khoa linh-động và hữu-hiệu.

Vì thè chúng tôi trình - bày theo một lề - lối mới ; mỗi bài học gồm có :

— EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN : với những tranh-ảnh và hình vẽ đặc-biệt để tập trẻ quan-sát, nhận-xét và suy-luận. Nhờ đó, khả-năng sáng tạo của trẻ được phát triển một cách tự-do.

— EM ĐỌC : là phần tài liệu mới, liên-quan đến bài học, được lồng trong những trang nhựt-ký trình-bày theo lối văn đồi-thoại, vừa vui, vừa phù-hợp với tâm lý trẻ.

— EM NHỚ : là những điểm chính trong bài học để cho trẻ ghi nhớ.

— EM CÓ BIẾT KHÔNG ? : là những câu hỏi chính để giúp cho trẻ kiểm-điem lại những điều đã học hỏi

Ngoài ra, mỗi phần còn có một bài ôn, dưới hình-thức câu hỏi trắc-nghiệm.

Với hình - thức mới này, chúng tôi hy - vọng quyển **ĐỊA LÝ** lớp Nhì sẽ đem lại cho trẻ em một sự thích-thú khi học môn này, và giúp các bạn giáo-viên một phương tiện thiết-thực trong khi giảng-dạy.

Dù sao, chúng tôi chắc rằng sách này không tránh khỏi khuyết-điem và thiếu-thá đợi sự nhận-xét và lời chỉ-giáo của tất cả Quý Bạn đồng-nghiệp.

Chúng tôi bội-phản cảm-tạ.

Soạn giả.

TOÀN ban Biên-tập xin thành-thật cảm ơn các vị sau đây đã góp phần vào việc soạn sách này :

Ông LÊ-XUÂN-THỦY
Nhân-viên Phái-bộ kinh-tế Hoa-kỳ tại Việt-nam.

Ông LUYỆN-QUANG-ĐĂNG
Nhân-viên Phái-doàn Đại-học-dường Southern Illinois.

Cô NGUYỄN-THỊ-HỒNG-PHẦN
Nhân-viên Phái-doàn Đại-học-dường Southern Illinois.



CÁC EM HỌC - SINH THÂN - MẾN,

Năm nay, các em được lên lớp Nhì, chắc các em
thắc-mắc không biết sẽ học những bài gì về Địa-lý.

Các em sẽ học về nước Việt-Nam và bốn nước lân cận.

Nghe qua, các em thấy lo-ngại lắm, phải không ?

Không đâu ! Dễ lắm ! Các em hãy quan-sát những
hình ảnh trong mỗi bài và theo dõi từng trang nhựt-ký
của em Tân, sẽ thấy môn Địa-lý lớp Nhì không có chút
gi gì khó-khăn như các em đã tưởng.

Tân là một học-sinh ưu-tú, nét-na, ngoan-ngoãn,
xấp-xỉ tuổi của các em và cũng vừa được lên lớp Nhì
như các em.

Tân có người chị tên Ngọc, là một sinh-viên đại
học và một đứa em tên Công, học lớp Ba.

Trong những tháng hè qua, ba chị em Tân được
đi du-ngoạn đây đó trong nước Việt-Nam và được nghe
nói đến các nước lân-cận, Tân không bỏ mất cơ-hội ghi
chép thành những trang nhựt-ký.

Và đây, những trang nhựt-ký bắt đầu ...

MỤC LỤC

Tháng thứ	Số bài	TỰ A	Trang	
Phần I: ĐỊA - LÝ VIỆT - NAM				
CHƯƠNG 1: VIỆT - NAM THIÊN - NHIÊN				
1	Cách vẽ bản đồ — Việt-Nam hình-thể.	17		
	1 Vị-trí, giới-hạn, diện-tích	20		
	2 Núi	24		
	3 Cao-nghuyên	28		
	4 Bình-nghuyên	32		
	2	5 Biển và bờ biển	36	
		6 Khí-hậu	40	
		7 Sông ngòi	44	
8 Bài ôn : Việt-Nam thiên nhiên.		48		
CHƯƠNG 2: VIỆT - NAM NHÂN - VĂN				
3	9 Dân cư : Người Việt-Nam.	52		
	10 Dân thiểu-số và ngoại-kiều	56		
	11 Việt-Nam chính-trị	60		
	12 Việt-Nam nhân-văn	64		
	13 Bài ôn : Việt-Nam nhân-văn	68		

Tháng thứ	Số bài	TỰ A	Trang	
CHƯƠNG 3: VIỆT - NAM KINH - TẾ				
4	14 Nông-nghiệp	72		
	15 Nông-sản	76		
	16 Chăn-nuôi	80		
	17 Hải-sản : Chài-lưới	84		
	18 Lâm-sản	88		
	19 Khoáng-sản	94		
	20 Tiêu công-nghệ	98		
	21 Đại kĩ-nghệ	102		
5	22 Thương-mại	106		
	23 Bài ôn : Sinh-hoạt kinh-tế	110		
	CHƯƠNG 4: VIỆT-NAM : ĐƯỜNG GIAO - THÔNG			
	24 Đường bộ	112		
	25 Đường xe lửa và đường hàng không	116		
	26 Đường thủy	120		
	27 Bài ôn : Đường giao - thông ở Việt-Nam	124		
	Phần II: CÁC NƯỚC LÂN-CẬN			
CHƯƠNG 1: CAM - BỐT				
6	28 Cam-Bốt thiên-nhiên	128		
	29 Cam-Bốt nhân-văn	132		
	30 Cam-Bốt kinh-tế	136		
	31 Bài ôn : Cam-Bốt	140		

Tháng thứ Số bài

TỰ A

Trang

CHƯƠNG 2 : AI - LAO

- | | | | |
|---|----|------------------------------|-----|
| 7 | 32 | Ai-Lao thiên-nhiên | 142 |
| | 33 | Ai-Lao nhân-văn | 146 |
| | 34 | Ai-Lao kinh-tế | 150 |
| | 35 | Bài ôn : Ai-Lao | 154 |

CHƯƠNG 3 : TRUNG - HOA

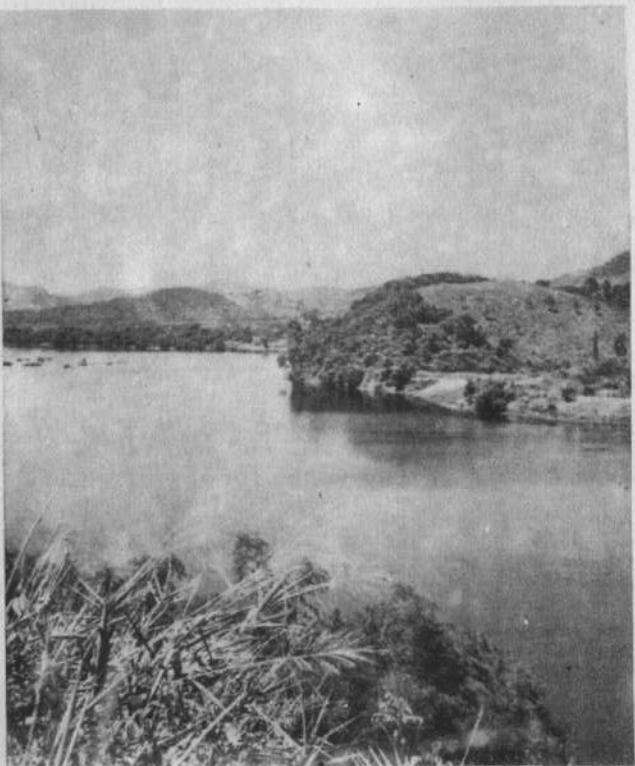
- | | | | |
|---|----|---------------------------------|-----|
| 8 | 36 | Trung-Hoa thiên-nhiên | 156 |
| | 37 | Trung-Hoa nhân-văn | 160 |
| | 38 | Trung-Hoa kinh-tế | 164 |
| | 39 | Bài ôn : Trung-Hoa | 168 |

CHƯƠNG 4 : THÁI - LAN

- | | | | |
|---|----|--------------------------------|-----|
| 9 | 40 | Thái-Lan thiên-nhiên | 170 |
| | 41 | Thái-Lan nhân văn | 174 |
| | 42 | Thái-Lan kinh-tế | 178 |
| | 43 | Bài ôn Thái-Lan | 182 |

PHẦN I

NƯỚC VIỆT-NAM



CHƯƠNG I
VIỆT-NAM THIÊN-NHIÊN

CÁCH VẼ BẢN ĐỒ VIỆT-NAM HÌNH-THẾ

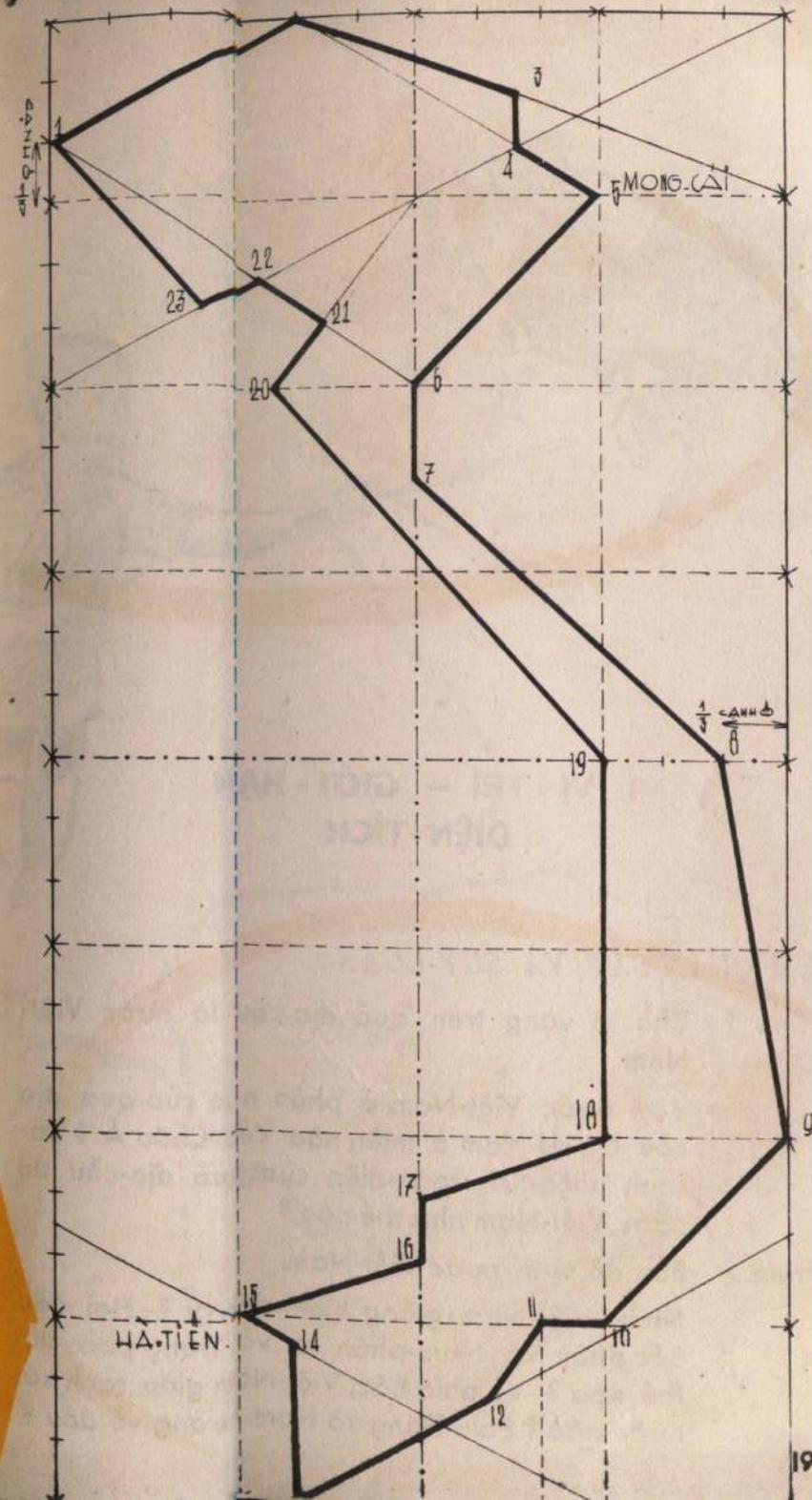
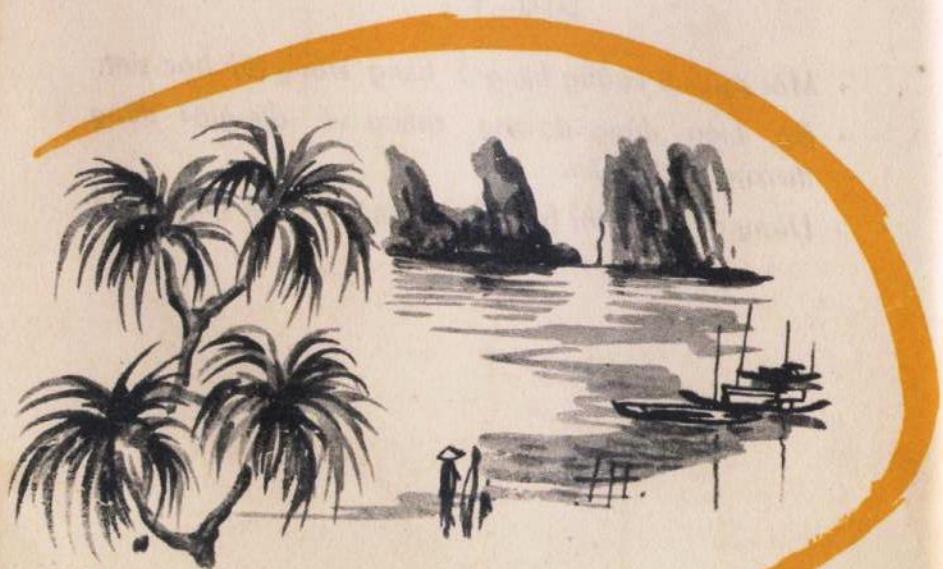
Hình-thế nước Việt-Nam nằm trong khuôn hình chữ-nhựt (ABCD) có chiều dài AD bằng hai chiều rộng AB.

Chia hình chữ-nhựt làm 32 ô vuông (chiều dài 8 phần x chiều rộng 4 phần) và kẻ những đường chéo đe ghi số cho 23 giao điểm chính.

Nối những giao-diểm theo số thứ-tự. Từ số 5 (Mông-Cái) đến số 15 (Hà-Tiên) là bờ biển nước Việt-Nam..

LƯU - Ý :

- Mỗi cạnh ô vuông bằng 3 hàng trong tập học-sinh.
- Bờ biển dùng đường thẳng và địa giới dùng đường gạch ngắn.
- Dùng chì màu thì bờ biển tô xanh và địa giới tô đỏ.





1. VỊ - TRÍ - GIỚI - HẠN DIỆN - TÍCH

EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1: Chỗ tọa vàng trên quả địa cầu là nước Việt-Nam.

- Vậy nước Việt-Nam ở phần nào của quả địa cầu ? Việt-Nam ở miền nào của Châu Á ? So-sánh diện-tích toàn-diện của quả địa-cầu thì nước Việt-Nam như thế nào ?

Hình 2: Bản đồ vị-trí nước Việt-Nam.

- Nước Việt-Nam giống hình chữ gì ? Hai đầu Bắc-phần và Nam-phần so với Trung-phần thì thế nào ? Về phía Bắc, Việt-Nam giáp ranh với nước nào ? Phía Đông và Nam hướng về đâu ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19...

Tối nay, Công và Tấn đang ngồi xem truyện vui thì chị Ngọc bảo hai em sửa-soạn hành-lý để mai đi viếng núi Bà-Đen. Công và Tấn đồng nói :

— Thưa chị, xong rồi !

Tấn thắc-mắc, không biết núi Bà-Đen ở đâu, nên đi tìm bản đồ mang đến bên chị hỏi :

— Thưa chị, núi Bà-Đen ở chỗ nào trên bản đồ này ?

Công cũng chạy đến xem. Chị Ngọc nhìn vào bản đồ cười nói :

— Em lấy bản đồ thế-giới thi làm sao thấy được núi Bà-Đen. Đấy em nhìn xem, nước Việt-Nam mà nhỏ bé thế này thi làm sao thấy núi ấy được.

Công chưa hiểu gì về nước Việt-Nam, nên hỏi chị :

— Thưa chị, có phải nước Việt-Nam hình cong như chữ S đây không ?

— Phải đấy ! Nước Việt-Nam nằm dọc theo bờ biển, chiếm một vị-trí đặc-biệt của miền Đông-Nam-Á và là một trạm giao-thông quốc-tế, nối liền Âu-Châu với Viễn-Đông.

Chị Ngọc nhìn Tấn hỏi :

— Em thử nói xem nước Việt-Nam giáp với các nước nào ?

Tấn nhìn vào bản đồ, cười đáp :

— Việt-Nam Bắc giáp Trung-Hoa, Tây giáp Ai-Lao và Cam-Bốt, Đông và Nam giáp biển.

Chị Ngọc xoa đầu Tấn khen :

— Giỏi lắm, nhưng em chưa nói rõ biển nào ? Đây nè, vịnh Bắc phần, biển Nam-Hải và vịnh Thái-Lan.

Công nhận xét :

— Nước Việt-Nam dài và hẹp quá, chị hả ? Hai đầu thi nở ra và giữa thi thắt eo lại.

Chị Ngọc dẫn-giải thêm :

Chỗ hẹp nhứt ở miền Trung, ngang Đồng-Hới chỉ đo được 35km. Chiều dài từ Bắc thẳng xuống Nam đo 1.600km. Diện-tích ước-độ 326.000km².

EM NHỚ :

Nước Việt-Nam ở miền Đông-Nam Châu Á, có một địa-diểm quan-trọng trên đường giao-thông quốc-tế.

Phía Bắc, Việt-Nam giáp Trung-Hoa; phía Tây giáp Ai-Lao và Cam-Bốt; Đông và Nam giáp vịnh Bắc-phần, biển Nam-Hải; và vịnh Thái-Lan.

Nước Việt-Nam hình cong như chữ S, có một diện-tích ước-độ 326.000km².

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Nước Việt-Nam ở miền nào Châu Á ?

2. Tại sao nước Việt-Nam được xem là một địa-diểm quan-trọng trên đường giao-thông quốc-tế ?

3. Nước Việt-Nam giáp ranh với các nước nào và biển nào ?

— Nước Việt-Nam, Bắc giáp
Tây giáp
Đông và Nam giáp
. và

4. Nước Việt-Nam hình gì ?

5. Diện-tích nước Việt-Nam ước-độ bao nhiêu ?

2. NÚI



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN :

Hình 1 : Một trong những dãy núi ở miền Lạng-Sơn (Bắc-phần).

- Em thấy dãy núi trên như thế nào ? Có hiểm-trở không ? Có cao lắm không ?

Hình 2 : Những dãy núi ở hai bên ngạn sông Hồng (Bắc-phần).

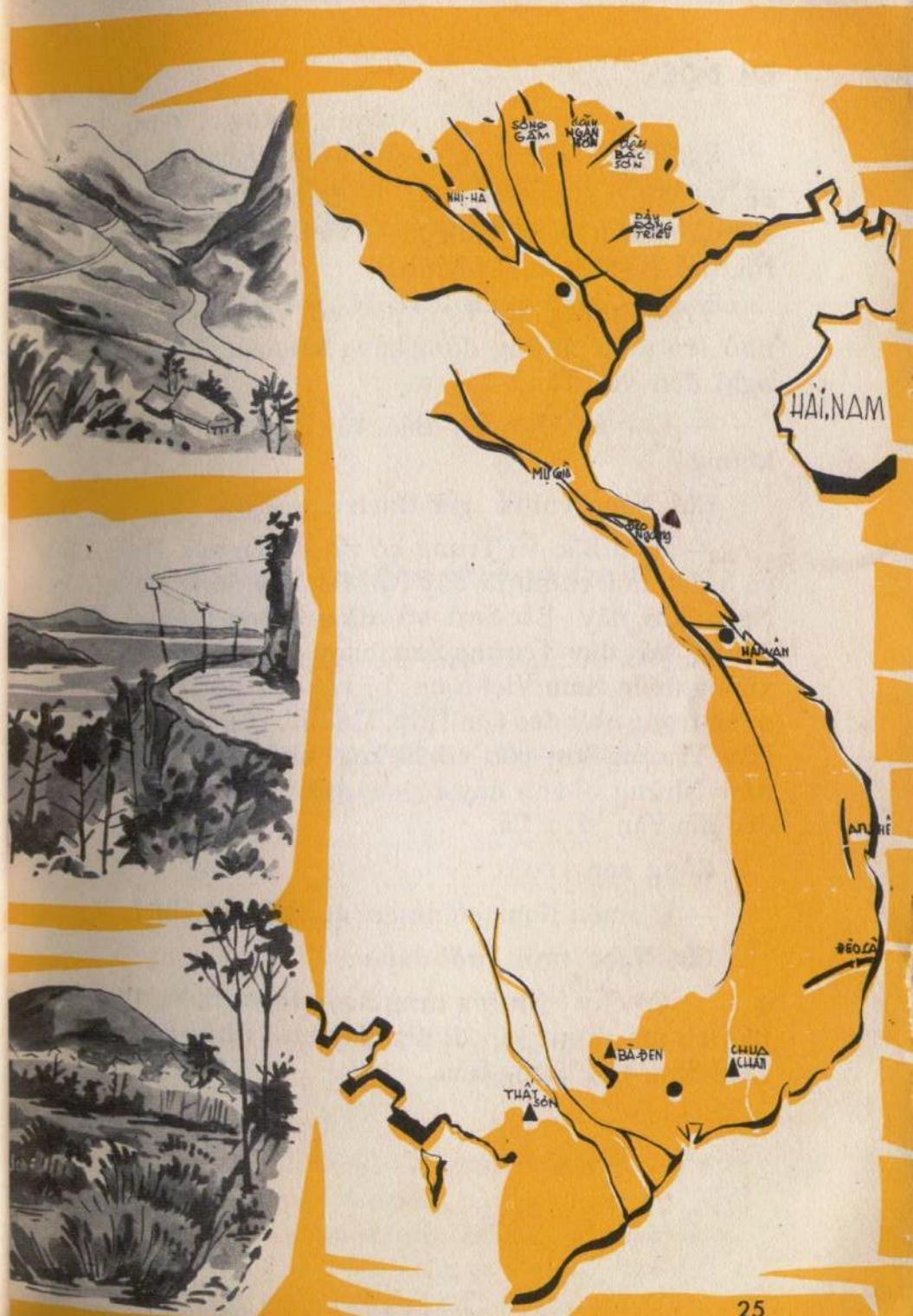
- Những đường rãnh mà em thấy trên hình là gì ? Dưới triền núi có nhà cửa không ? Tại sao người ta ít cất nhà trên núi ?

Hình 3 : Đèo Cả, một trong những đèo ở Trung-phàn.

- Em có dịp đến Đèo Cả lần nào chưa ? Đèo Cả ở đâu ? Thế nào là đèo ?

Hình 4 : Núi Bà-Đen, cao 884m, ở Tây-Ninh (Nam-phàn).

- Núi Bà-Đen ở đâu ? Đỉnh núi Bà-Đen có gì khác biệt với các đỉnh núi khác không ? Em có dịp đi viếng núi Bà-Đen chưa ? Tại sao người ta thường đến viếng núi Bà-Đen ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19...

Đêm qua, Tấn ngủ không được, mong mau sáng để lên đường đi viếng núi Bà-Đen. Sáu giờ là ba chị em đã ra bến xe đò Sài-gòn — Tây-Ninh. À! Tấn hiểu rồi, núi Bà-Đen ở Tây-Ninh.

Trên đường đi, Tấn thấy có vài ngọn núi lè-loi nhô lên giữa những đồng-bằng bát-ngát. Bỗng một ý nghĩ đến với Tấn :

— Chị à! Ở miền Bắc và Trung có nhiều núi không?

Chị Ngọc vui-vẻ giải-thich :

— Miền Bắc và Trung có rất nhiều núi. Miền Bắc có 5 dãy núi chính là dãy Nhị-Đà, dãy Sông-Gầm, dãy Ngân-Sơn, dãy Bắc-Sơn và dãy Đông-Triều. Miền Trung có dãy Trường-Sơn chạy dài từ Thượng-Lào xuống miền Nam Việt-Nam, bị cắt đứt bởi những đèo quan-trọng như đèo Qui-Hợp, Mụ-Già, Lao-Bảo, An-Khé. Dãy Trường-Sơn còn có những nhánh đâm ra biển nữa. Những nhánh này bị cắt đứt bởi các đèo Ngang, đèo Hải-Vân, đèo Cả.

Công xen vào :

— Ở miền Nam có nhiều núi không, chị?

Chị Ngọc tươi cười đáp :

— Có chứ! Nhưng từng ngọn lè-loi thôi, như núi Bà-Đen mà mình sắp đi đến đây, núi Chùa-Chan, núi Thất-Sơn, núi Long-Hải...

EM NHỚ :

Miền Bắc nước Việt-Nam có 5 dãy núi chính là Nhị-Đà, Sông-Gầm, Ngân-Sơn, Bắc-Sơn và Đông-Triều.

Miền Trung có dãy Trường-Sơn chạy dài từ Bắc xuống Nam.

Miền Nam có núi Bà-Đen, Chùa-Chan, Thất-Sơn, Long-Hải...

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Miền Bắc nước Việt-Nam có những dãy núi nào?

2. Tại sao gọi là dãy Nhị-Đà?

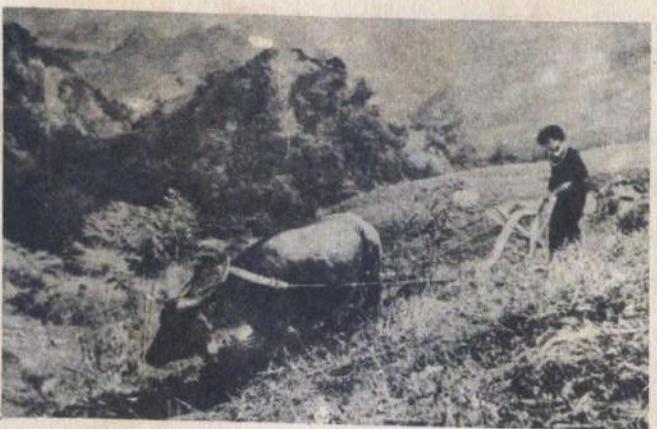
Vì dãy núi này chạy dọc theo sông.... và sông.....

3. Miền Trung có dãy núi nào?

4. Kè những đèo quan-trọng ở miền Trung.

5. Miền Nam có những núi nào?

3. CAO-NGUYÊN



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN :

Hình 1 : Trên cao-nghien Bắc-phàn, một người Mèo đang cày-xới.

- Người Mèo đang cày-xới ở đâu ? Thế nào là cao-nghien ? Thường thường trên cao-nghien người ta trồng những gì ?

Hình 2 : Những thửa ruộng trên cao-nghien, miền Thượng-du Bắc-phàn.

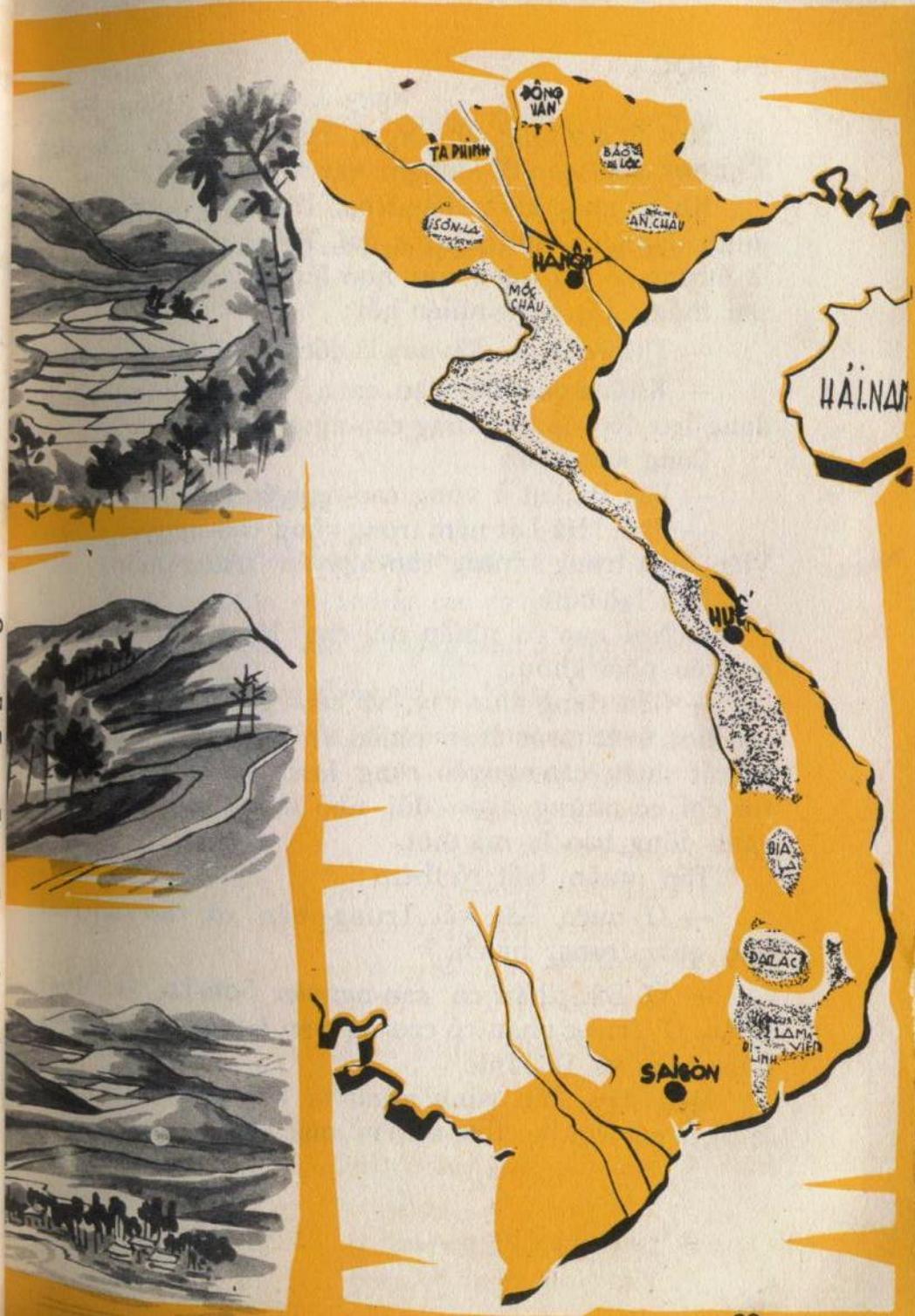
- Em thấy những gì ở hình trên ? Trên cao-nghien có nhiều ruộng không ? Tại sao ?

Hình 3 : Cao-nghien Lâm-Viên, thuộc Trung-phàn, một trong những thắng cảnh ở Việt-Nam

- Em có nghe nói « đồi thông » làn nào chưa ? Đồi có phải là núi không ? Đồi thông do thiên-nhiên hay do loài người tạo nên ?

Hình 4 : Bến đò Tô-Châu ở Hà-Tiên.

- Bên kia bến đò, xa xa em thấy những gì ? Những mỏm nhô lên trong hình là gì ? Miền Nam Việt-Nam có nhiều núi đồi không ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19...

Mới 5 giờ sáng, chị Ngọc đã đánh thức Công và Tấn dậy sửa-soạn để đi nghỉ mát ở Đà-Lạt.

Khi xe chạy khỏi Biên-Hòa, Tấn thấy dường như mình đang lên một cái dốc dài. Thỉnh-thoảng hai bên lề đường có vài ngọn núi nhô lên và vài thung-lũng sâu thẳm. Tấn ngạc-nhiên hỏi :

— Thưa chị, cái dốc này là dốc gi mà dài quá vậy?

— Không phải dốc đâu, em ạ! Đây là chúng mình đang leo đèo để lên vùng cao-nghuyên đó.

Công xen vào :

— Vậy Đà-Lạt ở vùng cao-nghuyên sao, chị ?

— Phải! Đà-Lạt nằm trong vùng cao-nghuyên Lâm-Viên, một trong những cao-nghuyên Trung-phần.

Tấn lại hỏi :

— Nơi nào có nhiều núi cao lá nơi đó có cao-nghuyên phải không, chị ?

— Gần đúng như vậy, vì cao-nghuyên là chỗ đất cao hơn mặt nước biển nhiều. Ở Bắc và Trung-phần có rất nhiều cao-nghuyên rộng lớn, còn ở miền Nam thì chỉ có những ngọn đồi nhỏ lè-loi nhô lên trên cánh đồng bao la mà thôi.

Tấn muốn biết rõ thêm :

— Ở miền Bắc và Trung-phần có cao-nghuyên nào quan-trọng, hả chị ?

— Ở Bắc-phần có cao-nghuyên Sơn-La và Mộc-Châu. Ở Trung-phần có cao-nghuyên Gia-Lai, Đắc-Lắc, Lâm-Viên và Di-Linh.

Đến đây, Tấn rùng mình vì không-khi đã đồi lạnh, ...em vội lục tim áo len mặc vào.

EM NHỚ :

Bắc-phần có các cao-nghuyên Sơn-La, Mộc-Châu.

Trung-phần có những cao-nghuyên Gia-Lai, Đắc-Lắc, Lâm-Viên, Di-Linh.

Nam-phần không có cao-nghuyên to rộng, mà chỉ có những ngọn đồi nhỏ lè loi.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Bắc-phần có những cao-nghuyên nào ?

2. Trung-phần có những cao-nghuyên nào ?

3. Cao-nghuyên nào là thăng cảnh ở Việt-Nam ?

4. Nam-phần có nhiều núi đồi không ?

5. Trên cao-nghuyên, người ta thường trồng gì ?

4. BÌNH-NGUYÊN



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN :

Hình 1 : Cánh đồng ruộng mênh-mông với người nông dân cấy lúa.

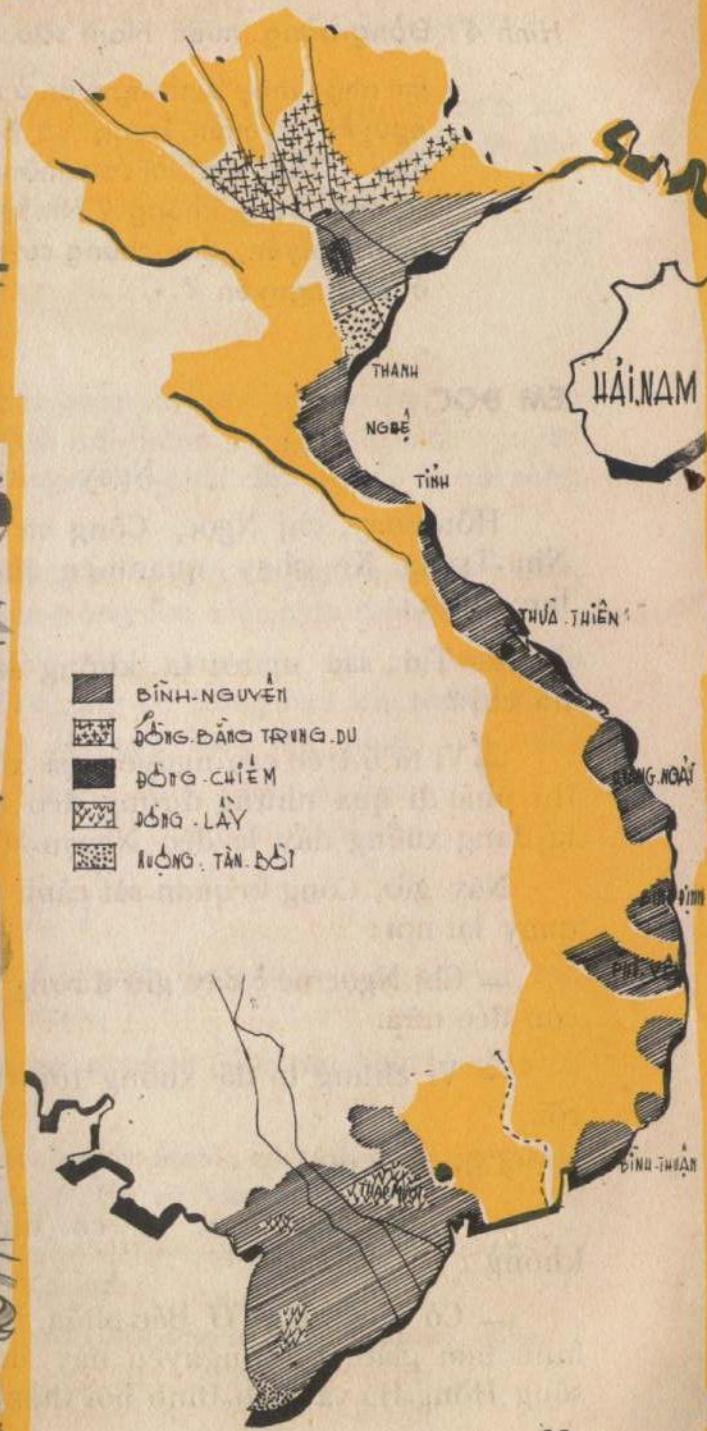
- Em có đi về đồng ruộng chơi bao giờ chưa ? Em thấy hai người nông-dân đang lom-khom làm gì đấy ? Xa xa trong những tàn cây rậm-rạp, em thấy những gì ? Đồng-bằng còn được gọi là gì nữa ?

Hình 2 : Bình-nghuyên Bắc-phần với con đê chạy dài theo bờ sông.

- Người nông-dân đang hì-hục làm việc gì với con trâu ? Tại sao những người đàn bà gánh thúng, gánh rơm đi trên cao vây ? Bờ đê này có ích lợi gì ?

Hình 3 : Bình-nghuyên Trung-phần nhỏ và hẹp.

- Có những mỏm đất nhô lên cao trong hình, đó là gì ? Tại sao bình-nghuyên Trung-phần nhỏ và hẹp ? Người ta thường trồng gì ở bình-nghuyên ? Trên cao-nghuyên có nhiều nước như ở dưới bình-nghuyên không ? Tại sao người ta cấy lúa ở bình-nghuyên nhiều hơn ở cao-nghuyên ?



Hình 4: Đồng-bằng miền Nam sâu, rộng, bát-ngát.

- Em nhận thấy bình-nghuyên ở miền Nam với bình-nghuyên ở miền Trung và Bắc khác nhau chỗ nào ? Theo em, thì sau những tàn cây xa xa kia có nhà cửa gì không ? Nhiều hay ít ? Tại sao ở bình-nghuyên, dân-chúng cư-ngụ đông-dúc hơn ở cao-nghuyên ?

EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19...

Hôm nay, chị Ngọc, Công và Tấn từ Đà-Lạt đi Nha-Trang. Xe chạy quanh-co theo sườn núi, Tấn bức mình :

— Tại sao người ta không làm đường thẳng, hả chị ?

— Vì ta ở trên cao-nghuyên mà xuống bình-nghuyên thi phải đi qua những đường đèo như vậy. Đèo mà ta đang xuống đây là đèo Ngoạn-Mục đó.

Nay giờ, Công lo quan-sát cảnh vật bên lề đường, quay lại nói :

— Chị Ngọc nè ! Bây giờ đường thẳng rồi, không còn đèo nữa.

— Vì chúng ta đã xuống tới vùng bình-nghuyên rồi.

Tấn thắc-mắc :

— Thưa chị, nước ta có nhiều bình-nghuyên không ?

— Có nhiều lắm. Ở Bắc-phần, bình-nghuyên rộng, hình tam giác. Bình-nghuyên này do phù-sa hai con sông Hồng-Hà và Thái-Bình bồi thành.

— Thưa chị, em nghe nói ở Bắc-phần thường bị nạn lụt, phải không chị ?

— Phải đấy ! Vì đến mùa mưa, mực nước ở hai sông này dâng lên cao lắm. Do đó, người ta phải đắp đê để tránh nạn ngập-lụt.

EM NHỚ :

Bình-nghuyên Bắc-phần do phù-sa của hai con sông Hồng-Hà và Thái-Bình bồi-thành. Đè giữ cho bình-nghuyên khỏi nạn ngập-lụt, người ta phải đắp bờ đê ở hai sông ấy.

Bình-nghuyên Trung-phần nhỏ và hẹp, ở ven bờ biển, đất xấu, nhưng quan-trọng cho việc giao-thông.

Bình-nghuyên Nam-phần rộng lớn, đất phì-nhiều, do phù-sa hai con sông Cửu-Long và Đồng-Nai bồi thành. Bình-nghuyên Nam-phần là vựa thóc lớn nhất của nước Việt-Nam.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Bình-nghuyên Bắc-phần do phù sa của những con sông nào bồi thành ?
2. Tại sao bình-nghuyên Bắc phần thường bị ngập-lụt vào mùa mưa ?
3. Tại sao ở Trung-phần không có những bình-nghuyên rộng lớn như ở Bắc và Nam phần ?
4. Bình-nghuyên Nam-phần do phù sa của những con sông nào bồi thành ?
5. Dân-cư ở miền bình-nghuyên có đông-dúc không ?
Tại sao ?

5. BIỂN VÀ BỜ BIỂN



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN :

Hình 1 : Một chiếc thuyền buồm đang ra khơi.

- Thé nào là ra khơi ? Em thấy trên mặt biển có những gì ?
- Đường thẳng ngang trong hình là đường gì ?

Hình 2 : Phong cảnh vịnh Hạ-Long ở Bắc-phàn.

- Thé nào là vịnh ? Những gì nhô lên trên mặt nước vậy ? Vịnh Hạ-Long có phải là một thắng cảnh không ?

Hình 3 : Bãi biển Đại-Lãnh thuộc tỉnh Khánh-Hòa ở Trung-phàn.

- Em có nghe nói đến bãi biển Nha-Trang chưa ? Cát ở miền này thế nào ? Những cây che bóng mát trên bãi biển do người trồng hay do thiên-nhiên tạo nên ?

Hình 4 : Bãi Ô-Quǎn ở Vũng-Tàu (Nam-phàn).

- Phong cảnh này ở đâu ? Em có thấy đường chân trời không ?
- Tại sao trên bãi Ô-Quǎn có nhiều đá ?

36

37

EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19...

Sáng nay, ba chị em cùng ra bãi biển tắm. Vừa nhúng chon xuống nước, Tấm rùng mình la :

— Nước lạnh quá ! À, chị Ngọc nè ! Có phải biển này là biển Nam-Hải không, hả chị ?

— Phải ! Dọc theo bờ biển này ra Bắc thì là vịnh Bắc-phần, còn cuối bờ biển này về phía Nam thì là vịnh Thái-Lan.

Công chạy đến níu tay chị, chỉ ra ngoài biển khơi :

— Ngoài kia có phải là đảo không, chị ?

— Phải đấy ! Đó là Hòn Én. Dọc theo bờ biển Việt-Nam còn có nhiều đảo quan-trọng khác là cái Cái Bán, Cái Bàu, Cát Bà, Hoàng-Sa, Côn-Sơn, Phú-Quốc...

Tấm xin chị chiều nay dẫn Công và Tấm ra Hòn Chồng chơi vì em nghe người ta nói ở đấy có nhiều hòn đá đẹp lắm. Công ngạc-nhiên hỏi chị :

— Ở bãi biển cũng có đá nữa sao ?

— Có chứ ! Chỗ nào núi chạy ra tới biển là bờ biển lởm chởm những đá.

Tấm hỏi :

— Vậy bờ biển Việt-Nam có nhiều chỗ lởm-chởm không ?

— Bờ biển Việt-Nam hình cong như cữ S, chạy từ Móng-Cái (Bắc-phần) đến Hà-Tiên (Nam-phần) dài 2.500 km, có thể chia làm 4 đoạn :

1 . Từ Móng-Cái đến Hải-Phòng : bờ biển khúc khuỷu, lởm-chởm ;

2 . Từ Hải-Phòng đến Qui-Nhơn : bờ biển thấp và phẳng ;

3 . Từ Qui-Nhơn đến Phan-Rang : bờ biển hiểm trở, gồ ghề ;

4 . Từ Phan-Rang đến Hà-Tiên ; bờ biển thấp và phẳng.

EM NHỚ :

Ở phía Đông Việt-Nam là biển Nam-Hải.

Các đảo quan-trọng ở Việt-Nam là Cái Bán, Cái Bàu, Cát Bà, Hoàng-Sa, Côn-Sơn, Phú-Quốc.

Bờ biển Việt-Nam dài 2.500 km có các vịnh Hạ-Long, Khoái-Tử-Long, Nha-Trang, Cam-Ranh và có thể chia ra làm 4 đoạn : hai đoạn gồ-ghề, hiểm-trở và hai đoạn thấp và phẳng.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Ở phía Đông Việt-Nam có biển gì ?

2. Bờ biển Việt-Nam có thể chia làm mấy đoạn ?

3. Hai đoạn thấp và phẳng chạy từ đâu đến đâu ?

— Từ Hải-Phòng đến

— Từ đến Hà-Tiên.

4. Chỉ trên bản đồ đoạn gồ-ghề từ Qui-Nhơn đến Phan-Rang.

5. Các vịnh quan-trọng ở những đoạn bờ biển phẳng hay gồ ghề ?

6. KHÍ-HẬU



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN :

Hình 1 : Cảnh sương mù ở Đà-Lạt.

- Tại sao trong hình này, cảnh ở xa bị mờ ? Khi có sương mù, thời-tiết nóng hay lạnh ? Những dấu bóng-láng trên mặt đường là gì ?

Hình 2 : Một cụ già đang đi trong mưa phùn ở miền Bắc.

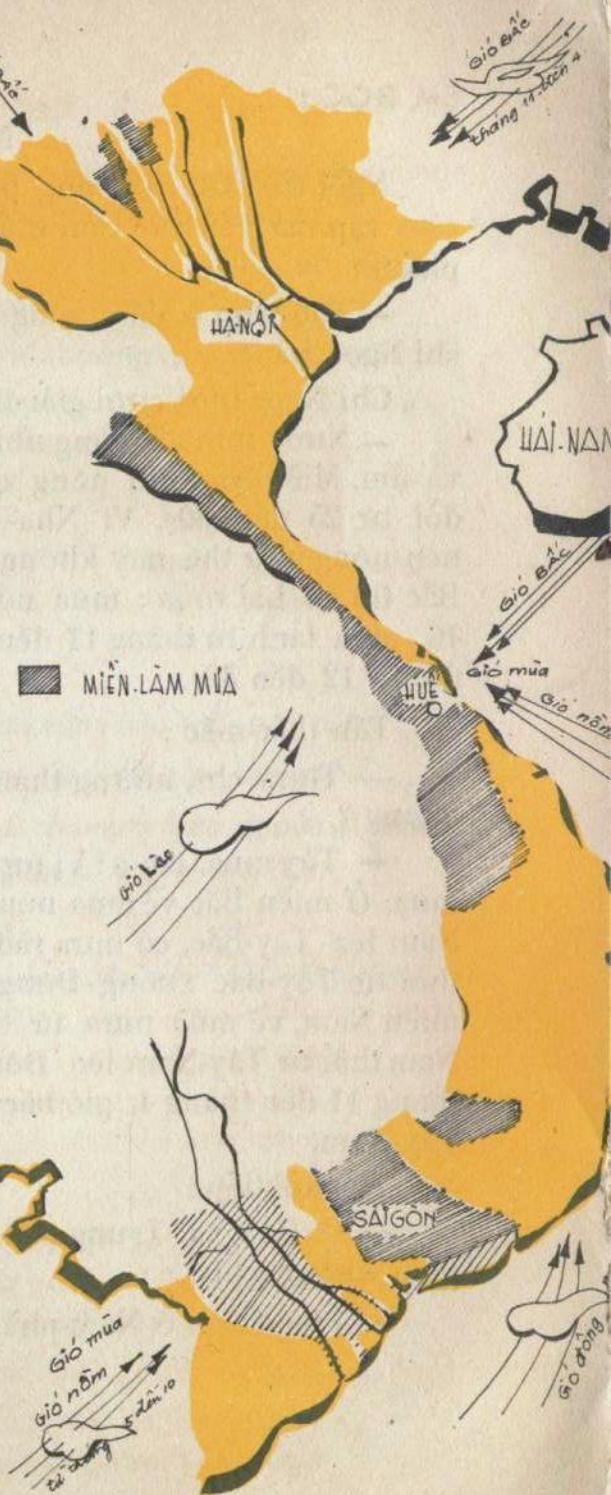
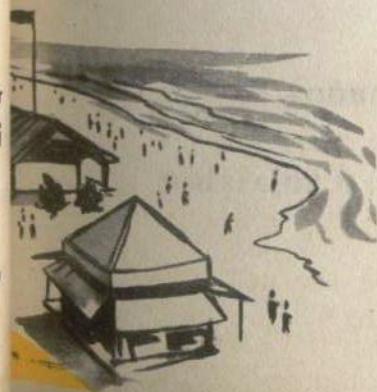
- Em có nghe nói « mưa phùn gió bắc » không ? Thế nào là mưa phùn gió bắc ? Trong Nam có mưa phùn không ?

Hình 3 : Một cảnh lụt-lội.

- Khi có lụt-lội, đường-sá thế nào ? Lúc bấy giờ người ta đi lại bằng gì ? Các em hãy nói cái lợi và cái hại của lụt-lội.

Hình 4 : Bãi biển Vũng-Tàu (Nam-phần)

- Người ta ra bãi biển để làm gì ? Mùa nào người ta thường đi tắm biển ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19.....

Ngồi trên bãi cát trắng phau, dưới những tàn cây rậm rạp mà Tấn vẫn cảm thấy nóng-nực. Công than phiền :

— Sao trưa ở đây nóng cũng như ở Sài-gòn vậy, chị Ngọc hả ?

Chị Ngọc tươi cười giải-thích :

— Nước mình ở vùng nhiệt-đới nên khí hậu nóng và ẩm. Miền Nam thì nóng quanh năm, nhiệt-độ thay đổi từ 25 đến 30°. Vì Nha-Trang ở gần Miền Nam, nên nóng như thế này không có gì là lạ lăm đâu. Miền Bắc thi có hai mùa : mùa nóng từ tháng 5 đến tháng 10, mùa lạnh từ tháng 11 đến tháng 4, nhiệt-độ thay đổi từ 12 đến 32°.

Tấn thắc-mắc :

— Thưa chị, những tháng khác có nóng như vậy không ?

— Tùy mùa, em à ! Vì nước ta ở trong khu vực gió mùa. Ở miền Bắc về mùa nóng, gió nồm thổi từ Đông Nam lên Tây-Bắc, có mưa rào ; về mùa lạnh, gió bắc thổi từ Tây-Bắc xuống Đông-Nam, có mưa phùn. Ở miền Nam, về mùa mưa, từ tháng 5 đến tháng 10, gió Nam thổi từ Tây-Nam lên Đông-Bắc ; về mùa nắng, từ tháng 11 đến tháng 4, gió bắc thổi từ Đông-Bắc xuống Tây-Nam.

Tấn hỏi tiếp :

— Ở Bắc và Trung-phần thường hay có bão-tố phải không, chị ?

— Phải ! Còn ở Nam-phần thi ít khi có bão.

EM NHỚ :

Nước Việt-Nam ở vùng nhiệt-đới, nên khí-hậu nóng và ẩm. Từ Bắc vào Nam, khí-hậu rất khác nhau.

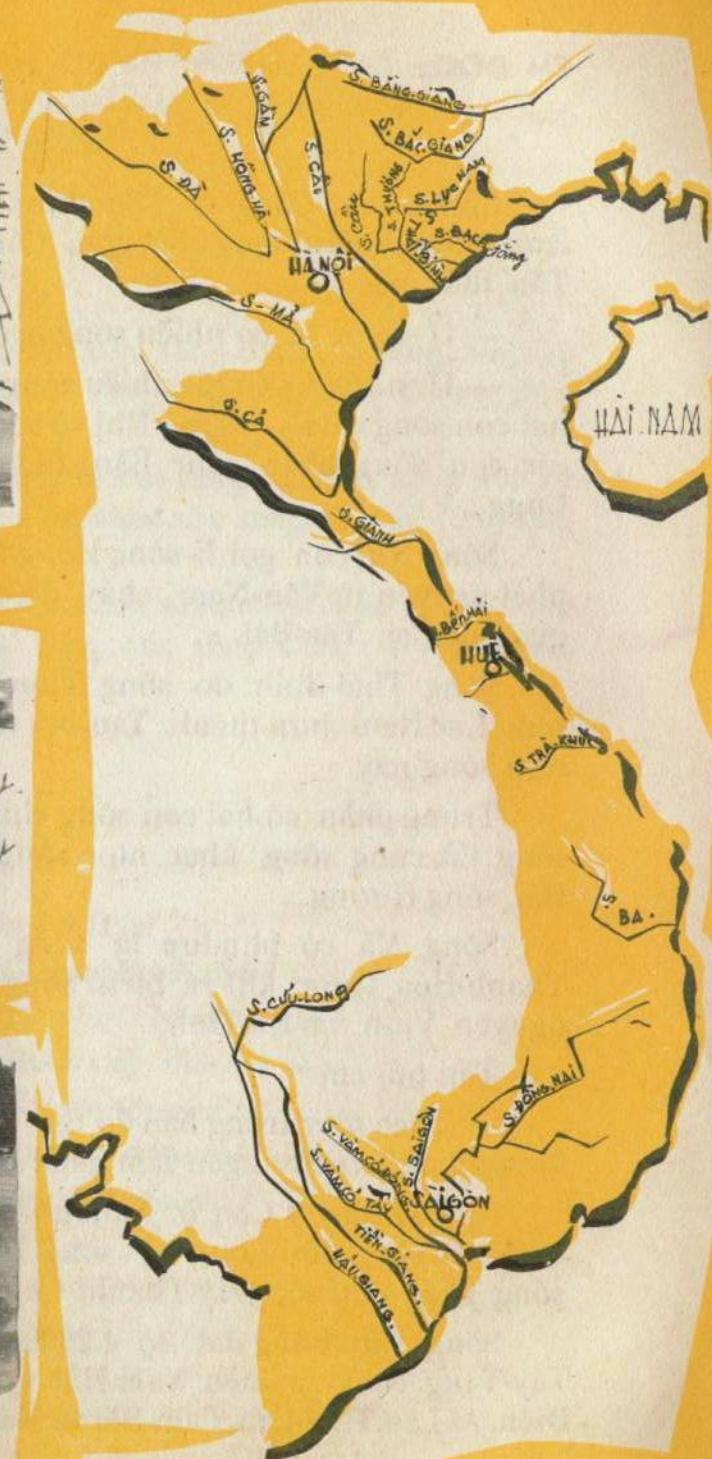
Nước ta ở vào khu-vực gió mùa : miền Bắc có gió nồm và gió bắc, miền Nam có gió Bắc và gió Nam.

Ở Bắc và Trung-phần thi thường hay bị nạn bão-tố.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Nước Việt-Nam ở vào vùng nào trên trái đất ?
2. Nhiệt-độ ở miền Nam thay đổi như thế nào ?
3. Khí-hậu của nước ta chịu ảnh hưởng của gì nữa ?
4. Miền nào có mưa phùn ?
5. Thế nào là gió nồm ?
6. Tại sao ở Bắc và Trung-phần thường hay bị lụt ?

7. SÔNG-NGỜI



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1 : Trên mặt sông Hồng vào lúc bình-minh.

- Trên mặt sông Hồng, em thấy có gì ? Sông-ngoài đem nguồn-lợi gì cho dân ta ? Mặt sông có sóng to như biển cả không ?

Hình 2 : Phong cảnh sông Hồng vào mùa nước lũ.

- Em có thấy những bãi với nhà cửa san-sát trên sông Hồng không ? Em thấy bên mạn sông Hồng có gì ? Việc đắp đê có lợi ích gì ?

Hình 3 : Cảnh sông Hương của Cố-đô Huế.

- Em có nghe nói « sông Hương núi Ngự » lần nào chưa ? Trên dòng Hương-giang, em thấy có những gì ? Mặt nước sông Hương thế nào ?

Hình 4 : Sông Cửu-long ở Nam-phần trong mùa nắng ráo.

- Người ta thường đi lại trên sông bằng gì ? Tại sao người ta thích dùng xuồng ? Em có thấy những rặng dừa xanh dọc theo bờ sông không ?

EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19....

Chiều nay, Công và Tấn được chị Ngọc dẫn đi chơi thuyền trên sông Sài-gòn. Công thích-thú lắm. Tấn thắc-mắc :

— Ở nước ta có nhiều sông-ngòi không, hả chị?

— Ở nước ta có rất nhiều sông-ngòi. Bắc-phần có hai con sông chính là sông Nhị và sông Thái-Bình, cùng các con sông khác như Bằng-Giang, Bắc-Giang, Kỳ-Cùng...

Sông Nhị còn gọi là sông Hồng-Hà, dài lối 1.200km phát-nguyên từ Vân-Nam, chảy đồ ra vịnh Bắc-phần, qua Lao-Cai, Yên-Bái.

Sông Thái-Binh do sông Thương, sông Cầu, và sông Lục-Nam hợp-thành. Tàu-bé lưu thông dễ-dàng trên sông này.

Trung-phần có hai con sông chính là sông Mã và sông Cả, cùng sông khác như sông Gianh, sông Bến-Hải, sông Hương...

Sông Mã có phụ-lưu là sông Chu chảy ngang Thanh-Hóa trước khi ra biển. Sông Cả chảy qua binh-nghuyên Vịnh và Hà-Tĩnh.

Tấn hỏi chị :

— Theo như trong bản đồ thi Trung-phần hẹp, đó sông ngòi ở đây ngắn lắm phải không, chị?

— Phải đấy ! Còn ở Nam-phần có hai con sông chính là sông Cửu-Long và sông Đồng-Nai, cùng các sông khác như sông Mỹ-Thạnh, Gành-Hào, Ông-Đốc.

Sông Cửu-Long dài độ 4.200km, phát-nguyên từ Tây-Tạng chảy ra biển Nam-Hải qua các nước Miền-Điện, Ai-Lao, Thái-Lan, Cam-Bốt và Nam-phần Việt-Nam.

Sông Đồng-Nai dài độ 500km, phát-nguyên từ cao-nghuyên Lâm-Viên có các phụ-lưu là sông La-Ngà, sông Bé, sông Sài-gòn...

EM NHỚ :

Ở Bắc-phần có hai con sông chính là sông Nhị và sông Thái-Bình cùng các sông khác như Bằng-Giang; Bắc-Giang, Kỳ-Cùng...

Ở Trung-phần có hai con sông chính là sông Mã và sông Cả, cùng các sông khác như sông Gianh, sông Bến-Hải, sông Hương...

Ở Nam-phần có hai con sông chính là sông Cửu-Long và sông Đồng-Nai cùng các sông khác như Mỹ-Thạnh, Gành-Hào, Ông-Đốc...

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Sông Nhị còn gọi là gì ?
2. Sông Nhị phát-nguyên ở đâu ?
3. Sông Chu là phụ-lưu của sông nào ?
4. Sông-ngòi miền Trung như thế nào ?
5. Sông Đồng Nai có phụ-lưu nào quan-trọng ?
6. Miền Nam có nhiều sông-ngòi không ?
7. Sông Cửu-Long phát-nguyên từ đâu ?

8. HỌC ÔN VIỆT-NAM THIÊN-NHIÊN

1. Nước Việt-Nam giáp ranh với:

Các nước	Bắc	Tây	Đông	Nam
Ai-Lao				
Trung-Hoa				
Cam-Bốt				
Biển Nam-Hải				

2. Diện-tích nước Việt-Nam được bao nhiêu?

- a. 255.000km² ; b. 300.000km² ; c. 326.000km²
- d. 350.000km² ; e. 400.000km²

3. Em cho biết tên những dãy núi lớn ở Việt-Nam

- 1. ; 4.
- 2. ; 5.
- 3. ; 6.

4. Em cho biết các cao-nghien dưới đây ở miền nào?

Tên các cao-nghien	Bắc-phàn	Trung-phàn	Nam-phàn
Di-Linh			
Sơn-La			
Mộc-Châu			
Lâm-Viên			
Gia-Lai			
Đắc-Lác			

5. Tại sao ở Nam-phàn không có cao-nghien rộng lớn?

6. Bình-nghien nào có những đặc-tính ghi ở cột tay trái?

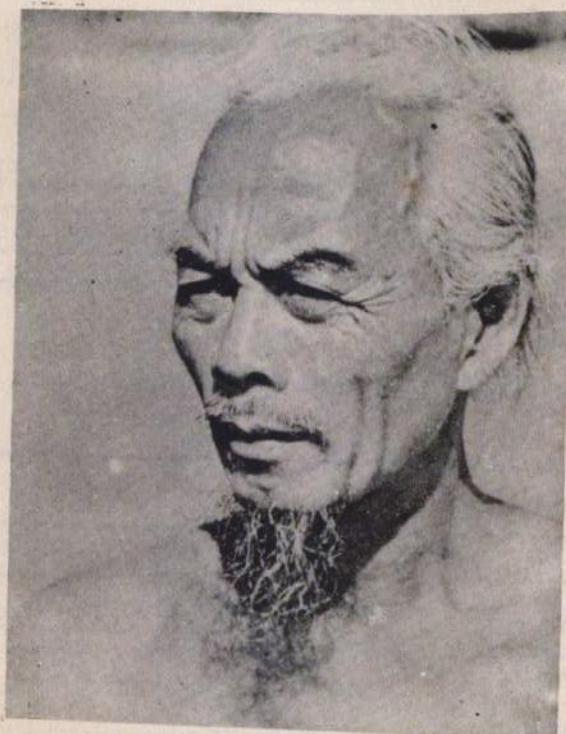
Đặc-tính	Bình-nghien Bắc - phàn	Bình-nghien Trung-phàn	Bình-nghien Nam-phàn
• Do phù - sa sông Cửu-Long và Đồng-Nai tạo thành.			
• Do phù - sa sông Hồng-Hà và Thái-Bình tạo thành.			
• Hình tam giác.			
• Nhỏ và hẹp.			
• Vực thóc lớn nhất.			

7. Miền nào có các con sông dưới đây?

Các con sông	Nam	Trung	Bắc
Cửu-Long			
Hồng-Hà			
Đồng-Nai			
Thái-Bình			
Mã, Cá			

8. Nước Việt-Nam ở vào miền nào trên trái đất?

- a. Xích-đới
- b. Ôn-đới
- c. Bắc-cực
- d. Nhiệt-đới
- e. Hàn-đới
- f. Nam-cực



CHƯƠNG II

VIỆT-NAM NHÂN-VĂN

9. DÂN-CƯ: NGƯỜI VIỆT



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1: Y-phục phụ-nữ Việt-Nam qua các thời đại.

- Hiện nay y-phục phụ-nữ Việt-Nam như thế nào ? Y-phục ngày xưa ra sao ? Mái tóc của phụ-nữ Việt-Nam ngày xưa và ngày nay khác nhau thế nào ?

Hình 2: Một thiếu-nữ ở thôn quê Bắc-phàn.

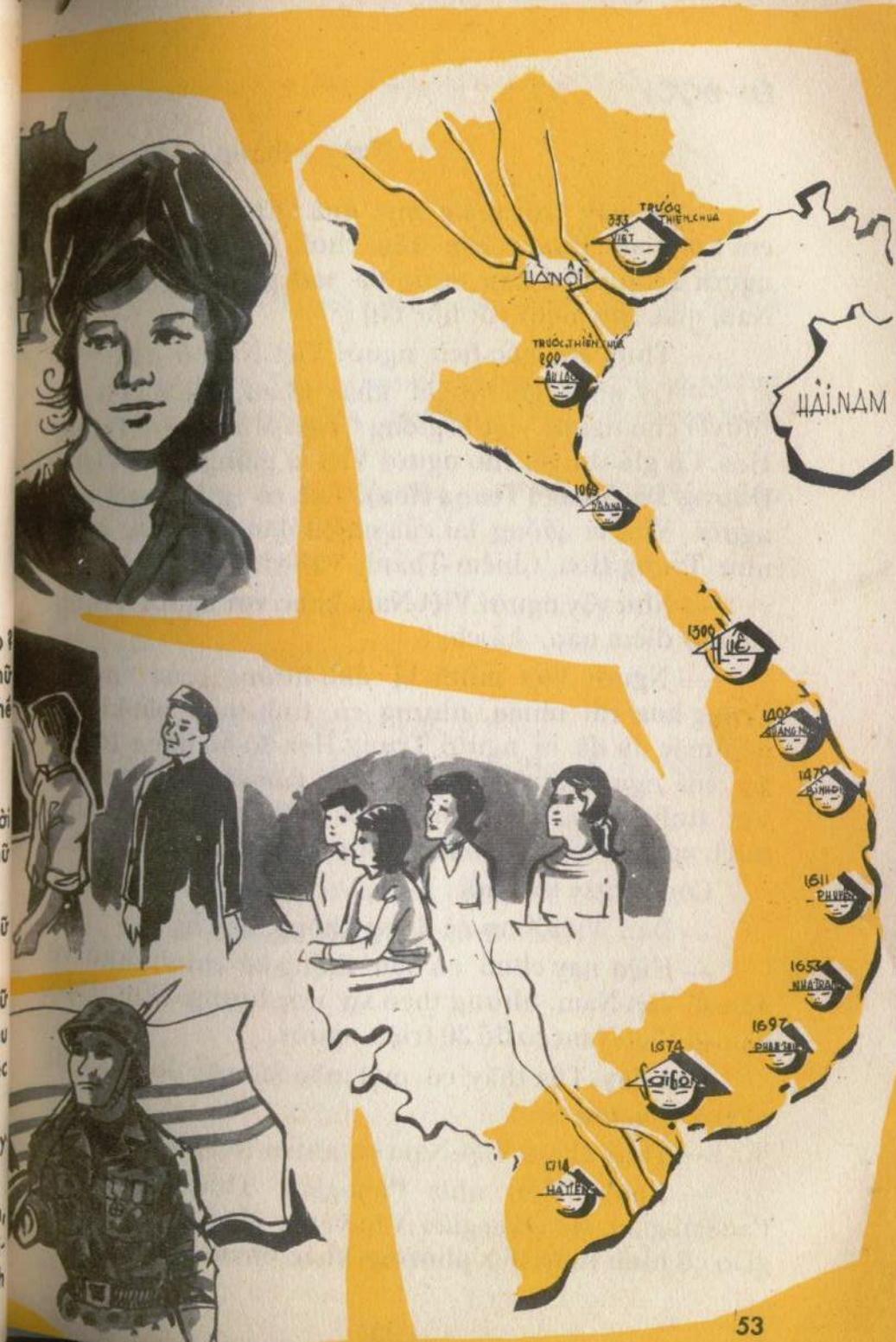
- Thế nào là khăn mỏ quạ ? Mái tóc của người thiếu-nữ miền Bắc ngày xưa ra sao ? Thiếu-nữ miền Bắc ngày nay còn nhuộm răng không ?

Hình 3: Sinh-viên Việt-Nam đang dự một lớp học chữ Hán.

- Tại sao ngày nay người ta vẫn còn học chữ Hán ? Phụ-nữ Việt-Nam ngày nay đi học có nhiều không ? Quan-niệm « đàn bà chỉ nên lo việc nội trợ » ngày nay có còn đúng không ?

Hình 4: Một chiến binh Việt-Nam trong sắc-phục « Thủy quân Lục-chiến ».

- Tại sao thanh-niên Việt-Nam phải tòng quân, nhập ngũ ? Người chiến binh trong hình có oai-dũng không ? Lớn lên em có thích trở thành một quân-nhân không ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19...

Chiều nay trời nóng nực quá ! Chị Ngọc dẫn hai em Công và Tấn ra bến tàu chơi. Tấn thấy những người Trung-Hoa bán nước đá sao giống người Việt-Nam quá, suy-nghĩ rồi hỏi chị :

— Thưa chị, gốc-tích người Việt-Nam ở đâu ?

— Có nhiều giả-thuyết khác nhau, em à ! Có giả-thuyết cho người Việt là giống Tam-Miêu bên Trung-Hoa. Có giả-thuyết cho người Việt là giống Bách-Việt ở Dương-Tử-Giang (Trung-Hoa). Lại có giả-thuyết cho người Việt là giống lai của nhiều dân-tộc khác nhau như Trung-Hoa, Chiêm-Thành vân-vân...

— Như vậy, người Việt-Nam khác với người Trung-Hoa ở điểm nào, hả chị ?

— Người Việt minh bị ảnh-hưởng của người Trung-hoa/ rất nhiều, nhưng có tinh-thần bất-khuất, nên mặc dù đã bị người Trung-Hoa đô-hộ hàng 10 thế kỷ, mà người minh vẫn giữ được bản-sắc của dân-tộc. Với tính thông-minh, hiếu-học, yêu quê-hương tha-thiết, người Việt đã bao lần làm rạng danh cho Tổ-quốc.

Công ngày thơ hỏi :

— Dân Việt-Nam có đồng không, hả chị ?

— Hiện nay chưa có bản thống-kê chính-thức về dân-số Việt-Nam, nhưng theo sự ước-lượng năm 1963, dân-số Việt-Nam có độ 30 triệu người.

Đến đây, Tấn thấy có một nhà sư mặc áo cà-sa đi ngang qua, hỏi chị :

— Thưa chị, ở Việt-Nam có nhiều tôn-giáo không ?

— Nhiều lắm, như Phật-giáo, Thiên-Chúa-giáo, Cao-Đài-giáo, Hòa-Hảo-giáo vân-vân... Mặc dù các tôn-giáo có hình thức thờ phượng khác nhau, nhưng mục-

dịch chung vẫn là « thờ Đáng Chi-Tôn và thương yêu đồng-loại ».

EM NHỚ :

Có nhiều giả-thuyết khác nhau về gốc-tích của người Việt.

Tuy bị người Trung-Hoa đô-hộ hàng 10 thế-kỷ, nhưng nhờ tinh-thần bất-khuất, người Việt vẫn giữ được bản-sắc của dân-tộc.

Người Việt có độ 30 triệu người theo nhiều tôn-giáo khác nhau.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Gốc-tích của người Việt ở đâu ?

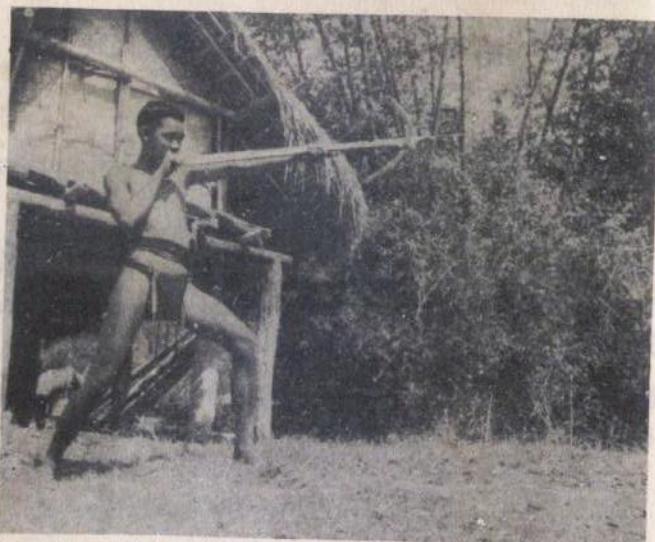
2. Người Việt đã bị người Trung-Hoa đô-hộ hàng 10 thế-kỷ, tại sao không bị đồng-hóa ?

3. Dân-số Việt-Nam ước-cđộ bao nhiêu ?

4. Ở Việt-Nam có những tôn-giáo nào ?

5. Các tôn-giáo nhằm mục-dịch nào ?

10. DÂN-CƯ (tiếp theo) DÂN THIỀU-SỐ VÀ NGOẠI-KIỀU



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1 : Một cảnh nhà người Thượng.

- Ngoài danh-từ « dân thiểu-số », tại sao người Thượng còn gọi là « dân sơn-cước » ? Nhà cửa của họ thường xây cất ở miền nào ? Họ có ở nhà trệt như người Kinh không ? Tại sao ?

Hình 2 : Một thiểu-nữ Thái.

- Người Thái có phải là dân thiểu-số không ? Dân thiểu-số thường sống ở miền nào ? Tại sao họ ít sống ở miền bình-nghuyên ?

Hình 3 : Một đồng-bào Thượng.

- Thế nào là đồng-bào Thượng ? Người ta còn gọi đồng-bào Thượng là gì ? Vì sao người ta gọi là dân thiểu-số ?

Hình 4 : Trước cửa một tiệm chè-phô ở Chợ-Lớn.

- Trong hai người, ai là chủ tiệm ? Theo em, chủ tiệm là người gì ? Hàng chữ bên phải là thứ chữ gì ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19...

Hôm nay, ba chị em Ngọc, Công và Tấn đi chơi ngoài đường phố chợ trông thấy một người phục sức có vẻ khác thường, chị Ngọc muốn thử hai em nên hỏi :

— Hai em có biết người đang đi trước mặt chúng ta là người gì không ?

Tấn nhanh-nhẹn trả lời :

— Đó là người Thượng, dân thiểu-số Việt-Nam, phải không chị ?

Chị Ngọc gật đầu. Công xen vào :

— Dân thiểu-số ở Việt-Nam có nhiều không, hả chị ?

— Dân thiểu-số ở Việt-Nam ước-độ hai triệu người, gồm có người Thái, người Thổ, người Nùng, người Mán, người Mèo, người Mường, người Mọi, người Chàm, người Miên vân-vân...

Tấn thắc-mắc hỏi chị :

— Thưa chị, những người này sống ở đâu ?

— Người Thái gồm có Thái đen, Thái trắng sống rải-rác ở những thung-lũng vùng Lai-Chau, Lạng-Sơn, Cao-Bằng, Sơn-La. Người Thổ, người Nùng, người Mán chiếm các núi thấp ở vùng Mông-Cái, Nho-Quan. Người Mèo sống trên những dãy núi cao miền Thượng-du Bắc-phần. Người Mường chiếm miền núi Thanh-Nghệ. Người Thượng ở dãy Trường-Sơn và cao-nuyễn Trung-phần. Người Chàm sống rải-rác ở Khánh-Hòa, Ninh-Thuận, Bình-Thuận và một số ít sống ở các tỉnh Tây-Ninh, An-Giang. Người Miên cư-ngụ tại các tỉnh Kiên-Giang, Vĩnh-Bình...

Tấn nhớ ra liền hỏi :

— Còn người ngoại-kiều có bao nhiêu, hả chị ?

— Ngoại-kiều ở Việt-Nam ước-độ một triệu, gồm có người Trung-Hoa, Ấn-Độ, Pháp, Mỹ vân-vân... Người Trung-Hoa ở rải-rác khắp Việt-Nam, một số lớn sống bằng nghề thương-mại. Người Pháp sống tại các đô-thị lớn, kinh-doanh kỹ-nghệ và ở những đồn-diền to rộng. Người Ấn-Độ ở thành-phố quan-trọng, chuyên nghề buôn-bán hoặc cho vay lãi lời. Người Mỹ ở rải-rác khắp Việt-Nam Cộng-Hòa để làm cố-vấn kỹ-thuật, kinh-tế và quân-sự cho ta.

EM NHỚ :

Dân thiểu-số ở Việt-Nam còn gọi là đồng-bào Thượng, có độ hai triệu người, sống rải-rác ở các đồi núi hay thung-lũng.

— Ở Bắc-phần có người Thái, người Thổ, người Nùng, người Mán, người Mèo.

— Ở Trung-phần có người Mường, người Thượng, người Chàm.

— Ở Nam-phần cũng có người Chàm, và đặc-biệt là người Miên, thổ-dân còn sót lại của xứ Chân-Lạp.

Ngoại-kiều là người ngoại-quốc từ phương xa đến, cư-ngụ tại Việt-Nam. Ngoại-kiều ở nước ta ước-độ một triệu người, gồm có người Trung-Hoa, người Ấn-Độ, người Pháp, người Mỹ, vân-vân...

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Dân thiểu-số ở Việt-Nam còn gọi là gì ?
2. Họ gồm có những người nào ?
3. Người Mường thường sống ở miền nào ?
4. Thế nào là người ngoại-kiều ?
5. Kèm một số ngoại-kiều ở Việt-Nam mà em biết.

11. CHÍNH-TRỊ



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN :

Hình 1: Người Việt với lá quốc-kỳ.

- Em thấy người cầm lá quốc-kỳ Việt-Nam đứng ở đâu? Lá quốc-kỳ Việt-Nam hình gì? Có những màu gì?

Hình 2: Hà-Nội trước năm 1954.

- Tháp Rùa góc trái trong hình nhắc em nhớ đến vì vua nào?
- Bây giờ các em ra Hà-Nội được không? Tại sao?

Hình 3: Sông Bến-Hải, nằm trên vĩ-tuyến 17, chia đôi lãnh-thổ Việt-Nam. Chiếc cầu bắc ngang sông Bến-Hải gọi là gì?

- Em thấy gì bên kia đầu cầu? Bên này đầu cầu có đồn lính của quân đội Việt-Nam Cộng-Hòa, họ canh giữ gì? Như vậy dân chúng còn qua lại trên cầu này được không?

Hình 4: Sài-gòn, Thủ-đô nước Việt-Nam Cộng-Hòa.

- Chợ Sài-gòn còn gọi là chợ gì nữa? Chợ này có mấy cửa chính? Em có dịp nào đi chợ Sài-gòn chưa? Người ta gọi Sài-gòn là gì của Viễn-Đông?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19...

Chiều nay, chị Ngọc dẫn Công và Tấn vào Chợ-Lợn ăn mì. Khi chị Ngọc gọi chủ « phở-ky » để kêu ba tông mì vịt thì chủ trả lời bằng tiếng Việt rất rõ-ràng, Tấn ngạc-nhiên hỏi chị :

— Sao chủ Hoa-Kiều này nói giọng Bắc hay quá chị hả ?

— À, chủ đó lúc trước ở ngoài Bắc, nói tiếng Việt theo giọng Bắc quen rồi, nên mặc dù chủ đã di-cu vào đây trên 10 năm mà vẫn giữ được giọng ấy.

Công xaya qua hỏi chị :

— Sao chị biết chủ ấy vào đây trên 10 năm ?

— Lúc đó chưa có em nên em không biết. Vào năm 1954, sau Hiệp-định Gio-neo, hơn một triệu đồng-bào ta, trong số đó có nhiều Hoa-Kiều, rời bỏ đất Bắc di-cu vào Nam sinh sống.

Tấn hỏi :

— Hiệp-định Gio-neo là gì, hả chị ?

— Hiệp-định Gio-neo năm 1954 chấm dứt cuộc chiến-tranh Việt-Pháp và chia lãnh-thổ Việt-Nam ra làm đôi, lấy vĩ-tuyến 17 làm ranh giới. Miền Bắc vĩ-tuyến 17 do Việt-Cộng thống-trị. Miền Nam vĩ-tuyến 17 thuộc Chính-phủ. Việt-Nam Cộng-Hòa trong khôi tự-do. Hiện nay Việt-Nam Cộng-Hòa được hơn 50 nước Tự-do công-nhận, ủng-hộ và sẵn-sàng giúp đỡ nếu ta cần đến họ.

Tới đây, chủ « phở-ky » cũng vừa đặt ba tô mì lên bàn...

EM NHỚ :

Hiệp-định Gio-Neo năm 1954 chia đôi nước Việt-Nam, lấy vĩ-tuyến 17 làm ranh giới. Miền Bắc vĩ-tuyến 17 thuộc về Việt-Cộng. Miền Nam vĩ-tuyến 17 thuộc về Chính-phủ Cộng-Hòa.

Nước Việt-Nam Cộng-Hòa ngày nay đã được trên 50 Quốc-gia trong thế-giới tự-do công-nhận và ủng-hộ.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Hiệp-định nào chia đôi nước Việt-Nam ?

2. Lấy gì làm ranh giới ? Ở đâu ?

3. Miền Bắc do ai thống-trị ?

4. Miền Nam theo chính-thề nào ?

5. Nước Việt-Nam Cộng-Hòa hiện nay được bao nhiêu Quốc-gia trong thế giới tự-do ủng-hộ và công-nhận ?

12. VIỆT-NAM NHÂN-VĂN



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN :

Hình 1 : Dinh Gia-Long ở Sài-gòn.

- Ai ở Dinh Gia-Long ? Dinh này nằm trên đường nào ? Dinh Gia-Long lớn hay nhỏ ?

Hình 2 : Tòa Thị-chính ở thành-phố Đà-Nẵng.

- Đà-Nẵng ở đâu ? Ở Trung-phần còn có Thị-xã nào nữa không ?
- Hué còn gọi là gì ? Đà-Lạt thuộc vùng nào của miền Trung ?

Hình 3 : Tòa Đô-chính ở Sài-gòn.

- Sài-gòn là gì của nước Việt-Nam Cộng-Hòa ? Ở Sài-gòn có nhiều công-sở, dinh thự không ? Nhà cửa, phố-xá ở Sài-gòn thế nào ?

Hình 4 : Một công-sở xã trong dịp Ông Tỉnh-trưởng và Ông Quận-trưởng đến viếng.

- Em thấy những gì ghi trên tấm bảng trong hình ? Theo em, vị mặc áo-phục là ai ? Vị mặc quân-phục là ai ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19...

Tấn đang đọc tin-tức trên một tờ báo, có một điều thắc-mắc, đến hỏi chị Ngọc :

— Chị Ngọc nè ! Quốc-trưởng do dân bầu lên có điều-khiền chinh-phủ không ?

— Không em à ! Chinh-phủ do vị Thủ-tướng điều-khiển. Vì Thủ-tướng này do Quốc-trưởng chọn. Còn các ông Tỉnh-trưởng thì do Thủ-tướng chọn. Thủ-tướng có trách-nhiệm trước Quốc-trưởng.

— Thưa chị, còn ở địa-phương thi sao ?

— Nước Việt-Nam Cộng-Hòa có 45 tỉnh, 4 thị-xã và thủ-đô Sài-Gòn. Ở thủ-đô thi có ông Đô-trưởng, thị-xã thi có ông Thị-trưởng và mỗi tỉnh có ông Tỉnh-trưởng đứng đầu trông coi mọi việc. Tất cả những tỉnh và thị-xã này chia làm 4 phần. Mỗi phần có vị Đại-biều Chinh-phủ kiềm-soát. Còn mỗi tỉnh thi chia ra làm nhiều quận, tòng, xã và ấp. Đứng đầu quận có ông Quận-trưởng, tòng có Chánh-tòng, xã có Hội-đồng xã và ấp có Trưởng-ấp điều-khiền.

Tấn hỏi thêm :

— Bốn thị-xã là những nơi nào đâu chị ?

— Bốn thị-xã là : Vũng-Tàu, Đà-Lạt, Đà-Nẵng và Huế.

Đến đây thi mẹ Tấn đi chợ về. Chị Ngọc bận đi phụ nấu ăn với mẹ...

EM NHỚ :

Về hành-chính, nước Việt-Nam Cộng-Hòa chia ra bốn phần, có 45 tỉnh, 4 thị-xã và 1 thủ-đô là Sài-Gòn.

Mỗi phần gồm có nhiều tỉnh do một ông Đại-biều Chính-phủ trông coi. Đứng đầu tỉnh có ông Tỉnh-trưởng, thị-xã có ông Thị-trưởng và thủ-đô có ông Đô-trưởng.

Mỗi tỉnh chia làm nhiều quận và mỗi quận chia làm nhiều tòng, xã, ấp. Đứng đầu quận, tòng, xã và ấp có ông Quận-trưởng, Chánh-tòng, Hội-đồng xã và Trưởng-ấp.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Việt-Nam Cộng-Hòa chia ra mấy phần ?
2. Mỗi phần đặt dưới quyền kiềm-soát của ai ?
3. Ai đứng đầu trong một tỉnh ?
4. Ông Thị-trưởng khác với ông Đô-trưởng như thế nào ?
5. Viết vào tập những tiếng phải diễn vào chỗ trống cho thích-hợp :

Việt-Nam Cộng-Hòa có..... phần. Mỗi phần có một..... trông coi. Phần chia làm nhiều..... đặt dưới quyền của ông..... Tỉnh chia làm nhiều..... có ông..... trông coi. Quận chia làm nhiều..... và..... có ông..... và..... điều-khiền.

13. HỌC ÔN VIỆT-NAM NHÂN-VĂN

1. Dân-số nước Việt-Nam ước-độ bao nhiêu ?
 - a. 20 triệu người
 - b. 30 triệu người
 - c. 40 triệu người
 - d. 25 triệu người
 - e. 35 triệu người
 - f. 50 triệu người
2. Dân thiểu-số ở Việt-Nam sống tại miền nào ?
 - a. Miền bình-nghuyên hay duyên-hải.
 - b. Miền đồi núi hay thung-lũng.
3. Kè các giống người thiểu-số ở Việt-Nam.

Bắc-phàn	Trung-phàn	Nam-phàn
a. Người.....	a. Người.....	a. Người.....
b. Người.....	b. Người.....	b. Người.....
c. Người.....	c. Người.....	
d. Người.....		
e. Người.....		
4. Kè những người ngoại-kiều ở Việt-Nam.
 - a. Người.....
 - b. Người.....
 - c. Người.....
 - d. Người.....
5. Hiệp-định Gio-Neo chia đôi nước Việt-Nam từ năm nào ?
 - a. 1950
 - b. 1958
 - c. 1954
 - d. 1960

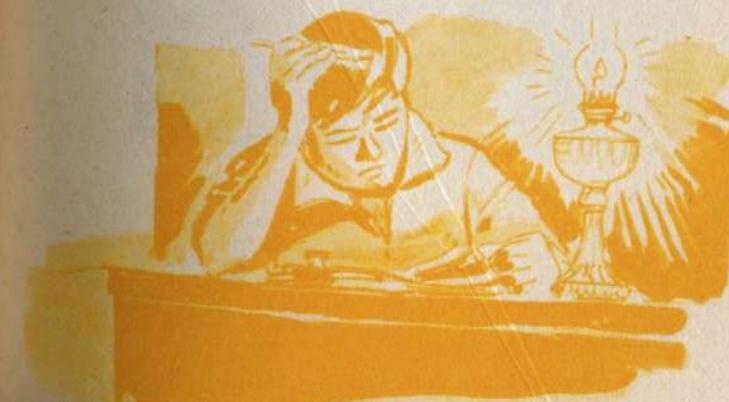
6. Lấy vĩ-tuyến nào làm ranh-giói ?
 - a. Vĩ-tuyến 13
 - b. Vĩ-tuyến 17
 - c. Vĩ-tuyến 15
 - d. Vĩ-tuyến 19

7. Nước Việt-Nam Cộng-Hòa có :

- a..... phòn ;
- b..... tinh ;
- c..... thị-xã ;
- d..... thủ-đô.

8. Em kè những chức-vụ liên-hệ ở mỗi nơi.

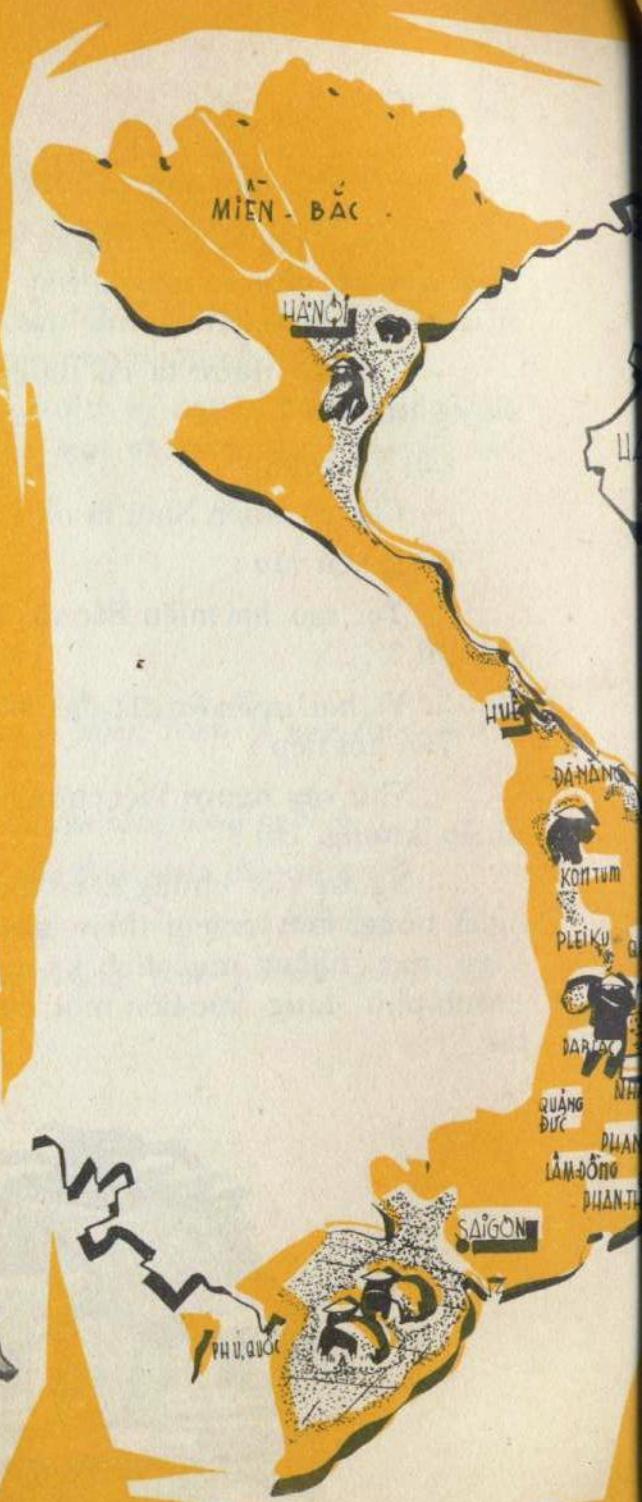
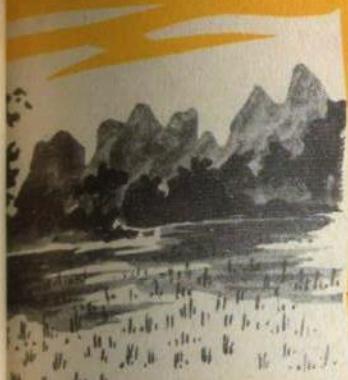
Nơi	Chức-vụ người điều-khiển
Phòn	Ông
Thủ-đô	Ông
Thị-xã	Ông
Tỉnh	Ông
Quận	Ông
Xã	Ông
Áp	Ông





CHƯƠNG III
VIỆT-NAM KINH-TẾ

14. NÔNG-NHỆP



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1: Quang-cảnh nhà của một nông-dân sau mùa lúa chín.

- Em thấy gì trước sân ? Tại sao nhà nông dân thường hay có đồng rơm ? Rơm dùng để làm gì ?

Hình 2: Một thửa ruộng sâu mùa cấy.

- Cây lúa non gọi là gì ? Tại sao những cây mọc được cấy thưa ra ? Sau mùa cấy, đến mùa gì ?

Hình 3: Những bánh xe quạt nước ở vùng Quảng-Ngãi.

- Người ta dùng những bánh xe quạt nước để làm gì ? Lợi ích của việc dẫn thủy nhập điền ra sao ? Kè vài dụng-cụ để tát nước.

Hình 4: Bác nông-phu đang cày ruộng.

- Tại sao người ta phải cày ruộng trước khi cấy lúa ? Người ta thường dùng trâu hay bò để cày ruộng ? Sau khi cày, người nông dân phải làm gì ?

EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19.....

Hôm nay chị Ngọc, Công và Tấn về quê thăm ngoại. Ngồi trên xe, nhìn ra ngoài, thấy những đám mây xanh-ri, bát-ngát đang uốn mình theo làn gió, Tấn hỏi chị:

— Tại sao nước ta có nhiều đồng ruộng mênh-mông như thế?

Chị Ngọc đáp:

— Chỉ có miền Nam là nhiều ruộng thôi.

Công xen vào:

— Tại sao hai miền Bắc và Trung lại có ít ruộng chị nhỉ?

— Vì hai miền ấy đất-dai hầu hết là rừng núi. Tấn hỏi tiếp:

— Như vậy người Việt chúng ta sống về nghề nông nhiều không, chị?

— Người Việt chúng ta có lối 90% chuyên sống về nghề nông, làm ruộng theo phương-pháp cồ-truyền. Hiện nay, nhằm mục-đích kỹ-nghệ-hóa nông-nghiệp, chính-phủ đang xúc-tiến một chương-trình đại-canhh-tác...



EM NHỚ :

Ở miền Nam, đồng ruộng bát-ngát, phì nhiêu. Còn miền Bắc và miền Trung thì ruộng-nương rất ít vì có nhiều núi rừng.

Người Việt-Nam có lối 90% chuyên sống về nghề nông, làm ruộng theo phương-pháp cồ-truyền.

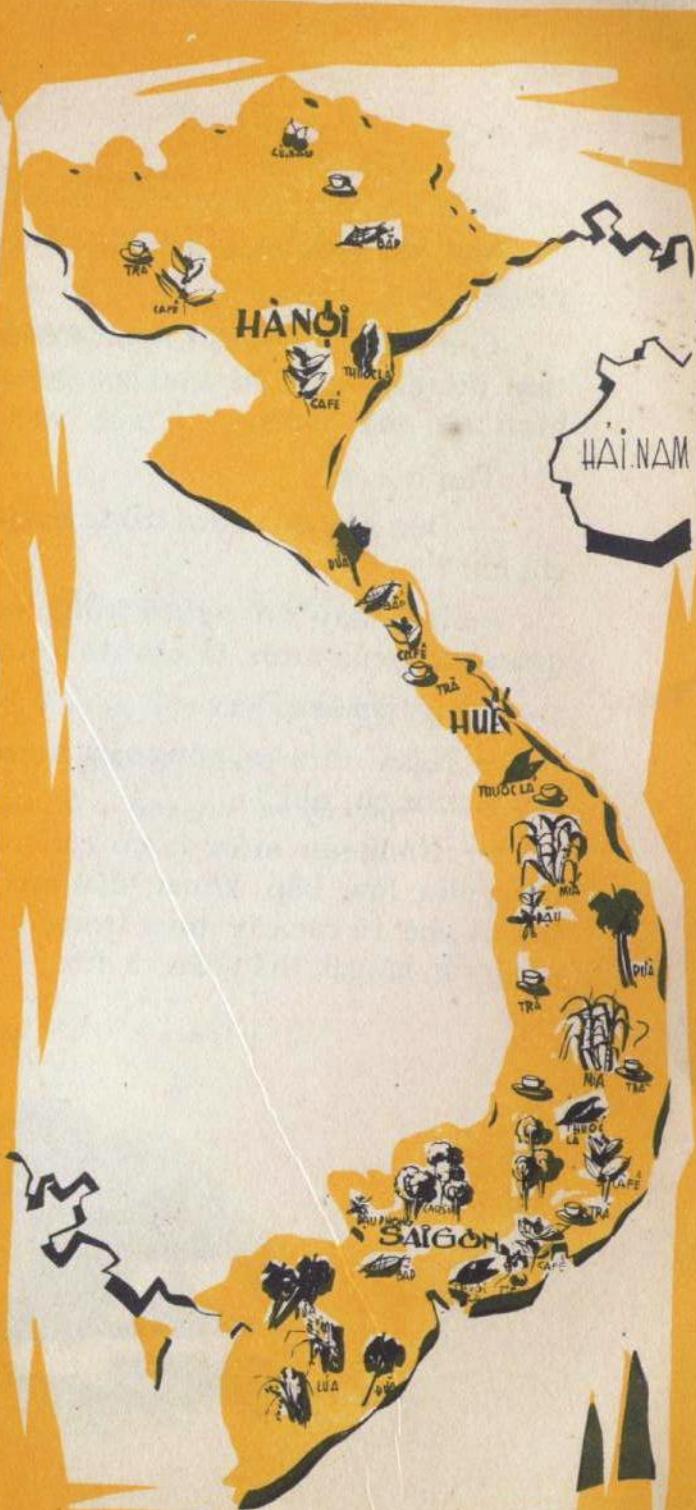
Hiện nay, nhằm mục-đích kỹ-nghệ-hóa nông-nghiệp, chính-phủ đang xúc-tiến một chương-trình đại-canhh-tác.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Tại sao người ta ví miền Nam là vựa thóc của nước Việt-Nam ?
2. Dân Việt-Nam chuyên sống bằng nghề gì ?
3. Lợi ích của việc dẫn thủy nhập điền ra sao ?
4. Tại sao miền Bắc và miền Trung có ít ruộng ?
5. Thế nào là làm ruộng theo phương-pháp cồ-truyền ?



15. NÔNG-SẢN



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN :

Hình 1 : Nhữnghàng dừa xanh và nhữnghđám mía vàng.

- Dừa và mía có phải là nông-sản quan-trọng của nước ta không ? Lợi-ích của cây dừa như thế nào ? Mía dùng đẽ làm gì ?

Hình 2 : Vườn trà ở Bắc-phàn.

- Trà có phải là loại cây đẽ uống hay không ? Trà còn gọi là gì ? Ở Nam phàn có trồng trà hay không ? Người ta trồng trà nhiều nhứt ở đâu ?

Hình 3 : Vườn rau ở cao-nuyễn Trung-phàn.

- Em thấy trong hình có loại rau gì ? Em đã trông thấy vườn rau ở Đà-Lạt chưa ? Rau cải có phải là nguồn lợi ở nước ta không ?

Hình 4 : Đồn-diền cao-su ở Nam-phàn.

- Em có thấy cây cao-su lán nào chưa ? Người ta lấy mù cao-su bằng cách nào ? Cao-su dùng đẽ làm gì ?

EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19..

Sau khi xuống xe, ba chị em thuê thuyền về nhà ngoại.

Con thuyền chở chị Ngọc, Công và Tấn lướt nhẹ trên dòng sông, hai bên bờ có những hàng dừa xanh in hình trên mặt nước.

Tấn hỏi chị :

— Dừa này do người trồng lên hay mọc tự nhiên, chị nhỉ?

— Dừa này do người trồng và là một nông-sản quan-trọng của nước ta.

Công tiếp lời Tấn :

— Ngoài dừa ra, nông-sản nước ta còn có những cây gì nữa, chị nhỉ?

— Nông-sản nước ta có các cây dùng để ăn và uống như lúa, bắp, khoai, đậu, mía, hoa-quả, rau-cải, trà, cà-phê và các cây dùng trong kỹ-nghệ như cao-su, bông vải, bồ, gai, thầu-dầu và dừa...



EM NHỚ :

Nông-sản ở Việt-Nam gồm có các cây dùng để ăn và uống và các cây dùng trong kỹ-nghệ.

Các cây dùng để ăn và uống như lúa, bắp, khoai, đậu, mía, hoa-quả, rau-cải, trà, cà-phê...

Các cây dùng trong kỹ-nghệ như bông vải, bồ, gai, cao-su, thông, thầu-dầu, dừa...

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Nông sản của ta gồm hai loại cây gì?
2. Cây mía thuộc loại cây nào?
3. Em có biết cách lấy mía làm đường không?
4. Kè các loại cây dùng trong kỹ-nghệ?
5. Miền nào có rau-cải và hoa-quả nhiều nhứt?



16. CHĂN NUÔI



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN :

Hình 1 : Một đàn vịt đang lội dưới ao.

- *Đàn vịt đang làm gì dưới ao ? Người ta thường nuôi vịt ở đâu ? Ngoài vịt ra, ở nhà quê người ta còn nuôi gì nữa ?*

Hình 2 : Một đàn bò.

- *Người ta nuôi bò để làm gì ? Tại sao người ta ít dùng bò để kéo cày ? Hiện nay trâu bò ở nước ta có nhiều không ?*

Hình 3 : Một chuồng heo.

- *Người ta nuôi heo để làm gì ? Heo ăn gì ? Cây chuối có thể dùng làm đồ ăn cho heo được không ?*

Hình 4 : Một đàn gà.

- *Gà trống khác gà mái như thế nào ? Nhà em có nuôi gà không ? Nuôi gà để làm gì ?*



EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19...

Sáng nay, chị Ngọc dẫn Công và Tấn đến viếng trại chăn nuôi ở Tân-sơn-nhứt. Trại chia làm nhiều khu. Tấn chỉ khu nuôi gà nói với chị :

— Chà ! Gà ở đây mập và lớn con quá, chị hả ?

— Phải, vì gà ở đây thuộc giống gà tốt để cấp phát cho các nhà chăn-nuôi và nông-dân địa-phương.

— Nước minh có nhiều trại chăn nuôi như vậy không, chị ?

— Có chứ : nhiều trại chăn nuôi heo và gà ở rải-rác các nơi trong nước. Ở khắp miền quê, nhà nào cũng có nuôi một ít gia-súc. Ngoài ra còn có các trại chăn nuôi bò rộng lớn ở Biên-Hòa, Bến-Cát, Đắc-Lác và Ninh-Thuận.

Tấn suy nghĩ :

— Chắc nước ta bây giờ không lo thiếu súc-vật như trước nữa, chị nhỉ ?

— Phải ! Lúc này nước ta đang canh-tân kỹ-thuật chăn nuôi để tăng-gia sản-xuất gia-súc đủ các loại.

— Thưa chị, ngoài trâu, bò, heo, gà, vịt, trong nước minh còn có ngành chăn nuôi nào khác nữa không, chị ?

— Còn chờ ! Chính-phủ đang mở-mang ngành nuôi cá. Có chừng 20 trại nuôi cá ở rải-rác khắp nơi. Họ nuôi nhiều nhứt loại cá Phi, cá Tra vì giống cá này sinh sản nhiều và mau lớn lắm. Nghề nuôi ong lấy mật và sáp cũng được phát-triển. Nghề nuôi tằm cũng đang được chấn-hưng lại.

Tấn nhìn sang Công, hốt-hoảng la lên :

— Chị Ngọc xem kia ! Sao Công ôm bàn tay khóc đó ?

Chị Ngọc chạy đến bên Công :

— Cái gì vậy ? Ai làm gi tay em đó ?

Công mếu-mão nói :

— Em rờ vào mảng đồ ăn, bị gà trống mồ, chị à.

Chị Ngọc và Tấn cười xòa...

EM NHỚ :

Hiện nay nghề chăn nuôi ở nước ta đang được phát-triển.

Trâu bò, ngoài việc dùng cho nhà nông, còn để lấy sữa và thịt nữa.

Nhiều trại chăn nuôi heo, gà, vịt được thiết-lập ở các nơi trong nước.

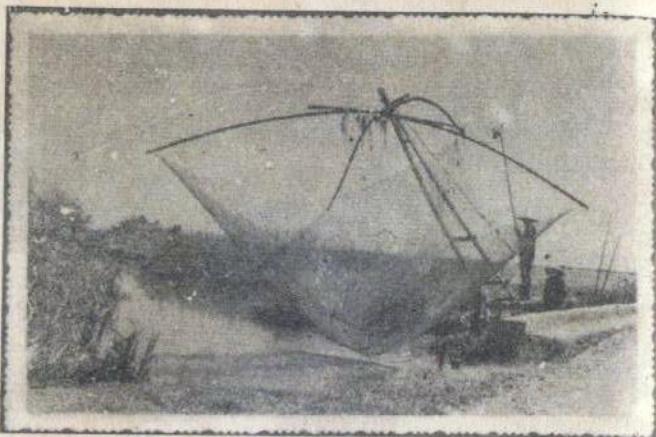
Ngoài ra còn có nghề nuôi cá, nuôi ong, nuôi tằm.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Hiện nay nghề chăn nuôi ở nước ta như thế nào ?
2. Người ta thường nuôi gà, vịt ở đâu ? Nuôi gà vịt để làm gì ?
3. Ngoài gà, vịt ra, người ta còn nuôi gì nữa ?
4. Người ta nuôi ong để làm gì ?
5. Người ta nuôi tằm để làm gì ?



17. HẢI-SẢN: CHÀI-LƯỚI



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1: Kéo vó (cát rát) trên sông.

- Các em có xem ai kéo vó bao giờ chưa ? Em có đi câu cá không ? Câu cá khác với đánh cá thế nào ? Người ta thường đánh cá ở đâu ?

Hình 2 : Đánh cá ở vịnh.

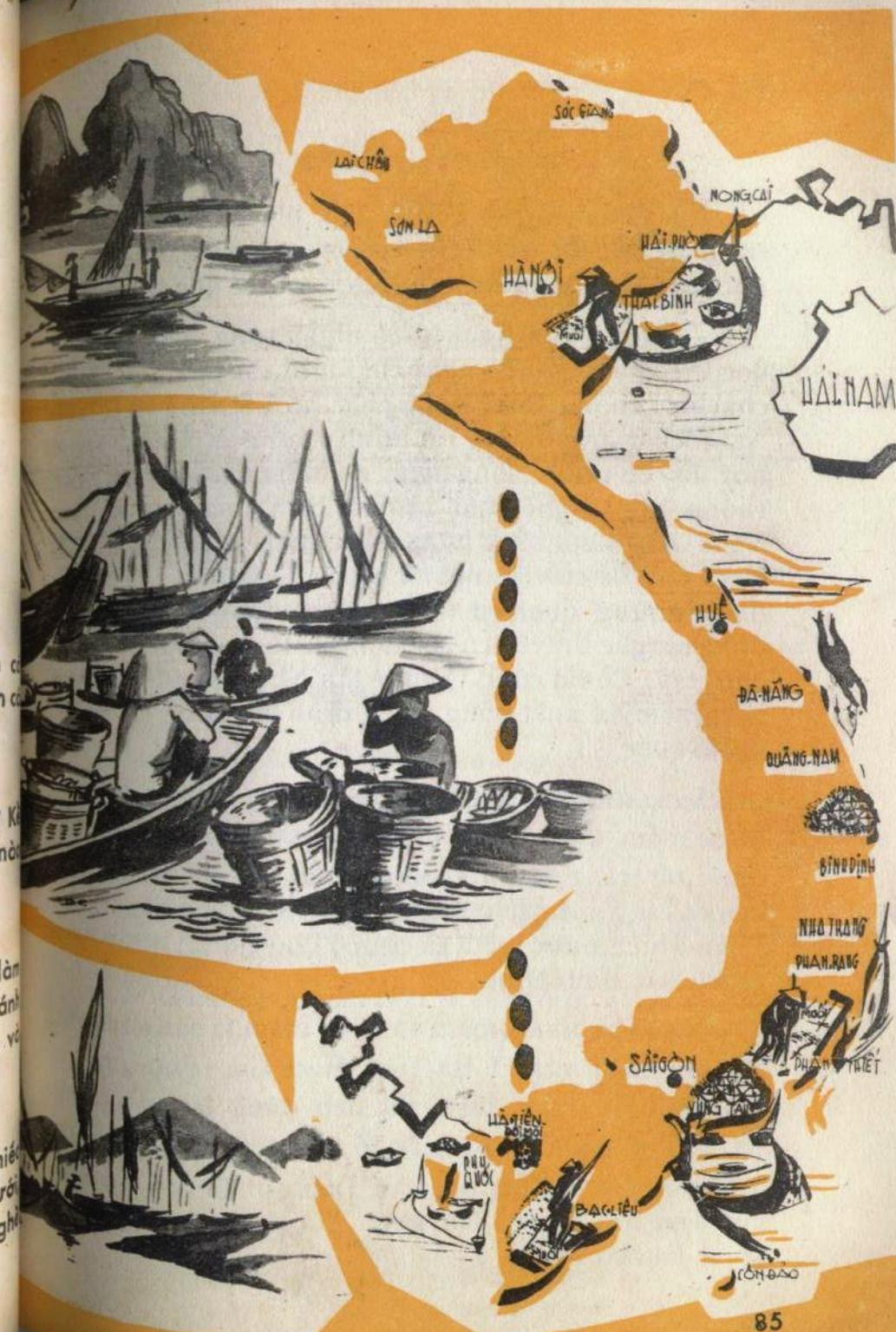
- Cá ở vịnh là cá nước mặn hay nước ngọt ? Khi đánh cá có bắt được một số cá nước mặn. Em có dịp ra khơi lần nào chưa ?

Hình 3 : Quang cảnh bến cá.

- Sau khi đánh cá xong, thuyền cập bến để làm gì ? Em thấy gì trên bến ? Em thấy thuyền đánh cá ở bến khác với thuyền đánh cá ở sông và vịnh như thế nào ?

Hình 4 : Đoàn ghe đánh cá.

- Những cột gì dựng đứng trên ghe ? Những chiếc ghe này dùng để làm gì ? Ngoài nghề chài lưới đánh cá, dân-cư ở miền duyên-hải còn làm nghề gì khác nữa ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19...

Ngày mai có giờ Địa-lý, đến phiên toán của Tá-trinh-hà-y về hải-sản ở Việt-Nam, nên Tán lo-ngại, để nhờ chị Ngọc giúp-đỡ. Chị Ngọc vui-vẻ giải-thích :

— Nước Việt-Nam ta có nhiều sông ngòi và nầm dọc theo biển-cá, nên nghề chài-lưới rất phát-đạt. Nghề chài lưới có hai thứ : nghề chài lưới ở sông và ở biển. Nghề chài lưới ở sông rất thịnh-vượng ở miền Nam vì nơi đây có nhiều sông-ngoài, ao, hồ, rạch và các đồng ruộng sâu. Nghề chài lưới ở biển quan-trọng lắm. Nghề này nuôi sống hàng triệu dân miền duyên-hải. Ngày nay, để cải-tiến ngành ngư-nghiệp, dân ta bắt đầu dùng những dụng-cụ tối-tàn thay dụng-cụ thô-so và dùng các ghe thuyền có gắn động-cơ thay cho ghe thuyền chèo tay. Có vài công-ty thuê tàu Nhật-Bồn đi đánh cá. Hằng năm, ta xuất-cảng hàng ngàn tấn tôm, cá khô ra ngoại-quốc.

Song song với nghề chài lưới là nghề làm muối và nước mắm. Ở các tỉnh miền duyên-hải có nhiều ruộng muối rất trắng và tốt. Ở những nơi bờ biển có nhiều cát đều có các xưởng làm nước nấm. Nước mắm cá mòi ở Phan-Thiết; nước mắm cá cơm ở Phú-Quốc; nước mắm cá trích ở Bình-Định.

Ngoài cá, muối, mắm và nước mắm, ta còn có những hải-sản khác nữa. Ở Hà-Tiên, Rạch-Giá, Phú-Quốc có mai đồi-mồi (ba-ba biển) rất đẹp dùng làm đồ trang trí. Ở Trung-phần có nhiều tò yến trên các đảo, dùng làm món ăn. Ở Nam-phần và Trung-phần còn có nhiều con trai lớn, lấy vỏ làm xà-cừ, dùng để khâm vào đồ gỗ và làm khuy áo.

Tán ghi chép tất cả những lời giải-thích của chị và sung-sướng nói :

— Em cảm ơn chị lắm !

EM NHỚ :

Nước Việt-Nam có nhiều sông-ngoài và nầm dọc theo biển nên nghề chài-lưới rất phát-đạt. Nghề này nuôi hàng triệu dân ta và ngày nay đã được cải-tiến.

Ngoài nghề chài lưới, nước ta còn có nghề làm muối, làm mắm, làm nước mắm, cá khô và sản-xuất các hải-sản quý khác như đồi-mồi, tò-yến, xà-cừ...

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Tại sao nghề chài-lưới ở nước ta phát-đạt ?
2. Nghề chài-lưới ở nước ta ngày nay được cải-tiến như thế nào ?
3. Ở đâu có ruộng muối ?
4. Ở đâu làm nước mắm cá mòi ? Nước mắm cá cơm ? Nước mắm cá trích ?
5. Kênh những hải-sản khác ở Việt-Nam.



18. LÂM-SÀN



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN :

Hình 1 : Một con voi đang kéo gỗ.

- Hình này chụp ở đâu ? Tại sao có sợi dây cột ở cổ con voi ? Ở cao-nghuyên, người ta thường dùng voi để làm những việc gì ?

Hình 2 : Rừng thông.

- Những cây trong hình này cao hay thấp ? Nó mọc như thế nào ? Trong rừng này có nhiều loại cây khác nhau không ? Thế nào gọi là rừng thuần nhứt ?

Hình 3 : Voi trong rừng.

- Những dã-thú thường sống ở đâu ? Chúng sống trong loại rừng nào ? Voi có phải là dã-thú không ? Ngoài voi ra, còn có dã-thú nào nữa ?

Hình 4 : Rừng sát

- Rừng này mọc ở đâu ? Cây cối mọc thế nào ? Đi bộ trong rừng này được không ? Tại sao ? Như vậy phải đi bằng gì mới vào được ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19...

Hôm nay, chị Ngọc vừa rửa xong mấy bức ảnh chụp lúc đi chơi ở Đà-Lạt. Tán xem ảnh ba chị em đang đi qua rừng thông, thích-thú cười hỏi chị :

— Phải rừng thông này gọi là rừng thưa không chị ?

— Không phải ! Nó là rừng thuần-nhứt, vì chỉ có một loại cây mọc mà thôi.

— Thưa chị, ở nước ta có mấy loại rừng thuần-nhứt ?

— Có nhiều thứ. Rừng thông mọc trên cao-nguyên Lâm-Viên ; rừng phi lao mọc ven bờ biển miền Trung ; rừng tre, rừng nứa ở Thái-Nguyên, Bắc-Cạn (Bắc-phần) và Bình-Dương (Nam-phần) ; rừng cỏ tranh ở các đồi miền Bắc.

Công cầm bức ảnh chụp ở khu rừng rậm-rạp ngang đèo Ngoạn-mục đến hỏi chị :

— Vậy rừng này là rừng gì, hả chị ?

— Rừng này là rừng rậm, người ta còn gọi là rừng già nứa.

Công le lưỡi tò vè sợ-sệt :

— Em nghe nói trong rừng già có nhiều thú dữ như cọp, beo, voi, gấu lăm.

Chị Ngọc cười :

— Đúng đấy ! Vì rừng rậm có nhiều cây cao lớn rậm-rạp mọc chí-chít, và dưới những vòm cây đó có các loại cây nhỏ hơn với những dây bò chằng-chít, còn mặt đất thi thường bị tối-tăm, ẩm-thấp, rất tiện cho các thú dữ ăn-núp.

Tán muốn tìm hiểu thêm, hỏi chị :

— Thưa chị, nước ta có mấy loại rừng ?

— Nước ta có năm loại rừng : rừng thuần-nhứt, rừng sát, rừng tràm, rừng thưa và rừng rậm. Nước ta có nhiều rừng như vậy là nhờ khí-hậu nóng và ấm.

Tán hỏi tiếp :

— Những rừng đó cho ta những lâm-sản nào, chị ?

— Nói về lâm-sản thì mỗi loại rừng có một lâm-sản riêng. Rừng sát thi gần bờ biển và bờ sông lớn có các loại cây đặc-biệt như cây đước, cây đùng, cây vẹt v.v... dùng làm sườn nhà, cột nhà hoặc làm củi đốt than than dùng khắp miền Nam. Rừng tràm mọc sau rừng sát, cung-cấp cây tràm. Thân cây thi dùng để cất nhà, đóng cù nền nhà hoặc làm củi. Lá cây chế dầu khuynh diệp. Rừng thưa và rừng rậm là nguồn lợi lớn nhất của Việt-Nam. Mỗi năm, rừng cung-cấp cho ta rất nhiều gỗ quý như lát-hoa, gụ, cầm-lai, trắc, sao, mun, lim, gõ đỏ. v.v.... Loại gỗ tốt it bị mối-mọt, lâu mục, chịu được sức nặng như nghiến, lim ở Bắc-phần, cầm-xe, cà-chắc, sến, gõ mật, sao...., và loại gỗ thường như gié, xoan, bẳng-lăng, vân-vân....

Ngoài gỗ ra, còn nhiều lâm-sản phụ khác như vỏ cây đước đẽ thuộc da và nhuộm lười ; lá dừa đẽ lợp nhà, cây bần, rễ m López làm phao, nón, nút chại ; tre, nứa, mây dùng đẽ đan rổ, rá, làm bàn ghế ; củ nâu và vỏ chàm đẽ nhuộm quần áo ; nhựa thông, cánh kiến dùng đẽ chế sơn ; quế, sa-nhơn dùng làm thuốc ; nấm hương, mộc nhĩ, mật ong rất bồ. Ngoài ra, các dã-thú sống trong rừng còn cho ta sừng (sừng nai), ngà (ngà voi), da và thịt nứa.

Rừng chằng những cung-cấp lâm-sản mà còn giữ được nước mưa khỏi tràn xuống bình-nguyên.

EM NHỚ :

Khí-hậu nước ta nóng và ẩm nên có rất nhiều rừng.
Rừng có năm loại : rừng rậm hay rừng già, rừng thưa,
rừng thuần-nhứt, rừng sát và rừng tràm.

Rừng cho ta các loại gỗ quý, nấm hương, mộc-nhĩ,
mật ong, củ-nâu, cánh-kiến, nhựa cây, que, sa-nhơn và
dã-thú.

Rừng còn giữ nước mưa khỏi tràn xuống bình-nguyên.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Tại sao ở nước ta có nhiều rừng ?
2. Ở nước ta có mấy loại rừng ?
3. Rừng cung-cấp cho ta những loại gỗ quý nào ?
4. Kè những lâm-sản khác.
5. Rừng còn có ích lợi gì nữa ?



19. KHOÁNG-SÂN



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN :

Hình 1: Mỏ than ở Nông-Sơn (Trung-phần).

- Đóng gì cao ngất trong hình? Những vỉ sắt dùng làm gì vậy? Than đá dùng để làm gì?

Hình 2: Mỏ than ở Hòn-Gai.

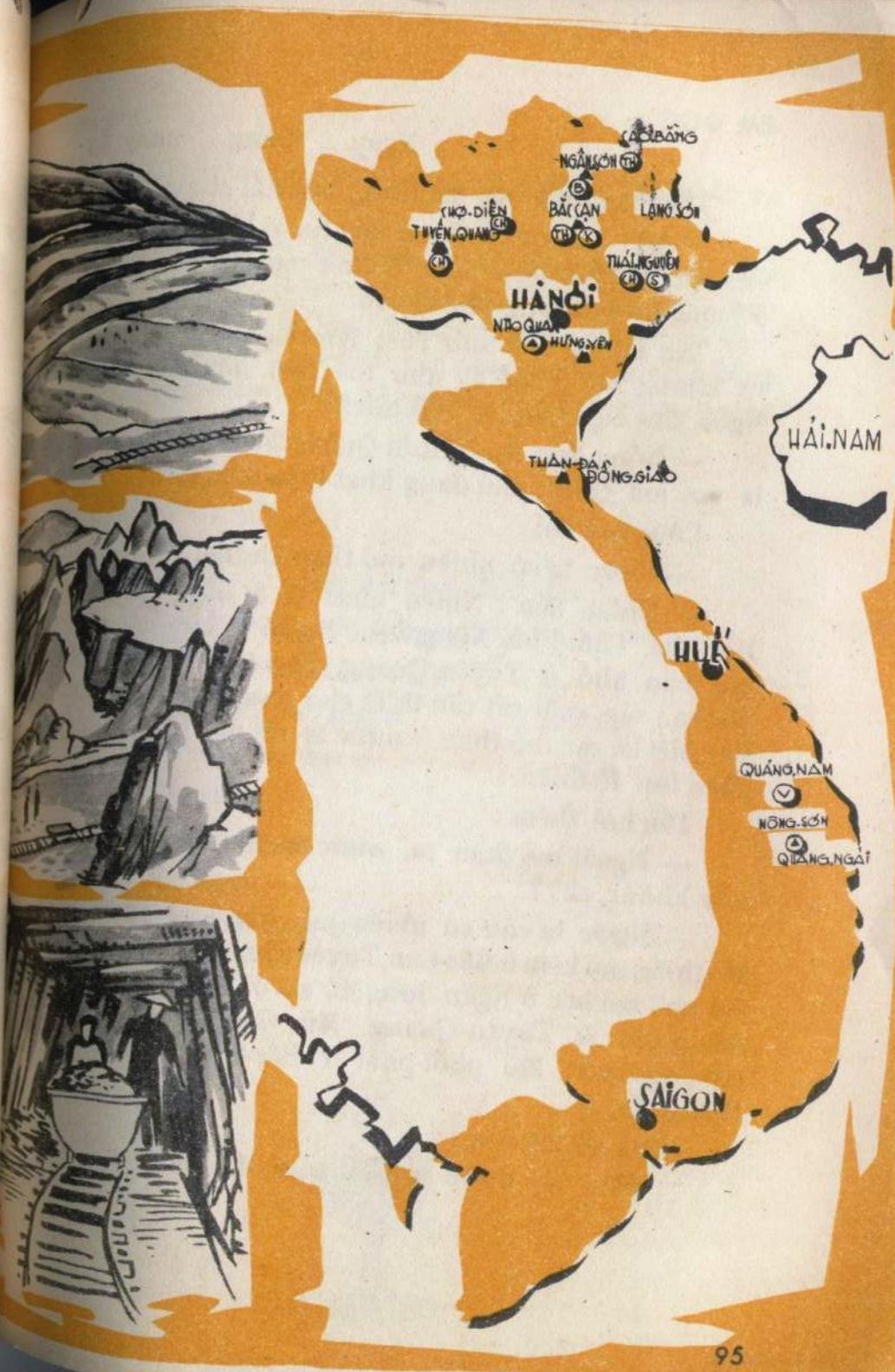
- Những đường ngang trên gò cao là gì? Mỏ than này ở trên vùng cao-nghuyên hay dưới bình-nghuyên? Những toa xe lửa trong hình dùng để làm gì? Tại sao không dùng xe hơi để chuyên chở than ở nông-trường.

Hình 3: Mỏ kẽm ở chợ Diên.

- Đường xe lửa trong hình dùng để làm gì? Khối chữ nhụt ở góc trái là khối gì? Khối kẽm này lấy ở đâu?

Hình 4: Dưới hầm mỏ than.

- Hai người thợ đang làm gì? Tại sao dưới hầm mỏ này, người ta dựng cây ở hai bên và trên nóc? Công việc lấy than đá có gì nguy-hiểm không?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19...

Tán đang học bài thi Công hót-hải chạy vào nói :

— Anh Tán ơi ! Anh có hay tin gì không ? Bác Hai vừa cho em biết anh Tâm đã tinh-nghuyện đi làm việc ở Nông-Sơn (Trung-phần) rồi.

Tán không biết anh Tâm làm việc gì ở Nông-Sơn và không biết ở chỗ ấy như thế nào, nên đến hỏi chị Ngọc. Chị Ngọc vui-vẻ giải-thích :

— Nông-Sơn thuộc tỉnh Quảng-Nam (Trung-phần) là nơi mà chính-phủ đang khai-thác mỏ than.

Công hỏi chị :

— Nước ta có nhiều mỏ than không, hả chị ?

— Nhiều lắm ! Nhiều nhứt là ở dãy Đông-Triều Hòn-Gai, Cầm-Phả, Nông-Sơn. Ngoài ra còn có những mỏ than nhỏ ở Tuyên-Quang, Nho-Quan, Đồng-Giao. Số than sản-xuất rất cần-thiết cho nhu-cầu trong nước. Đặc-biệt là các mỏ than ở nước ta rất dễ khai-thác vì phần lớn lò-thiên.

Tán hỏi thêm :

— Ngoài mỏ than ra, nước ta còn có mỏ gì khác nữa không, chị ?

— Nước ta còn có nhiều mỏ kim-loại khác nữa. Mỏ thiếc, mỏ kẽm ở Bắc-Cạn, Tuyên-Quang, Thái-Nguyên. Mỏ chì, mỏ bạc ở Ngân-Sơn. Mỏ sắt ở Thái-Nguyên. Mỏ măng-gan ở Tuyên-Quang. Mỏ vàng ở Bồng-Miêu (Quảng-Nam). Mỏ phốt-phát ở Bắc-Sơn và quần-đảo Hoàng-Sa.

Công vỗ tay reo :

— Như vậy nước ta giàu quá, chị hả ?

EM NHỚ :

Nước Việt-Nam có nhiều mỏ than đá ở Bắc-phần và Trung-phần.

Ngoài mỏ than đá, nước ta còn các mỏ kim-loại khác như mỏ thiếc, mỏ kẽm ở Bắc-Cạn, Tuyên-Quang, Thái-Nguyên ; mỏ chì, mỏ bạc ở Ngân-Sơn ; mỏ sắt ở Thái-Nguyên ; mỏ măng-gan ở Tuyên-Quang ; mỏ vàng ở Bồng-Miêu (Quảng-Nam); mỏ phốt-phát ở Bắc-Sơn và quần-đảo Hoàng-Sa.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Việt-Nam có nhiều mỏ than đá ở đâu ?

2. Mỏ than đá ở nước ta quan-trọng như thế nào ?

3. Các mỏ kim loại khác ở đâu ?

a) Mỏ thiếc, mỏ kẽm ở

b) Mỏ chì, mỏ bạc ở

c) Mỏ sắt ở

d) Mỏ măng-gan ở

e) Mỏ vàng ở

f) Mỏ phốt-phát ở



20. TIỀU-CÔNG-NGHỆ



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN :

Hình 1 : Xưởng làm đồ-gốm.

- Thế nào là đồ gốm ? Em thấy trong hình có những gì ? Tại sao đồ gốm cần phải được tráng men ?

Hình 2 : Thùng rò được bày bán trong chợ.

- Người ta dùng gì để đan thúng rò ? Nghề đan thúng rò ở nước ta có được thịnh-hành không ? Ở Nam-phần, nơi nào đan thúng rò nhiều nhứt ?

Hình 3 : Nghề thêu tay.

- Thợ thêu thường là đàn ông hay đàn bà ? Nghề thêu ở nước ta ra sao ? Thợ thêu cần dùng những dụng cụ nào ?

Hình 4 : Nghề sửa đồng-hồ.

- Thợ sửa đồng-hồ có cần khéo tay không ? Nghề sửa đồng-hồ có phải là một tiêu-công-nghệ không ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19...

Giờ này ngồi viết lại trang nhứt-ký, Tấm thấy lòng hối-hận quá, vì hồi sáng Tấm đã làm cho chị Ngọc buồn. Tấm không ngờ mình vô ý đến thế.

Đêm hôm qua, Tấm xin chị Ngọc đưa Tấm và em Công lên Bình-Dương xem xưởng sơn-mài. Chị Ngọc nhận lời ngay. Lúc đến Bình-Dương, vào gian hàng chung bày các mỹ-phẩm sơn mài, Tấm ngạc-nhiên quá vì chưa lần nào Tấm được hân-hạnh bước chân vào một gian-phòng trang-hoàng lộng-lẫy như vậy. Tấm thầm nghĩ :

— Nền tiêu-công-nghệ nước minh nay tiến-bộ quá.

Còn Công hết nhìn món này, lại rò-rỉm món khác trong thích-thú lầm. Chị Ngọc vui-vẻ giải-thich từng món hàng cho Công và Tấm nghe rồi kết-luận :

— Nền tiêu-công-nghệ nước ta ngày nay có hai loại : tiêu-công-nghệ cũ và tiêu-công-nghệ mới. Tiêu-công-nghệ cũ gồm các nghề có tinh-cách gia-truyền, thiếc máy-móc, năng-xuất ít và sản-phẩm không đồng nhứt. Trong các tiêu-công-nghệ này, ta có nghề dệt tơ lụa ở Hà-Đông, Thái-Bình, Nam-Định, Quảng-Nam, Sài-Gòn, Long-An, Long-Xuyên ; nghề đan chiếu ở Phát-Diệm, Định-Tường, Kiến-Tường, Kiên-Giang ; nghề làm đồ khâm, đồ thêu, đồ bồng ngà ở Nam-Định, Bắc-Ninh ; nghề lâm đồi-mồi ở Kiên-Giang (Hà-Tiên) ; nghề làm sơn-mài, đồ gốm ở Bình-Dương, Biên-Hòa... Còn tiêu-công-nghệ mới được tập-trung ở các tỉnh-thành và được thịnh-hành từ khi người minh biết dùng các sản-phẩm Tây-phương, như các nghề đóng giày, làm nón, thuộc da, sửa và ráp đồng-hồ, máy thâu-thanh, xe gắn máy...

Chị Ngọc vừa nói đến đây thì Tấm sơ-ý đánh rơi chiếc hộp sơn-mài đựng đồ trang-sức phụ-nữ làm vỡ

tan mặt kính bên trong. Tấm xanh mặt đứng ngây người. Chị Ngọc cuộn xuống nhặt lên. Người bán hàng đến. Chị Ngọc vui-vẻ hỏi :

— Tôi muốn mua chiếc hộp này, giá bao nhiêu ?
— Thưa 420\$.

— Chị Ngọc đến két trả tiền, rồi ba chị em ra về. Chị Ngọc chẳng hề quở trách Tấm lời nào cả. nhưng trong nét mặt của chị, có lẽ chị buồn lầm.

EM NHỚ :

Nền tiêu-công-nghệ nước ta được chia làm hai loại là tiêu-công-nghệ cũ và tiêu-công-nghệ mới.

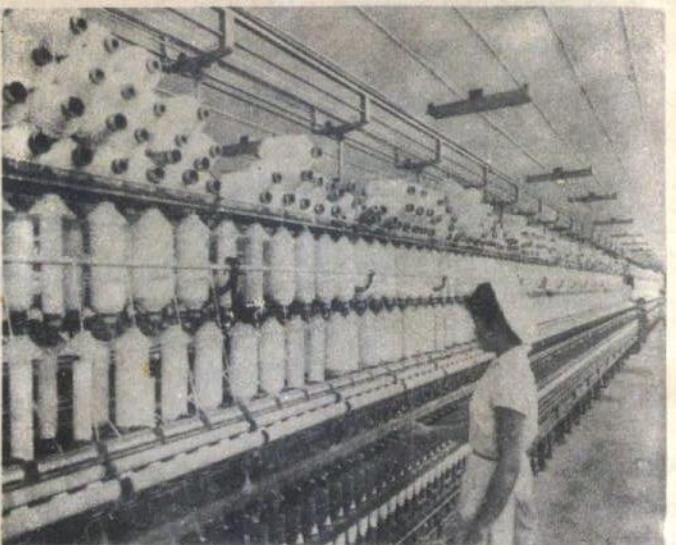
Tiêu-công-nghệ cũ thu-hợp trong phạm-vi gia-dình, gồm có các nghề làm chiếu, đồ ngà, đồ sừng, đồ thêu, đồ gốm, v...v...

Tiêu-công-nghệ mới được tập-trung ở các tỉnh-thành và thịnh-hành từ khi người minh biết dùng các sản-phẩm Tây-phương như các nghề đóng giày, nghề làm nón, thuộc da, sửa đồng-hồ. v...v...

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Nghề dệt vải không dùng máy-móc là tiêu-công-nghệ cũ hay mới ?
2. Đồ sứ và đồ gốm khác nhau thế nào ?
3. Nghề sơn mài có phải là tiêu-công-nghệ không ?
4. Nghề ráp máy thu-thanh có coi như là tiêu-công-nghệ không ?
5. Kè các tiêu-công-nghệ mới.

21. ĐẠI-KỸ-NGHỆ



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN :

Hình 1 : Nhà máy dệt.

- Em thấy trong hình có những gì ? Có nhiều hay ít người ? Tại sao ? Nghề dệt ở nước ta ngày nay như thế nào ?

Hình 2 : Hằng rượu bia.

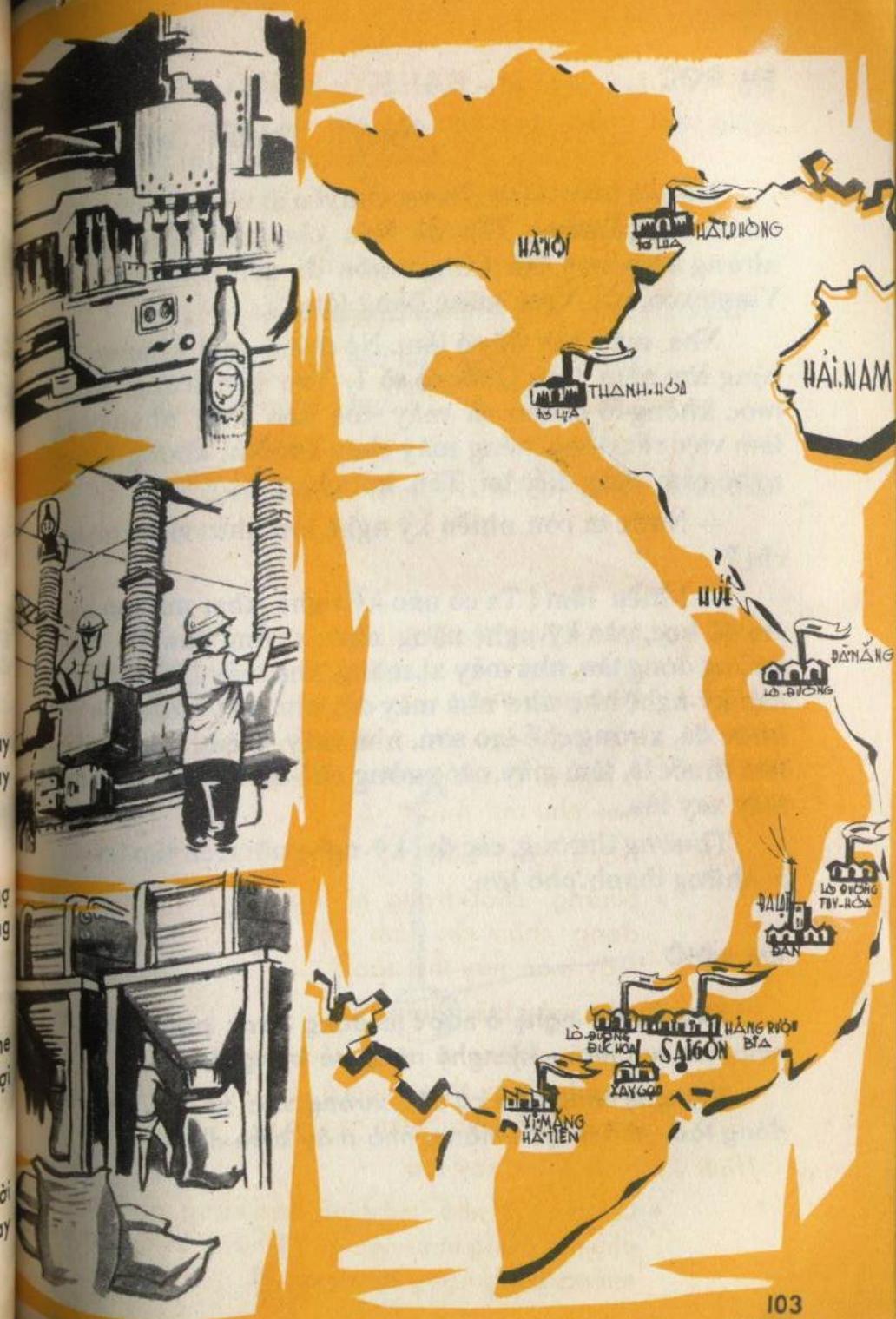
- Những chai trong hình đựng gì ? Người thợ đang chăm-chú làm việc gì ? Em thấy những máy-móc này thế nào ?

Hình 3 : Nhà máy biến-điện.

- Thế nào là nhà máy biến điện ? Em có nghe nói nhà máy thủy điện ở Đa-Nhim không ? Lợi ích của đập Đa-Nhim ra sao ?

Hình 4 : Nhà máy xay lúa.

- Công-nhân nhà máy mò bao hứng gì ? Người phụ-nữ đang làm việc gì ? Những bao gạo may miệng xong nặng bao nhiêu ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng ... năm 19...

Mặc dù hôm trước, trong chuyến đi viếng xưởng sơn mài ở Bình-Dương, Tân đã làm cho chị Ngọc buồn, nhưng hôm nay, em Công muốn đi xem nhà máy dệt Vinatexco, chị Ngọc cũng bằng lòng.

Nhà máy này đồ-sộ lắm. Nó chiếm một khoảng đất rộng lớn nằm trên Quốc-lộ số 1. Vào bên trong, máy móc không-lồ choán cả mấy tòa nhà lớn, nhân-công làm việc rất đông, tiếng máy chạy ầm-ầm, không quen nghe cảm thấy điếc tai. Tân hỏi chị :

— Nước ta còn nhiều kĩ-nghệ lớn như vầy không, chị ?

— Nhiều lắm ! Ta có nào kĩ-nghệ khai mỏ mà các em đã học, nào kĩ-nghệ nặng như xưởng sửa xe lửa, xưởng đóng tàu, nhà máy xi-măng, nhà máy biến-diện..., nào kĩ-nghệ nhẹ như nhà máy dệt, nhà máy rượu bia và nước đá, xưởng chế-tạo sơn, nhà máy diêm, nhà máy làm thuốc lá, làm giấy, các xưởng chế-tạo đồ cao-su, nhà máy xay lúa...

Thường thường, các đại-kĩ-nghệ nói trên tập-trung ở những thành-phố lớn.

EM NHỚ :

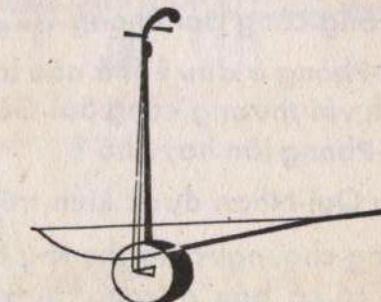
Nền đại-kĩ-nghệ ở nước ta đang được phát-triển và chia làm hai loại : kĩ-nghệ nặng và kĩ-nghệ nhẹ.

Kĩ-nghệ nặng gồm có các xưởng sửa xe lửa, xưởng đóng tàu, nhà máy xi-măng, nhà máy biến-diện.

Kĩ-nghệ nhẹ gồm có các nhà máy dệt, nhà máy làm rượu bia, xưởng chế-tạo sơn, nhà máy diêm, làm giấy, làm thuốc lá, nhà máy xay lúa.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Đại-kĩ-nghệ và tiêu-công-nghệ khác nhau thế nào?
2. Đại-kĩ-nghệ chia làm mấy loại ?
3. Kè các kĩ-nghệ nặng.
4. Kè các kĩ-nghệ nhẹ.
5. Nền đại-kĩ-nghệ ở nước ta có được phát-triển không ?



22. THƯƠNG - MẠI



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1 : Quang-cảnh buổi chợ đông.

- Trong hình, em thấy người ta bán gì ? Thường thường đi chợ em mua gì ? Rau cài, hoa quả ở miền nào có nhiều nhứt ?

Hình 2 : Thương-cảng Hải-Phòng.

- Hải-Phòng ở đâu ? Thế nào là thương-cảng ? So-sánh với thương-cảng Sài-Gòn thì thương-cảng Hải-Phòng lớn hay nhỏ ?

Hình 3 : Chợ Qui-Nhơn được kiến-trúc theo lối mới.

- Trong chợ, người ta thường buôn-bán những gì ? Thịt cá có bán ở trong chợ không ? Ở thôn quê, người ta có đi chợ hàng ngày không ? Tại sao ?

Hình 4 : Gạo được chuyền-vận lên tàu.

- Gạo được chuyền-vận lên tàu để làm gì ? Ngoài gạo ra, ta còn xuất-cảng gì nữa ? Tại sao ở Nam-phần có nhiều lúa gạo hơn ở Trung và Bắc-phần ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19...

Sáng nay, chị Ngọc đưa Công và Tấn ra chợ Sài-Gòn mua sắm vài món đồ dùng cần-thiết. Đến chợ, đi ngang những gian hàng trái cây, Tấn thấy có nhiều trái lạ quá, hỏi chị:

— Trái này có trồng ở xứ mình không, chị?

— Thủ trái cây này không có trồng ở xứ mình mà phải nhập-cảng của ngoại-quốc đấy...

Công chỉ gánh hàng rau cải hỏi chị:

— Ở Sài-Gòn, em không thấy trồng rau cải mà sao họ có bán, hả chị?

— Rau cải thường trồng ở thôn-quê, rồi người ta mang ra thành-thị bán và cũng chính nhờ vậy mà nền nội-thương mới thịnh-vượng.

Tấn muốn tìm hiểu thêm:

— Còn nền ngoại-thương nước ta như thế nào, hả chị?

— Từ lúc nước nhà được độc-lập, nền ngoại-thương bắt đầu phát-đạt. Ta xuất-cảng nhiều nhất là gạo, cao-su, trà, lông vịt, cà-phê, cá trăng, tôm, cá khô, quế, chuối... và nhập-cảng máy-móc, xe-cộ, tơ-sợi, dầu hỏa, phân-bón, các nguyên-liệu và chế-phẩm.

Công xen vào:

— Thưa chị, nước nào buôn-bán với ta?

— Những nước bán hàng cho ta là Hoa-Kỳ, Trung-Hoa Quốc-Gia, Pháp, Nhựt, In-Đô-Né-Xi-a... và những nước mua hàng của ta là Pháp, Mã-Lai, Phi-Luật-Tân, Tây-Đức, Anh...

Tấn chỉ giơ hàng trước mặt hỏi:

— Ta mua dầu thơm trong tiệm này phải không, chị?

Chị Ngọc gật đầu và ba chị em bước vào tiệm.

EM NHỚ :

Nền nội-thương ở nước ta được thịnh-vượng nhờ sự
trao đổi hàng-hóa giữa thôn-quê với tỉnh-thành.

Còn nền ngoại-thương được phát-triển từ khi nước ta
độc-lập. Ta xuất-cảng gạo, cao-su, trà, lông vịt, cà-phê...
và nhập-cảng máy-móc, xe-cộ, tơ-sợi, phân-bón...

Những nước bán hàng cho Việt-Nam là Hoa-Kỳ,
Trung-Hoa Quốc-Gia, Pháp, Nhựt-Bàn... và những nước
mua hàng của ta là Pháp, Mã-Lai, Phi-Luật-Tân...

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Có mấy loại thương-mại?
2. Nhờ đâu nền nội-thương được phát-đạt?
3. Nền ngoại-thương của nước ta được phát-triển từ lúc nào?
4. Nước ta xuất-cảng những gì? Và nhập cảng những gì?
5. Nước ta buôn-bán với các nước nào?

23. HỌC - ÔN

SINH-HOẠT KINH-TẾ

1. Người Việt-Nam chuyên sống về nghề nào nhiều nhứt?

- a. Thương-mại c. Nghề nông
- b. Công-nghệ d. Chài-lưới

2. Nước ta có những hải-sản gì ?

3. Kè tên những loại rừng ở Việt-Nam.

4. Lâm-sản có những thứ gì ?

- a. Chì, bạc c. Than đá đ. Thiếc, kẽm
- b. Sắt d. Vàng e. Phốt-phát

5. Nước ta có mấy loại tiêu-công-nghệ ? Kè ra.

1. 2. 3. 4.

7. Những kỹ-nghệ sau đây thuộc loại kỹ-nghệ nào ?

Tên các đại-kỹ-nghệ	Kỹ-nghệ nặng	Kỹ-nghệ nhẹ
Nhà máy xi-măng		
Nhà máy dệt		
Nhà máy diêm		
Nhà máy gạo		
Xưởng đóng tàu		

8. Kè những hàng xuất và nhập-cảng ở Việt-Nam.

Hàng xuất-cảng :

Hàng nhập-cảng :

CHƯƠNG IV

VIỆT-NAM : ĐƯỜNG GIAO-THÔNG

24. ĐƯỜNG BỘ



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUÂN:

Hình 1 : Con đường bên hông chợ Bến-thành (Sài-Gòn).

- Em đã thấy quang cảnh trong hình này làn nào chưa ? Em thấy trên đường phố có những gì ? Những làn gạch trắng ngang đường đè làm gì vậy ?

Hình 2 : Đường mòn và đường trải đá ở Bắc-phàn.

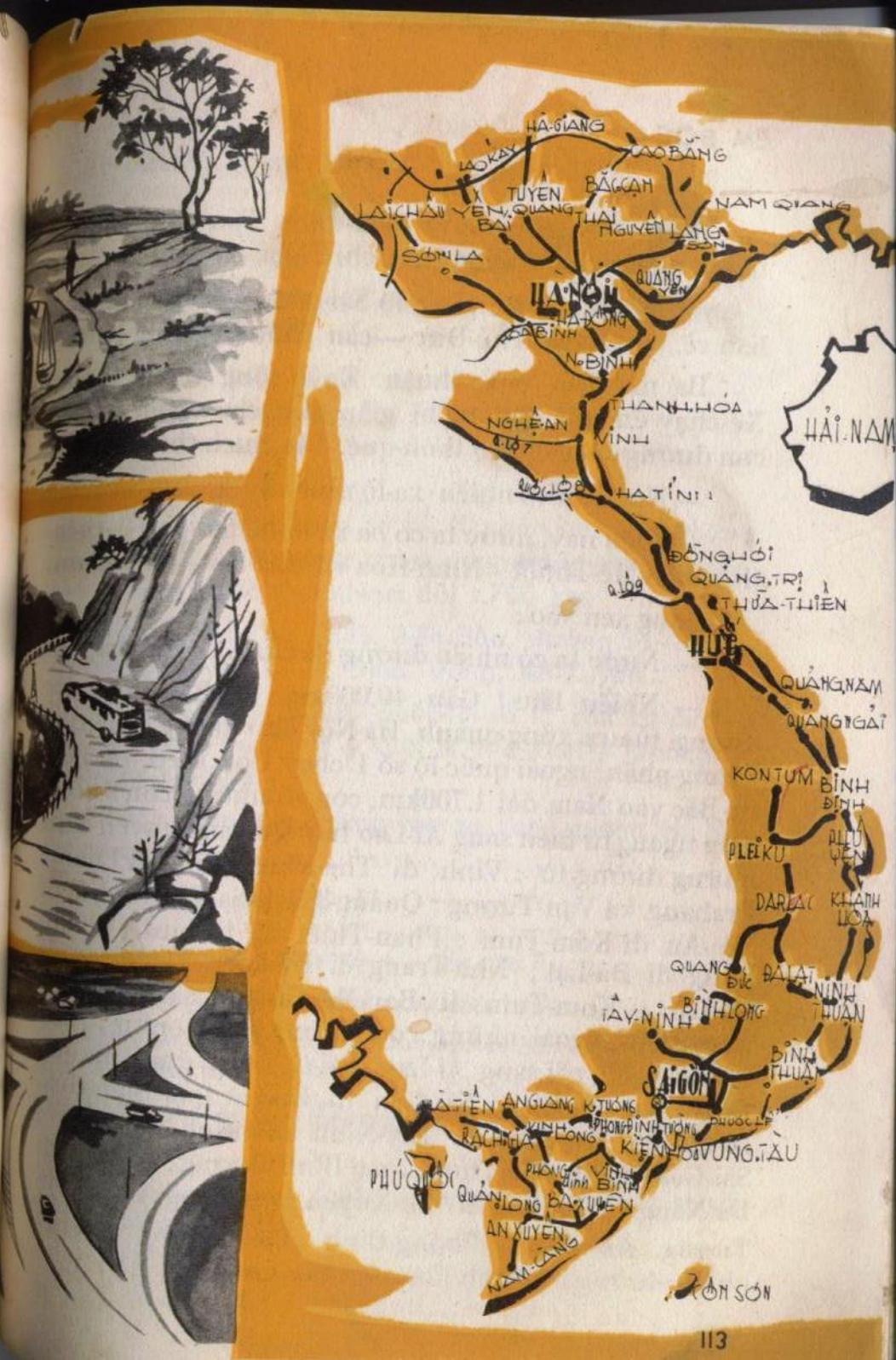
- Thé nào là đường mòn? Đọc theo đường trái đá, em thấy những gì? Em hãy cho biết công-dụng của các cây trồng theo về đườnă?

Hình 3 : Đường đèo ở Trung-phàn.

- Đường đèo có hiểm-trở không ? Tại sao ? Ở khúc quanh, em thấy những gì ? Đề làm gì ?

Hình 4 : Xa-lộ Biên-Hòa ở Nam-phần.

- Xa lộ có rộng không? Tại sao trên xa-lộ có kè
những lằn trắng? Em có dịp đi trên xa-lộ Biên-
Hòa lùn nào chưa?



EM ĐỌC :

Ngày. tháng... năm 19...

Sáng nay, chúa-nhựt, gia-dinh Tấn chuẩn-bị đi thăm người chú ở Biên-Hòa, chị Ngọc đền-nghị :

— Bạn đi, ta đi ngả xa-lộ Sài-gòn — Biên-Hòa, còn bạn về, ta về ngả Thủ-Đức — cầu Bình-Lợi (Gia-Định).

Ba má Tấn chấp-thuận. Xa-lộ rộng thênh-thang. Xe chạy êm quá, không bị giắc như chạy trên những con đường đá gồ-ghề ở thôn-quê. Tấn thích-thú, hỏi chị :

— Nước ta có nhiều xa-lộ như vầy không, chị ?

— Hiện nay, nước ta có ba xa-lộ là : Sài-gòn — Biên-Hòa, Ban-Mê-Thuột — Ninh-Hòa và Plei-Ku — Qui-Nhơn.

Công xen vào :

— Nước ta có nhiều đường xe chạy không, hả chị ?

— Nhiều lắm ! Gần 40.000km. Ở Bắc-phần, các đường tủa ra xung-quanh Hà-Nội như màng nhẹn. Ở Trung-phần, ngoài quốc-lộ số 1 chạy dọc theo bờ biển từ Bắc vào Nam dài 1.700km, còn có những con đường đậm ngang từ biển sang Ai-Lao hay lên cao-nghuyên như những đường từ : Vinh đi Tha-Khét ; Vinh đi Luang-Prabang và Vạn-Tượng ; Quảng-Trị đi Sa-Van-Na-Khét ; Hội-An đi Kom-Tum ; Phan-Thiết đi Di-Linh ; Phan-Rang đi Đà-Lạt ; Nha-Trang đi Đà-Lạt ; Xuân-Lộc đi Đà-Lạt ; Kom-Tum đi Ban-Mê-Thuột và Plei-Ku. Ở Nam-phần, ngoài những con đường chính như : Sài-Gòn Kra-Tié rồi sang Ai-Lao ; Sài-Gòn đi Vũng-Tàu qua Biên-Hòa, Bà-Rịa ; Sài-Gòn đi Đà-Lạt qua Biên-Hòa, Di-Linh ; Sài-Gòn đi Tây-Ninh rồi sang Cam-Bốt ; Sài-Gòn đi Ban-Mê-Thuột qua Bình-Dương ; Sài-Gòn đi Đà-Nẵng ; Sài-Gòn đi An-Xuyên qua Long-An, Định-Tường, An-Giang, Phong-Dinh, Ba-Xuyên ; còn có nhiều đường liên-tỉnh khác ở khắp nơi.

Tấn thắc-mắc :

— Nước ta nhỏ mà có nhiều đường bộ như vậy, chắc là xe cộ nhiều lắm, hả chị ?

— Phải ! Nước ta có đủ các loại xe. Xe du-lịch có ước-độ 35 ngàn chiếc, xe chuyèn-chở hàng nặng 15 ngàn chiếc, xe xi-cút-tơ 30 ngàn chiếc. Đó là chưa kể những loại xe gắn máy và xe đạp.

EM NHỚ :

Đường bộ Việt-Nam có lối 40 ngàn km, gồm những đường trải đá hoặc tráng nhựa, quan-trọng nhứt là quốc-lộ số 1 chạy từ Bắc vào Nam dài 1.700 km.

Ở Nam-phần có xa-lộ Biên-Hòa, đường Sài-Gòn đi Tây-Ninh, Ban-Mê-Thuột, Định-Tường, An-Xuyên...

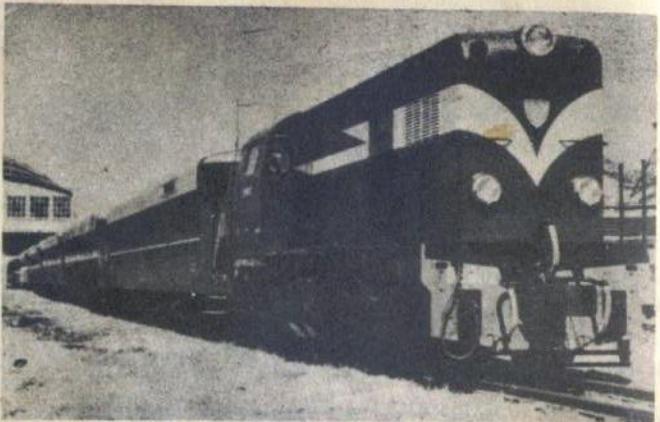
Ở Trung-phần, ngoài quốc-lộ số 1, còn có đường Vinh đi Luang-Prabang ; Vinh đi Tha-Khét ; Quảng-Trị đi Sa-Van-Na-Khét...

Ở Bắc-phần, các đường tủa ra xung-quanh Hà-Nội như màng nhẹn.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Quốc-lộ số 1 chạy từ đâu đến đâu ?
2. Đường bộ ở Bắc-phần thế nào ?
3. Ngoài quốc-lộ số 1, ở Trung-phần còn có những con đường nào quan-trọng ?
4. Kè những con đường quan-trọng từ Sài-Gòn đến các tỉnh.
5. Tại sao ở các thị-trấn, đường bộ thường được tráng nhựa ?

25. ĐƯỜNG GIAO THÔNG : ĐƯỜNG XE LỬA VÀ ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG



EM QUAN SÁT VÀ SUY LUẬN :

Hình 1: Nhà ga xe lửa Sài-Gòn.

- Em có dịp đến nhà ga xe lửa Sài-Gòn lần nào chưa ? Em thấy những gì trong sân ga ? Thế nào là thiết-lộ ?

Hình 2: Một xe lửa vừa qua khỏi đường hầm.

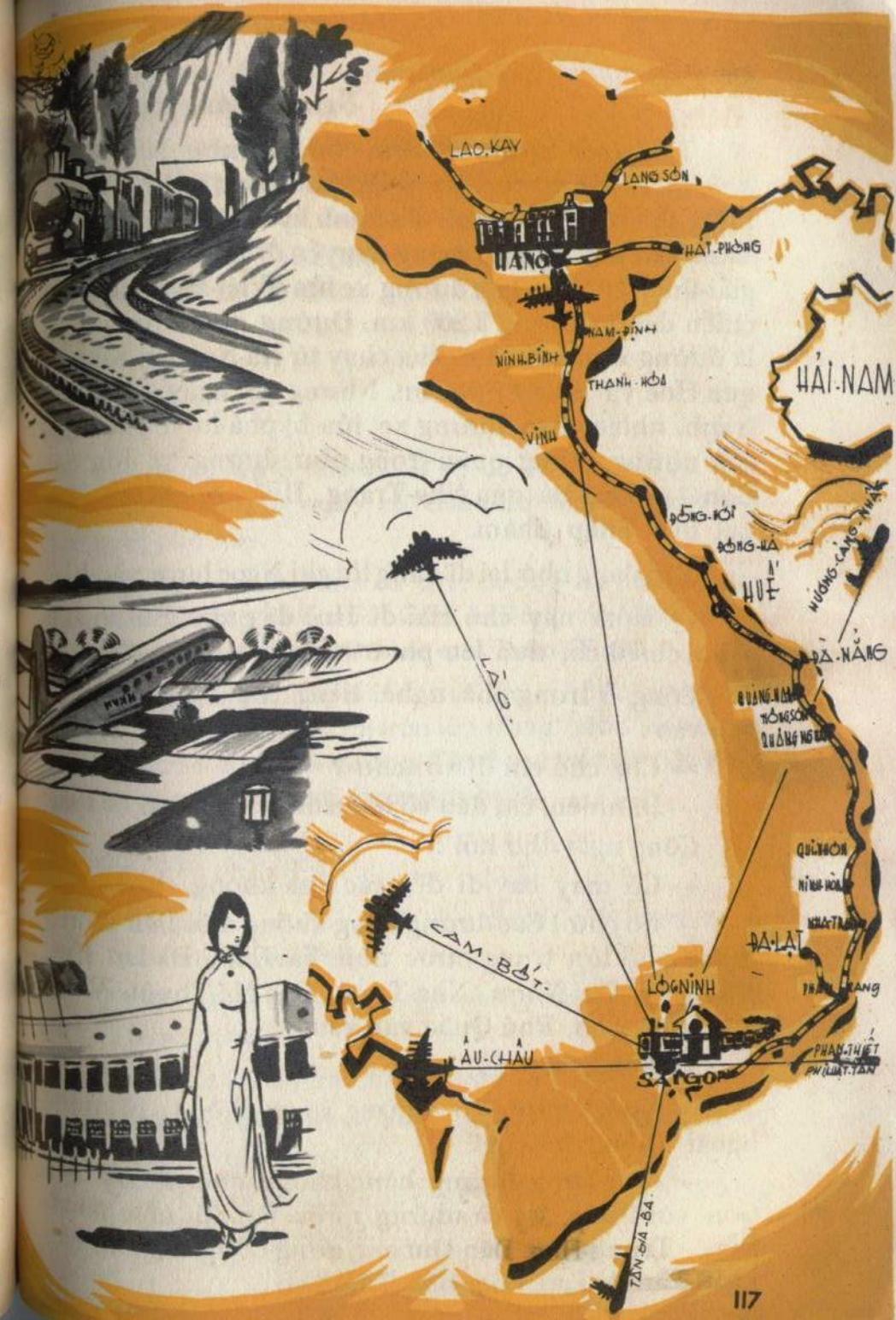
- Tại sao phải có đường hầm xe lửa ? Em có thấy đường hầm xe lửa bao giờ chưa ? Xe lửa này đang lên hay xuống đèo ? Tại sao thiết-lộ ở đèo lại có đường móc ở giữa ?

Hình 3: Một chiếc phi-cơ của hãng Hàng-Không Việt-Nam.

- Phi-cơ dùng đè chở gì ? Phi-cơ của hãng Hàng-Không Việt-Nam thường đi đâu ? Người lái phi-cơ gọi là gì ?

Hình 4: Phi-trường Tân-sơn-nhứt.

- Phi-trường Tân-sơn-nhứt ở đâu ? Tại sao nơi đây có treo cờ các nước ? Thế nào là phi-trường ? Phi-trường dùng đè làm gì ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng ... năm 19...

Tiếng còi xe lửa hú làm cho Tấn nhớ Nha-Trang quá, nhứt là nhớ chuyến về Sài-Gòn bằng xe lửa. Cái kỷ niệm thích thú của cuộc du-hành ấy đã ăn sâu vào lòng Tấn. Tấn còn nhớ rõ trong chuyến đi này, chị Ngọc đã giải-thich cho Tấn biết đường xe lửa ở Việt-nam thời tiền-chiến dài độ chừng 3.200 km. Đường quan-trọng nhứt là đường xe lửa Xuyên-Việt chạy từ Hà-Nội đến Sài-Gòn qua Huế và nhiều tỉnh lớn. Nhưng từ ngày có chiến-tranh, nhiều đoạn đường xe lửa bị phá-hủy. Hiện nay còn những đường quan-trọng như đường xe lửa Sài-Gòn — Đông-Hà qua Nha-Trang, Huế; Sài-Gòn — Đà-Lạt qua Tháp Chàm.

Tấn đang nhớ lại dĩ-vãng thì chị Ngọc bước vào bảo:

— Hôm nay chủ Hai đi Huế đấy nhé. Em lo sửa-soạn, chiều chị đưa lên phi-trường tiễn chân chú.

Công ở trong nhà nghe tiếng chị Ngọc, chạy ra xen vào :

— Chị cho em đi với chứ ?

— Dĩ-nhiên, chị đâu có quên được em cưng của chị. Công ngây-thơ hỏi :

— Có máy bay đi đến các tỉnh không, chị ?

— Có chứ ! Các đường hàng-không nối liền những thành-phố lớn trong nước như Sài-Gòn, Đà-Lạt, Huế, Đà-Nẵng, Qui-Nhon, Nha-Trang, Ban-Mê-Thuột, Vũng-Tàu, Cần-Thơ, Phú-Quốc vân-vân...

Tấn hỏi thêm :

— Nước minh có đường hàng-không ra nước ngoài không, hả chị ?

— Có những đường hàng-không quốc-tế nối Sài-Gòn với Pháp, Mỹ và những nước lân-cận như Nhựt-Bồn, Trung-Hoa Dân-Quốc, Hương-Cảng, Mā-Lai, Phi-Luật-Tân, Ai-Lao, Cam-Bốt, Thái-Lan...

— Thưa chị, nước minh có những phi-cảng nào lớn ?

— Phi-cảng Tân-Sơn-Nhứt lớn nhứt và là một phi-trường quốc-tế. Phi-cảng Phú-Bài (Huế), Đà-Nẵng, Ban Mê-Thuột, Vũng-Tàu cũng rộng lớn lắm.

Đến đây, ba Tấn cũng vừa đi làm về. Ba chị em lo chuẩn-bị bữa cơm trưa...

EM NHỚ :

Đường xe lửa ở Việt-Nam có độ 3.200 km vào thời tiền-chiến, nhưng từ ngày có chiến-tranh, nhiều khoảng đường bị phá hủy.

Hiện nay ở miền Nam có các đường xe lửa quan-trọng như đường xe lửa Sài-Gòn — Đông-Hà qua Nha-Trang, Huế; Sài-Gòn — Đà-Lạt qua Tháp-Chàm.

Đường hàng-không chiếm một địa-vị rất quan-trọng, nối liền Sài-Gòn với các thị-trấn lớn trong nước và thủ-đô của các nước bạn. Phi-trường Tân-Sơn-Nhứt ở Việt-Nam là một trong những phi-trường quốc-tế.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Tại sao ta gọi đường xe lửa chính của nước ta là đường Xuyên-Việt ?
2. Hiện nay ở miền Nam có những đường xe lửa nào quan-trọng ?
3. Kè một vài thị-trấn trong nước có phi-trường.
4. Tại sao phi-trường Tân-Sơn-Nhứt được liệt vào hàng phi-trường quốc-tế ?
5. Em hãy kè một vài nước nối liền với nước ta bằng đường hàng-không.

26. ĐƯỜNG THỦY



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUÂN:

Hình 1: Bến tàu Sài-Gòn.

- Em thấy trong hình có những gì? Thế nào là bến tàu? Tại sao tàu bè ở đây nhiều như vậy?

Hình 2: Một kiểu thuyền ở Bắc-phần.

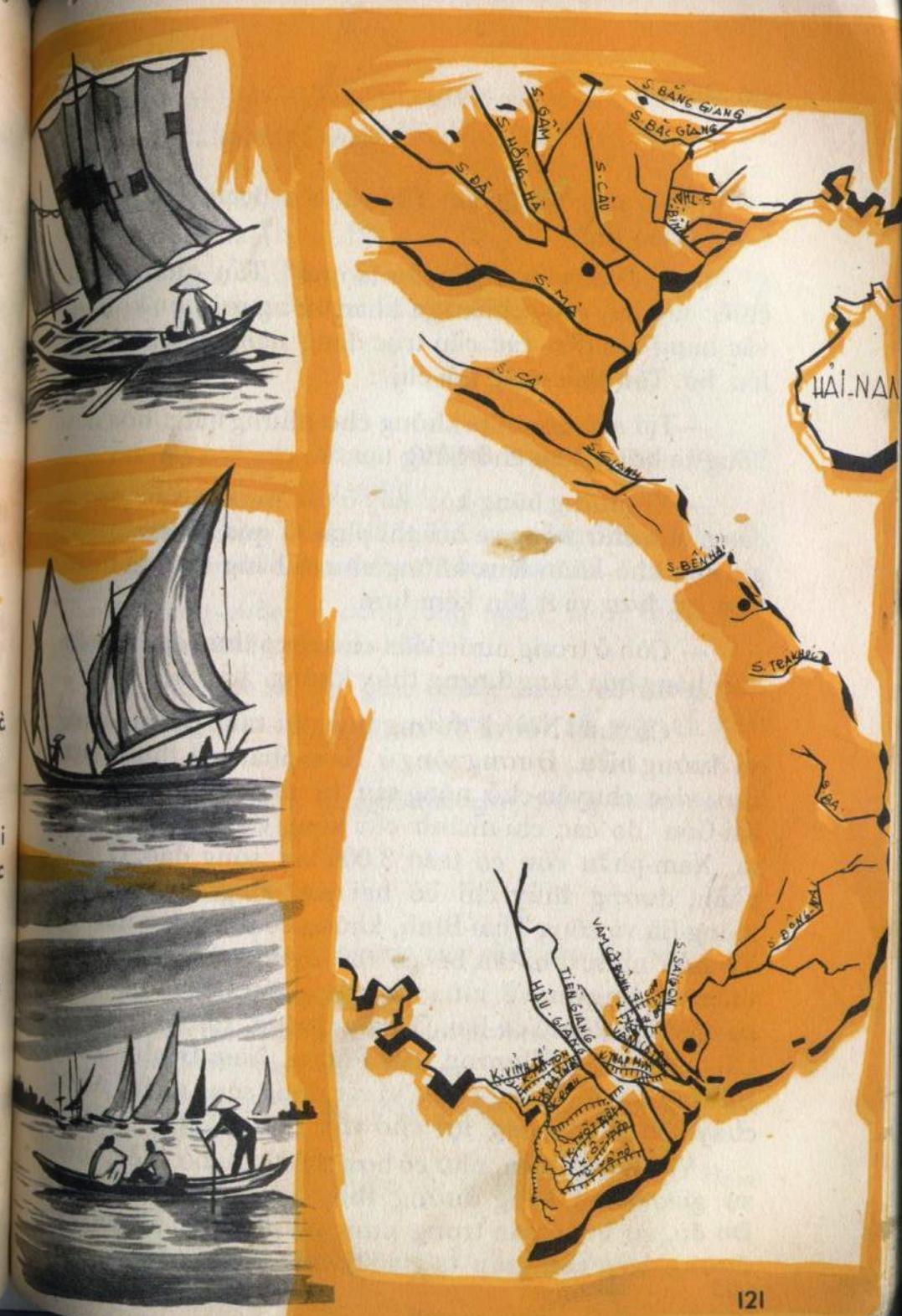
- Em thấy cánh buồm hình gì? Tại sao phải dùng buồm? Loại thuyền này vượt biển có được không?

Hình 3: Một kiều thuyền ở Trung phần.

- Kiều thuyền này có mẩy cánh buồm? Thuyền này có thể đi lại trên kinh, rạch được không?

Hình 4: Một kiều thuyền ở Nam-phàn.

- Những cánh buồm của thuyền ở Nam-phần hình gì? Chiếc xuồng đang chờ khách qua sông gọi là gì? Thuyền thế nào gọi là tam-bản?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng ... năm 19...

Chiều nay, ba chị em Tấn ra bến Bạch-Đằng (Sài-Gòn) hóng gió.

Chà ! Ở đây có nhiều tàu to quá ! Tấn quan-sát từ chiếc tàu này sang chiếc tàu khác, từ người phu khuân-vác hàng-hóa đến các cẩn-trục đang nặng-nề câu hàng lên bờ. Tấn thắc-mắc hỏi chị :

— Tại sao người ta không chở những hàng-hóa này bằng xe hơi mà lại chở bằng tàu, hả chị ?

— Vì những hàng-hóa này ở các nước ngoài nhập-cảng, nếu chở bằng xe hơi thi phải đi qua nhiều quốc-gia nên khó-khăn lắm, không như đi bằng đường thủy, tiện lợi hơn và ít tốn kém hơn.

— Còn ở trong nước, dân-chúng có thường chuyên-chở hàng-hóa bằng đường thủy không, hả chị ?

— Có chứ ! Nói về đường thủy thi ta có đường sông và đường biển. Đường sông ở Nam-phần rất thuận-tiện cho việc chuyên-chở nông-sản từ miền Hậu-Giang lên Sài-Gòn do các chi-nhánh của sông Cửu-Long. Ngoài ra, Nam-phần còn có trên 3.000 km sông đào. Ở Bắc-phần, đường thủy chỉ có hai con sông lớn là sông Hồng-Hà và sông Thái-Bình, không có sông đào nào cả. Về mùa nước lớn, tàu bè có thể ngược dòng sông lên miền thượng-du. Về mùa nước cạn, tàu bè có thể chạy từ Hà-Nội đến Yên-Bái, Tuyên-Quang, Chợ Bờ, Đáp-Cầu, Phủ-Lạng-Thương, Hải-Phòng, Nam-Định, Thái-Binh. Còn ở Trung-phần, vì các dòng sông ngắn, nước chảy xiết, nên không lợi cho việc giao-thông.

Về đường biển, nhờ có hơn 2.000 km bờ biển, nên sự giao-thông bằng đường thủy vô-cùng thuận-tiện. Do đó, sự buôn-bán trong nước rất phát-đạt. Ngoài ra, đường biển còn giúp ta giao-thông được với các nước

trên thế-giới. Hai cửa biền lớn nhứt có nhiều tàu-bè ngoại-quốc lui tới là Sài-Gòn và Hải-Phòng. Ngoài ra, còn có các cửa biền khác cũng quan-trọng lắm như cửa biền Càm-Phả, Hòn-Gai, Vinh, Bến Thủy, Đà-Nẵng, Hội-An, Qui-Nhơn, Nha-Trang, Phan-Thiết, Vũng-Tàu, Rạch-Giá...

Chị Ngọc vừa nói đến đây thi Công kéo tay chị và Tấn đến xem một chiếc hàng-không mẫu-hạm có chở phi-cơ nữa.

EM NHỚ :

Sự giao-thông bằng đường thủy ở nước ta rất quan-trọng. Về đường sông :

Ở Bắc-phần, sông Hồng-Hà và sông Thái-Bình nối liền các tỉnh miền Châu-thò và Trung-du.

Ở Trung-phần, vì dòng sông ngắn, nước chảy xiết, nên sự giao-thông rất khó-khăn.

Ở Nam-phần, sự giao-thông được dễ-dàng trên những sông Cửu-Long, sông Đồng-Nai và một số kinh đào.

Về đường biển, sự giao-thông ở trong nước và với nước ngoài rất tiện-lợi.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Ở Bắc-phần có những con sông nào tàu bè có thể qua lại được ?
2. Việc giao-thông trên những con sông ở Trung-phần như thế nào ?
3. Ở Nam-phần, sự giao-thông bằng sông-ngòi như thế nào ?
4. Vì sao sự giao-thông bằng đường thủy ở Nam-phần được dễ-dàng ?
5. Tại sao đường biển ở nước ta quan-trọng ?

27. HỌC-ÔN

ĐƯỜNG GIAO-THÔNG Ở VIỆT-NAM

1. Đường bộ ở Việt-Nam dài bao nhiêu km ?
 - a. 15.000 km
 - c. 20.000 km
 - b. 40.000 km
 - d. 52.000 km
2. Ở Việt-Nam có con đường nhựa nào dài nhất? Dài bao nhiêu?
3. Tập vẽ vào giấy trắng bản đồ Việt-Nam với những đường bộ quan-trọng.
4. Vào thời chiến, đường xe lửa ở Việt-Nam như thế nào?
5. Ở nơi nào có phi-cảng?
6. Sự giao-thông bằng đường thủy ở nước ta như thế nào?
7. Sự giao-thông bằng sông-ngòi quan-trọng nhứt ở miền nào?
 - a. Miền Nam
 - b. Miền Trung
 - c. Miền Bắc



PHẦN II

CÁC NƯỚC LÂN-CẬN

CHƯƠNG I

CAM — BỐT

28. CAM - BỐT THIÊN - NHIÊN



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1 : Một dòng sông ở Cam-Bốt.

- Em thấy con sông trên có mấy ngã rẽ ? Đọc theo bờ sông có những gì ? Nhà cửa ở đây có nhiều không ?

Hình 2 : Một cảnh đồng-quê ở Cam-Bốt.

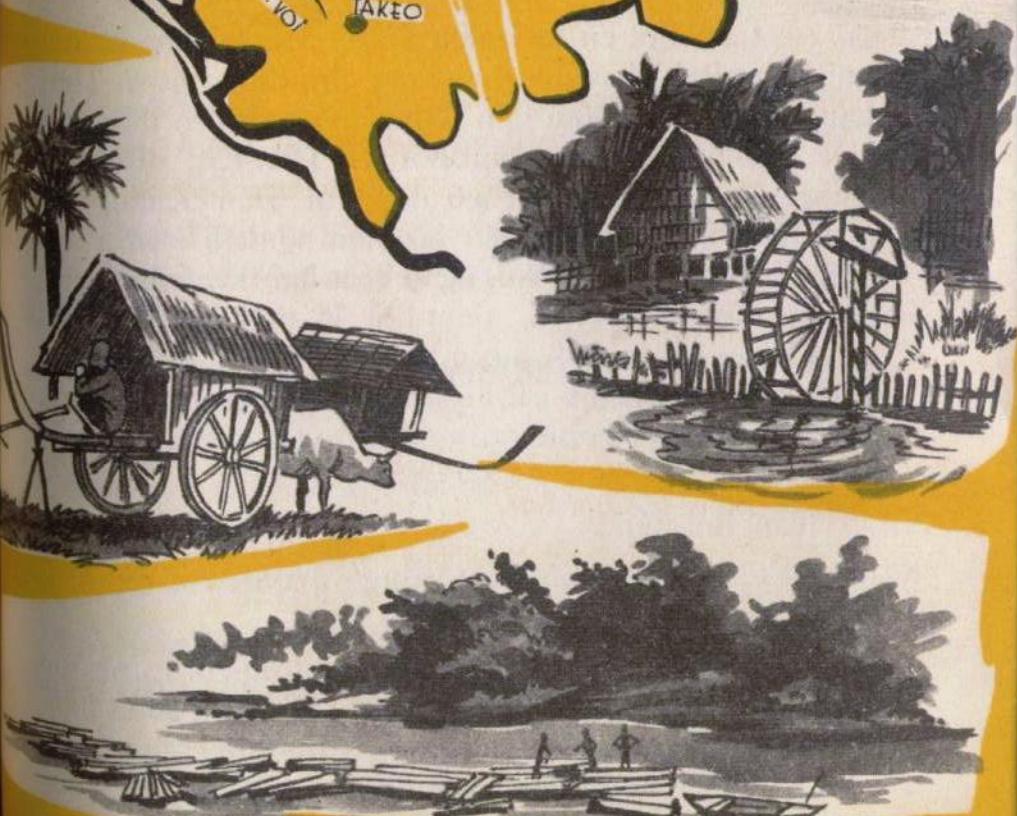
- Em thấy trong hình có xe gì ? Xe này dùng để làm gì ? Em có thấy cây thốt-nốt trong hình không ?

Hình 3 : Một trong những phương-tiện dẫn thủy nhập điền ở Cam-Bốt.

- Trong hình em thấy gì ? Nhà cửa ở đây xây cất ra sao ? Tại sao phải cất nhà sàn ?

Hình 4 : Một cảnh dọc theo sông Cửu-Long ở Cam-Bốt.

- Em thấy trên dòng sông có những gì ? Em thấy gì dọc theo bờ sông ? Em có thấy gỗ tách không ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19...

Ngày mai chú Hai đi Cam-Bốt. Tán thương chú Hai lầm, đến quán-quít bèn chủ hỏi-han :

— Nước Cam-Bốt ở đâu, chủ hả ?

— Nước Cam-Bốt ở phía Tây miền Nam Việt-Nam, giáp ranh với Việt-Nam, Thái-Lan và Ai-Lao.

— Nước Cam-Bốt bằng Việt-Nam không, chủ ?

— Không bằng, cháu ạ ! Chỉ được hơn phân nửa nước ta thôi. Diện-tích ước-độ 180.000km²

Tán hỏi thêm :

— Địa-thể Cam-Bốt có gì đặc-biệt không, chủ ?

— Cam-Bốt có ba miền rõ-rệt : miền Bắc có dãy núi Đăng-Rek chạy dọc theo biên giới Cam-Bốt và Thái-Lan, chỉ cao từ 400m đến 700m, có nhiều đèo thấp nên việc giao-thông giữa Cam-Bốt và Thái-Lan được dễ-dàng. Miền Tây-Nam có dãy núi Đậu-Khấu, cao hơn 1.000m chạy dọc theo bờ biển vịnh Thái-Lan. Ở phía Nam có núi Con Voi, ngắn hơn hai dãy trên. Ngoài những dãy núi này ra, Cam-Bốt là một bình-nguyên rộng lớn, phi nhiêu nhưng trùng thấp. Ở giữa bình-nguyên này có một cái hồ lớn gọi là Biển-Hồ. Chung quanh Biển-Hồ có nhiều rừng, thường bị ngập vào-mùa nước lớn.

Tán hỏi tiếp :

— Cam-Bốt có bờ biển rộng và nhiều sông ngòi như ở Việt-Nam không, chủ ?

— Bờ biển ở Cam-Bốt rất ngắn, lởm-chởm nhứng đá và lại cạn nên không có hải-cảng tốt. Còn sông ngòi quan-trọng thì chỉ có con sông Cửu-Long chảy vào Cam-Bốt từ thác Khòn. Từ thác Khòn đến Kratié (Cơ-ra-chi-è), sông có nhiều ghềnh thác, sự giao-thông

khó-khăn. Từ Kratié đến thủ-đô Nam-Vang, sông rộng, nước chảy từ từ, tàu bè đi lại dễ-dàng. Từ Nam-Vang, sông Cửu-Long chia làm ba nhánh : Tiền-Giang, Hậu-Giang chảy xuống Việt-Nam và sông Tông-Lê-Xáp chảy lên Biển Hồ.

Còng cũng muốn tìm hiểu nên xen vào :

— Khi-hậu ở Cam-Bốt có giống Việt-Nam không, chủ ?

— Giống Nam-phần Việt-Nam. Có một mùa nóng bức khò-khan và một mùa mát-mẻ, nhiều mưa. Mưa nhiều nhất là ở vùng ven bờ Vịnh Thái-Lan.

EM NHỚ :

Cam-Bốt, Bắc giáp Ai-Lao và Thái-Lan ; Đông và Nam giáp Việt-Nam ; Tây-Nam giáp Vịnh Thái-Lan. Diện-tích ước-độ 180.000km².

Cam-Bốt là một bình-nguyên tọ rộng. Miền Bắc có dãy núi Đăng-Rek và miền Nam có dãy Con Voi, dãy Đậu-Khấu.

Sông Cửu-Long chiếm một địa-vị quan-trọng ở Cam-Bốt. Tại Nam-Vang, sông này chia thành Tiền-Giang và Hậu-Giang chảy qua Việt-Nam và một nhánh nhỏ là sông Tông-Lê-Xáp chảy vào Biển Hồ.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Cho biết giới-hạn của nước Cam-Bốt.
2. Diện-tích của Cam-Bốt độ bao nhiêu ?
3. So-sánh diện-tích Cam-Bốt với Việt-Nam.
4. Địa-thể Cam-Bốt như thế nào ?
5. Cam-Bốt có con sông nào quan-trọng ?

29. CAM - BỐT NHÂN - VĂN



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN :

Hình 1 : Cung-diện của Vương-quốc Cam-Bốt.

- Lối kiến-trúc này có gì đặc-biệt ? Thế nào là cung-diện ? Cung-diện to hay nhỏ ?

Hình 2 : Chợ trung-ương ở Nam-Vang.

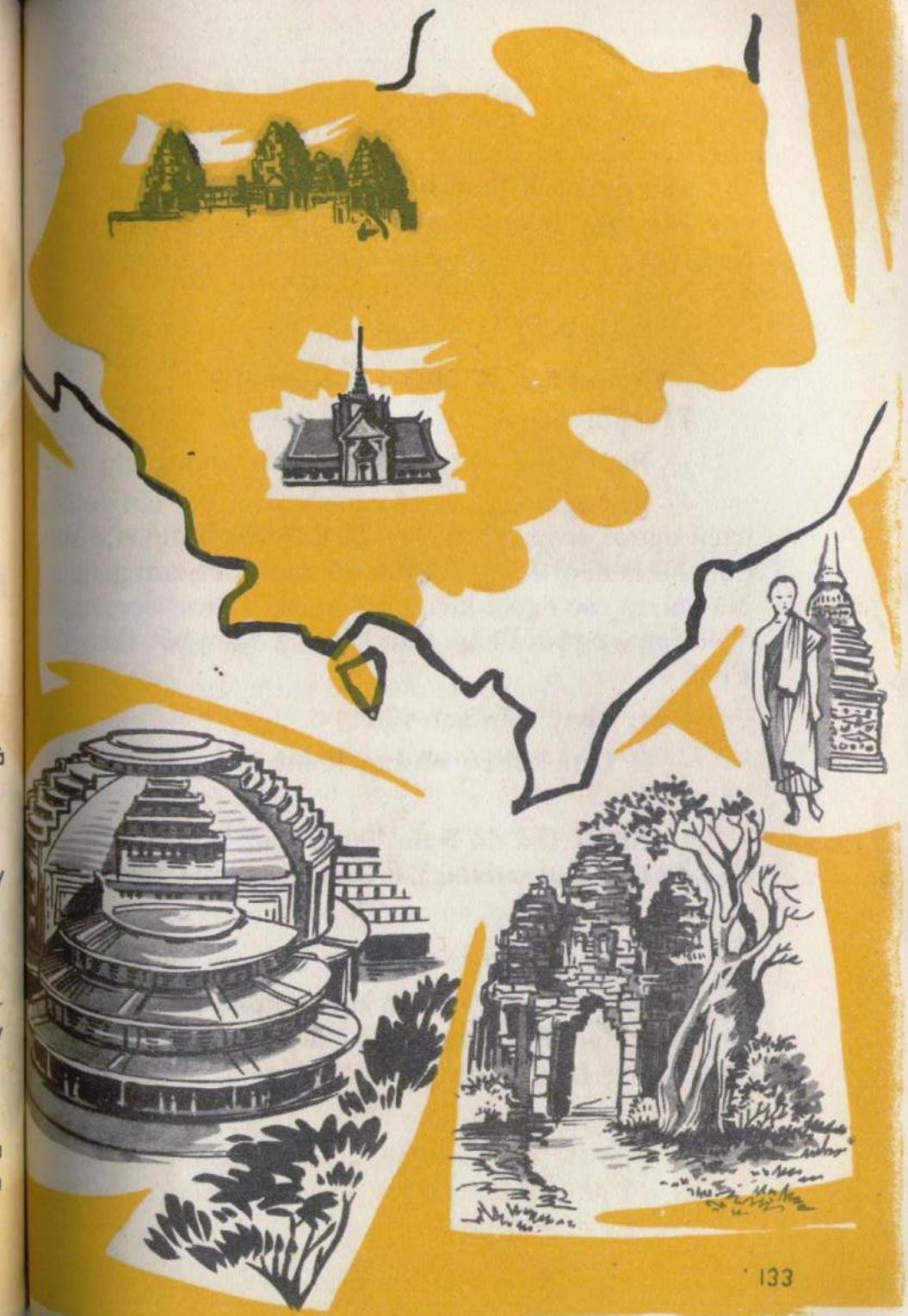
- Chợ này có lầu không ? Trước chợ em thấy những gì ? Chợ này đẹp hay xấu ?

Hình 3 : Đè Thien Đè Thích.

- Đèn này có rộng lớn không ? Em đã thấy quốc-kỳ Cam-Bốt bao giờ chưa ? Em nhận thấy trên lá quốc-kỳ Cam-Bốt có hình gì ?

Hình 4 : Một nhà sư ở Cam-Bốt.

- Nhà sư phục-sức thế nào ? Nhà sư ở nước ta có phục-sức như thế không ? Trong hình, em còn thấy gì nữa ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19...

Chú Hai đã đi Cam-Bốt rồi và ở tại Nam-Vang. Hôm nay Tấn thấy bùi-ngùi nhớ chủ quái. Tấn không biết ở Nam-Vang có vui không và dân-chúng có đông như ở Việt-Nam không nên hỏi chị Ngọc :

- Nam-Vang là gì của Cam-Bốt, hở chị ?
- Nam-Vang là thủ-đô của Cam-Bốt.

Tấn hỏi tiếp :

- Nam-Vang có to bằng Sài-Gòn không, chị ?
- Không bằng, vì cả dân-số Cam-Bốt chỉ độ bốn triệu người, trong số này có 80% thuộc giống «Cờ-Me». Còn lại là dân thiểu-số, gồm có người Phnong, người Mã-Lai và các ngoại-kiều như người Trung-Hoa, người Việt-Nam, người Pháp. Hầu hết dân Cam-bốt theo đạo Phật.

Công chạy đến xen vào :

- Ở Cam-bốt có những thành-phố nào lớn nữa, hả chị ?

- Ngoài thủ-đô Nam-Vang, Cam-Bốt còn có Battambang (Battambang), U-Đông (Oudon) Siêm-Rạp...

Tấn hỏi thêm :

- Thưa chị, nước Cam-Bốt còn vua phải không ?
- Cam-Bốt còn vua và theo chính-thề Quân-chủ Lập-hiến. Cam-Bốt được độc-lập từ năm 1949 và có chân trong Liên-Hiệp-Quốc.

EM NHỚ :

Dân-số ở Cam-Bốt ước-độ bốn triệu người, trong số này có 80% là người « Cờ-me » và còn lại là dân thiểu-số và ngoại-kiều.

Hầu hết dân Cam-Bốt đều theo Phật-giáo.

Cam-Bốt hiện nay là một nước quân-chủ lập-hiến.

Thủ-đô là Nam-Vang. Các thành-phố khác là Battambang, U-Đông, Siêm-Rạp....

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Dân-số Cam-Bốt ước-độ bao nhiêu ?
2. Đa-số dân Cam-Bốt theo đạo gì ?
3. Em có lần nào nghe nói đến « Đế Thiên Đế Thích » chưa ?
4. Hiện nay Cam-Bốt theo chính-thề nào ?
5. Kè vài thành-phố lớn ở Cam-Bốt.



30. CAM-BỐT KINH-TẾ



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN :

Hình 1 : Dân chài Cam-Bốt.

- Cá có phải là nguồn lợi lớn của Cam-Bốt không ? Dân chài thường đánh cá ở đâu ? Em thấy trong hình này, họ đánh cá bằng gì ?

Hình 2 : Vườn tiêu ở Cam-Bốt.

- Em có ăn tiêu được không ? Người ta dùng tiêu để làm gì ? Tại sao người ta trồng tiêu nhiều vậy ?

Hình 3 : Một phụ-nữ Cam-Bốt đang dệt thảm.

- Thảm dùng để làm gì ? Dân Cam-Bốt dệt thảm bằng gì ? Dệt thảm có phải là một tiêu-công-nghệ không ?

Hình 4 : Giỏ mây bày bán ở chợ Nam-Vang.

- Em thấy những giỏ mây trong hình này có giống giỏ mây của ta không ? Ngoài mây ra, người ta còn dùng gì để đan giỏ ? Những giỏ này dùng để làm gì ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng ... năm 19...

Hôm nay chú Hai ở Nam-Vang về. Chú có mua cho ba má Tấn hai kỵ đường thốt-nốt. Tấn hỏi chú :

— Cam-Bốt có những nông-sản nào chính, hả chú ?

— Nông-sản chính của Cam-Bốt là lúa, trồng nhiều nhứt ở đồng-bằng miền Bat-tam-Bang. Ngoài ra, họ còn trồng bắp, hồ-tiêu, mia, thốt-nốt, dừa, bòng-gòn, dâu, thuốc lá và cây cao-su ở những vùng đất đỏ.

— Cam-Bốt có Biển Hồ rộng lớn, chắc là nghề chài lưới của họ thịnh-vượng lắm phải không, chú ?

— Đúng vậy ! Hằng năm, số cá đánh được có trên 100 ngàn tấn để ăn và phơi khô xuất-cảng. Họ cũng có nhiều đồng cỏ nên việc chăn nuôi cũng phát-đạt.

Công vừa nhai một miếng đường thốt-nốt, vừa hỏi :

— Công-nghệ ở Cam-Bốt thế nào, hả chú ?

— Chưa được phát-triền lắm. Các tiêu-công-nghệ như dệt vải, lò gốm, lò gạch, máy cưa đều do người Việt-Nam và người Trung-Hoa làm cả. Riêng nghề phơi cá khô và làm dầu cá thì người Cam-Bốt làm nhiều.

Tấn hỏi thêm :

— Cam-Bốt có lâm-sản, khoáng-sản gì không, chú ?

— Có chứ ! Cam-Bốt có nhiều gỗ qui như trắc, cầm-lai, và đậu-khấu. Về khoáng-sản, Cam-Bốt có mỏ sắt ở Phnom-Đeck, mỏ cầm-thạch và mỏ phốt-phát ở Bat-tam-Băng nhưng chưa được khai-thác mấy.

— Ở Cam-Bốt, đường giao-thông ra sao, chú ?

— Sự giao-thông ở Cam-Bốt phần nhiều do đường thủy. Chỉ có một con đường xe lửa độc nhứt từ Nam-Vang đến Vọng-Các (Thái-Lan). Đường bộ có ít và xấu, khó đi lắm. Chỉ có hai đường đi từ Nam-Vang đến Sài-Gòn và từ Nam-Vang đi Đé-Thiên-Đé-Thich.

— Còn việc buôn-bán ở Cam-Bốt ra sao, hả chú ?

— Nền thương-mại Cam-Bốt khi xưa nằm trong tay người ngoại-quốc ; ngày nay, chính-phủ Cam-Bốt đang giành lại chủ-quyền thương-mại. Cam-Bốt xuất-cảng gạo, bắp, cá khô, hồ-tiêu, cao-su, gỗ qui, trâu, bò, heo và nhập-cảng vải, lụa, máy-móc, dầu hỏa, dược-phẩm. Cam-Bốt nhờ đường bộ và đường thủy của Việt-Nam Cộng-Hòa đề xuất nhập cảng hàng-hóa.

EM NHỚ :

Cam-Bốt có trồng nhiều lúa. Ngoài ra, còn trồng bắp, thuốc lá, hồ-tiêu, cao-su....

Cam-Bốt cũng có nhiều rừng và mỏ nhưng chưa được khai-thác mấy.

Nghề chăn-nuôi và chài lưới thì khá thịnh-vượng vì có nhiều đồng cỏ và sông hồ.

Còn nền kỹ-nghệ và thương-mại ở Cam-Bốt hầu hết trong tay ngoại-kiều và ngày nay, chính-phủ đang giành lại chủ-quyền.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Kè vài nông-sản ở Cam-Bốt.

2. Cam-Bốt có những mỏ gì ?

3. Tại sao nghề chăn nuôi và chài lưới ở Cam-Bốt được thịnh-vượng ?

4. Nền kỹ-nghệ thương-mại ở Cam-Bốt thế nào ?

5. Cam-Bốt có những đường giao-thông nào quan-trọng ?

31. BÀI - ÔN

CAM - BỐT

1. Diện-tích Cam-Bốt ướcc-độ bao nhiêu ?

- a. 90.000km²
- c. 120.000km²
- b. 180.000km²
- d. 250.000km²

2. Ghi vào bản đồ vẽ sẵn :

- a. Các nước giáp-ranh với Cam-Bốt.
- b. Tên các dãy núi.
- c. Tên các con sông.
- d. Tên thủ-đô và các thành-phố lớn.
- đ. Vẽ đường giao-thông :
 - màu đỏ : đường bộ.
 - màu xanh : đường xe lửa.

3. Dân-số Cam-Bốt độ bao nhiêu ?

- a. 2 triệu
- b. 3 triệu
- c. 4 triệu
- d. 5 triệu

4. Dân Cam-Bốt theo tôn-giáo nào nhiều nhứt ?

- a. Thiên-chúa giáo
- b. Phật-giáo

5. Cam-Bốt theo chính-thề nào ?

- a. Dân-chủ
- b. Quân-chủ chuyên-chế
- c. Quân-chủ lập-hiến

6. Những cây gì được trồng nhiều ở Cam-Bốt ?

7. Nhờ đâu nghề chài lưói Cam-Bốt được thịnh-vượng ?

8. Kỹ-nghệ và thương-mại ở Cam-Bốt ra sao ?

CHƯƠNG II

AI - LAO

32. AI-LAO THIÊN-NHIÊN



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1: Một chiếc thuyền lướt nhẹ trên dòng sông Cửu-Long.

- Em thấy chiếc thuyền này thế nào ? So-sánh với thuyền của Việt-Nam có gì khác không ? Bên kia bờ sông, em thấy gì ?

Hình 2 : Một làng ở ven sườn núi.

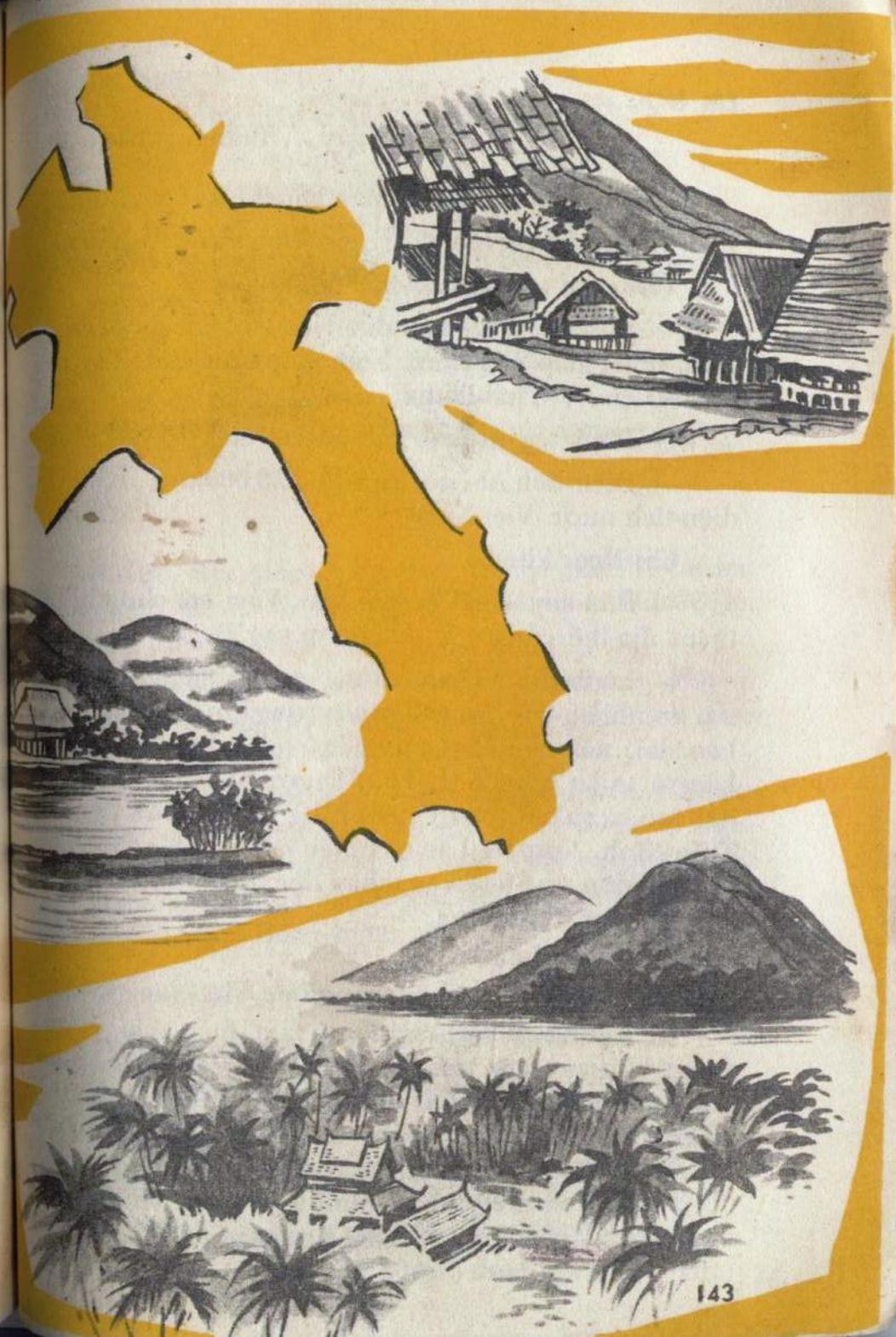
- Em thấy nhà cửa trong hình này thế nào ? Những nhà này lợp bằng gì ? Thuộc loại nhà nào ? Tại sao phải cất nhà sàn ?

Hình 3 : Một thung-lũng ở Ai-Lao.

- Em thấy gì ở xa xa ? Phía sau nhà có những gì nhô lên vậy ? Ruộng-nương ở đây thế nào ?

Hình 4 : Vườn dừa ở Luang-Prabang.

- Em thấy nóc nhà trong hình thế nào ? Em thấy những gì lắn trong vườn dừa ? Ngõ vào nhà ở phía nào ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng ... năm 19...

Chị Ngọc xem Tấm tô màu bản đồ Ai-Lao, hỏi thử :

— Tấm cho chị biết vị-trí, giới-hạn nước Ai-Lao nào?

Tấm cười và chỉ vào bản đồ, nói :

— Ai-Lao ở giữa bán đảo Hoa-Án, Bắc giáp Trung-Hoa, Đông giáp Việt-Nam, Nam giáp Cam-Bốt, Tây giáp Miến-Điện và Thái-Lan.

— Diện-tích Ai-Lao bao nhiêu, em ?

— Diện-tích Ai-Lao ước-độ 233.000km^2 , bằng $\frac{2}{3}$ diện-tích nước Việt-Nam.

Chị Ngọc khen :

— Bữa nay em Tấm giỏi lắm. Vậy em cho chị biết thêm địa-thể của nước Ai-Lao ra sao ?

— Lãnh-thổ Ai-Lao không có bình-nguyên, chỉ có núi non hiềng-trở và cao-nguyên rộng lớn. Hình-dáng Ai-Lao dài, nên chia làm hai miền : miền Bắc là Thượng-Lào và miền Nam là Hạ-Lào. Thượng-Lào có nhiều dãy núi cao và có hai cao-nguyên rộng lớn là Hùa-Panh và Trấn-Ninh. Còn Hạ-Lào có nhiều cao-nguyên, lớn nhứt là Cam-Môn và Bô-lồ-Ven, chạy dọc theo dãy Trường-Sơn và sông Cửu-Long.

Công hỏi thêm :

— Khi-hậu ở Ai-Lao có giống Việt-Nam không ?

— Không giống Việt-Nam lắm mặc dầu cũng ở trong khu-vực gió mùa. Một năm có hai mùa : mùa nóng và mùa lạnh. Mùa nóng từ tháng 5 đến tháng 10 có gió Tây-Nam thổi từ Vịnh Thái-Lan lên, có mưa to. Mùa lạnh từ tháng 11 đến tháng 4, có gió bắc từ lục địa Trung-Hoa thổi xuống, không có mưa. Những vùng ở sâu trong lục địa như Xiêng-Khoang (Trấn-Ninh) đến mùa rét có khi lạnh dưới 5 độ.

Chị Ngọc hỏi tiếp :

— Vậy sông ngòi ở Ai-Lao như thế nào ?

— Ai-Lao chỉ có một con sông lớn chảy từ Bắc xuống Nam dài 2.000km là sông Cửu-Long. Con sông này làm ranh giới thiên-nhiên giữa Ai-Lao và Thái-Lan. Đoạn sông này khúc-khuỷu, quanh co, có nhiều ghềnh thác, sự giao-thông không được thuận-tiện lắm. Chỉ có đoạn từ Vạn-Tượng đến Sa-van-na-Khét là tàu bè có thể đi lại được mà thôi. Bên địa-phận Ai-Lao, sông Cửu-Long có những phụ-lưu là sông Nam-Hu, sông Nam-ca-Đinh, sông Sê-bang-Phai, sông Sê-bang-Hiên.

EM NHỚ :

Ai-Lao, Bắc giáp Trung-Hoa, Đông giáp Việt-Nam, Nam giáp Cam-Bốt, Tây giáp Thái-Lan và Miến-Điện. Diện-tích ước-độ 233.000km^2 .

Địa-thể Ai-Lao rất hiềng-trở và có nhiều núi rừng và cao-nguyên rộng. Về mùa hè, Ai-Lao nóng gắt và mưa nhiều. Về mùa đông thì khô-khan và lạnh-léo.

Con sông Cửu-Long chảy qua Ai-Lao dài độ 2.000km có nhiều ghềnh thác. Tàu bè chỉ đi lại được từ Vạn-Tượng đến Sa-van-na-Khét mà thôi. Những phụ-lưu từ Ai-Lao chảy ra sông Cửu-Long là Nam-Hu, Nam-ca-Đinh, Sê-bang-Phai, Sê-bang-Hiên.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Ai-Lao giáp ranh với các nước nào ?
2. Diện-tích Ai-Lao ước-độ bao nhiêu ?
3. Địa-thể Ai-Lao thế nào ?
4. Khi-hậu ở Ai-Lao ra sao ?
5. Ở Ai-Lao có con sông nào quan-trọng ?

33. AI - LAO NHÂN - VĂN



EM QUAN-SÁT VÀ SỦY-LUẬN :

Hình 1 : Ngày lễ Phật ở Ai-Lao.

- Người đi lễ Phật trong hình này đông hay ít ? Trên nóc đền ở giữa hình, em thấy gì ? Cách ăn mặc của người Lào ra sao ?

Hình 2 : Một điệu vũ của người Lào.

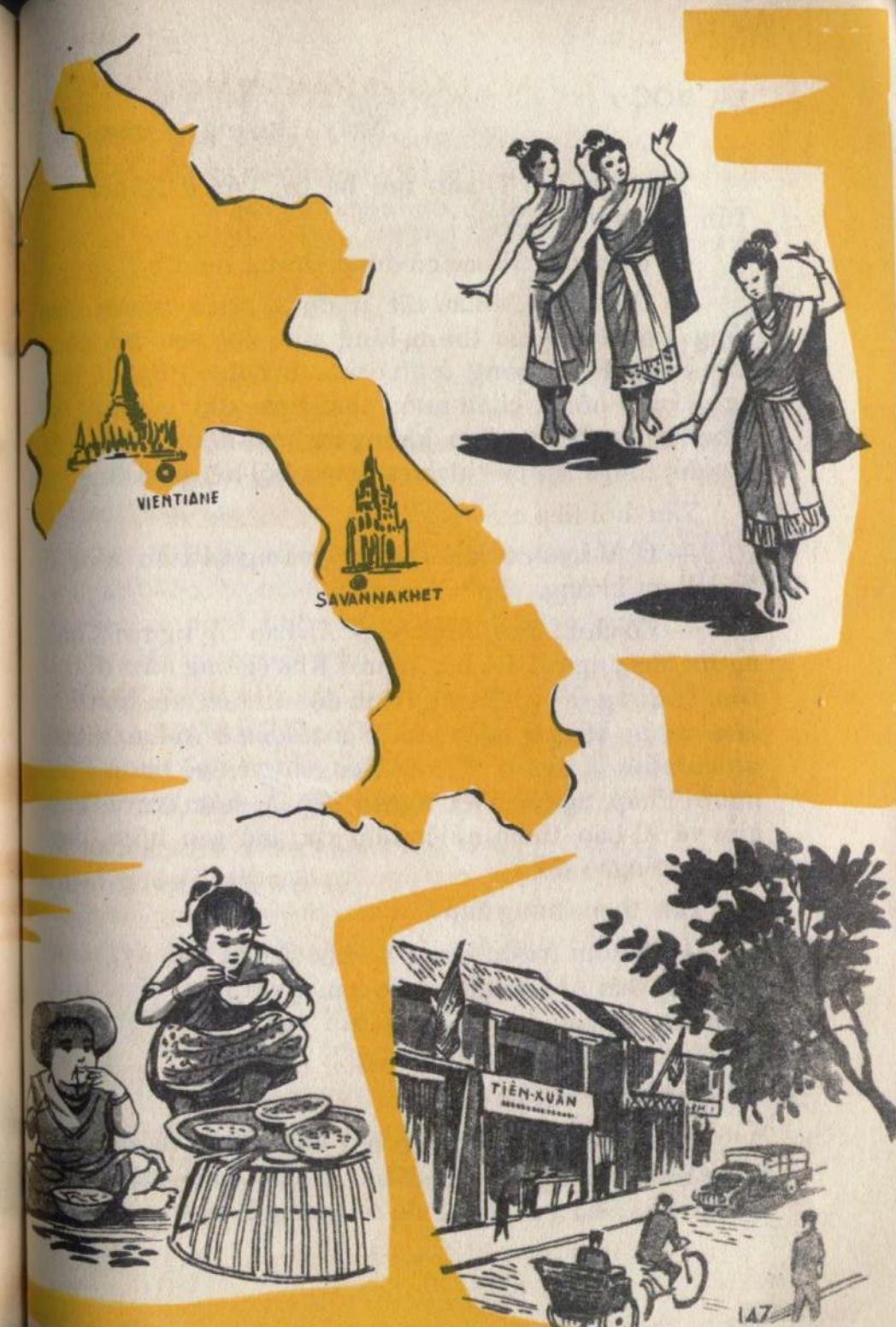
- Vũ-diệu này có giống vũ-diệu của ta không ? Theo em nhận-xét, người phụ-nữ Lào trong hình này ăn mặc khác với các phụ-nữ trong hình 1 như thế nào ?

Hình 3 : Hai em bé Lào ăn hủ-tiêu.

- Cách ăn của hai em này có giống người Việt-Nam không ? Tay và cò của các em có đeo gì ? Hai em bé này mặc áo quần ra sao ?

Hình 4 : Một đường phố chính ở Vạn-Tượng.

- Em thấy đường phố này thế nào ? Một tiệm buôn bán của Việt kiều trong hình này lấy hiệu gì ? Trên lầu các cửa tiệm có treo gì ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19...

Tấn nghe trò Thanh nói ba trò vừa ở Ai-Lao về.
Tấn đến hỏi chị Ngọc :

— Dân số ở Ai-Lao có đông không, hả chị ?

— Dân-số ở Ai-Lao rất ít, độ 2 triệu người. Họ sống đông-dúc ở các thung-lũng nhỏ dọc ven bờ sông Cửu-Long. Họ thường ở nhà sàn, theo đạo Phật và làm nghề canh-nông, chăn-nuôi, chài lưới. Chỉ có một số ít buôn bán. Người Lào không ưa hoạt động nhiều, chỉ cần đủ sống. Họ lại thích ca nhạc, hội-hè, giao-du.

Tấn hỏi tiếp :

— Ở Ai-Lao có dân thiểu-số và ngoại-kiều như ở Việt-Nam không, chị ?

— Có chứ ! Dân thiểu-số ở Ai-Lao có người Thái, người Mèo, người Lô-Lô, người Kha (giống như đồng-bào Thượng ở Việt-Nam), trình-độ văn-hóa của họ thấp kém và họ sống ở miền núi. Ngoại-kiều ở Ai-Lao thì có nhiều nhứt là người Trung-Hoa, chuyên về buôn-bán, người Pháp, người Việt, người Mỹ. À, hôm trước Tấn giỏi về Ai-Lao thiên-nhiên lắm cơ, mà sao hôm nay Tấn ngơ-ngáo thế ?

Tấn thận-thùng đáp :

— Vì hôm trước em vừa học xong bài ấy, còn hôm nay bài Ai-Lao nhân-văn em chưa học đến. Chị Ngọc nè ! Ai-Lao được độc-lập hồi nào ? Và Việt-Nam có liên-lạc gì với Ai-Lao không ?

Chị Ngọc vui-vẻ đáp :

— Ai-Lao được độc-lập hồi năm 1949 và đã gia nhập Liên-hiệp-Quốc năm 1955. Ai-Lao theo chính-thể Quân-chủ. Nhà vua đóng đô ở Luang-Prabang. Ngoài

kinh-đò, Ai-Lao còn có một thủ-đô nữa là Vạn-Tượng và các thị-trấn khác là Tha-Khé, Sa-va-na-Khé, Pakse (Bắc-Xé). Tất cả các thành-phố đều ở dọc theo bờ sông Cửu-Long. Ai-Lao đã công-nhận nước Việt-Nam Cộng-Hòa và hai nước có trao đổi Đại-sứ. Đại-sứ Việt-Nam ở Vạn-Tượng.

EM NHỚ :

Dân-số Ai-Lao độ hai triệu người, sống về nghề nông, chăn-nuôi và chài lưới. Họ theo đạo Phật và thích ca nhạc, hội-hè.

Dân thiểu-số có người Thái, người Mèo, người Lô-Lô và người Kha. Ngoại-kiều có rất nhiều người Trung-Hoa, chuyên về nghề buôn-bán và một số ít người Pháp, người Việt và người Mỹ.

Ai-Lao là một nước độc-lập, theo chính-thể Quân-chủ. Nhà vua đóng đô ở Luang-Prabang. Ngoài ra, Ai-Lao còn có một thủ-đô nữa là Vạn-Tượng và các thị-trấn là Tha-Khé, Sa-va-na-Khé và Bắc-Xé.

Ai-Lao đã công-nhận Việt-Nam Cộng-Hòa và hai nước có trao đổi Đại-sứ.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Dân-số Ai-Lao độ bao nhiêu ?
2. Người Lào thường sống về nghề gì ?
3. Bản tính của người Lào thế nào ?
4. Dân thiểu-số và ngoại-kiều ở Ai-Lao gồm những ai ?
5. Ai-Lao có liên-lạc gì với Việt-Nam Cộng-Hòa không ?

34. AI - LAO KINH - TẾ



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1 : Một thiếu nữ Lào đang quay tơ.

- Tay trái thiếu nữ đang cầm vật gì ? Những bánh xe có nan quạt hai bên dùng để làm gì ? Tóc của thiếu nữ bới thế nào ?

Hình 2 : Người thợ điêu-khắc.

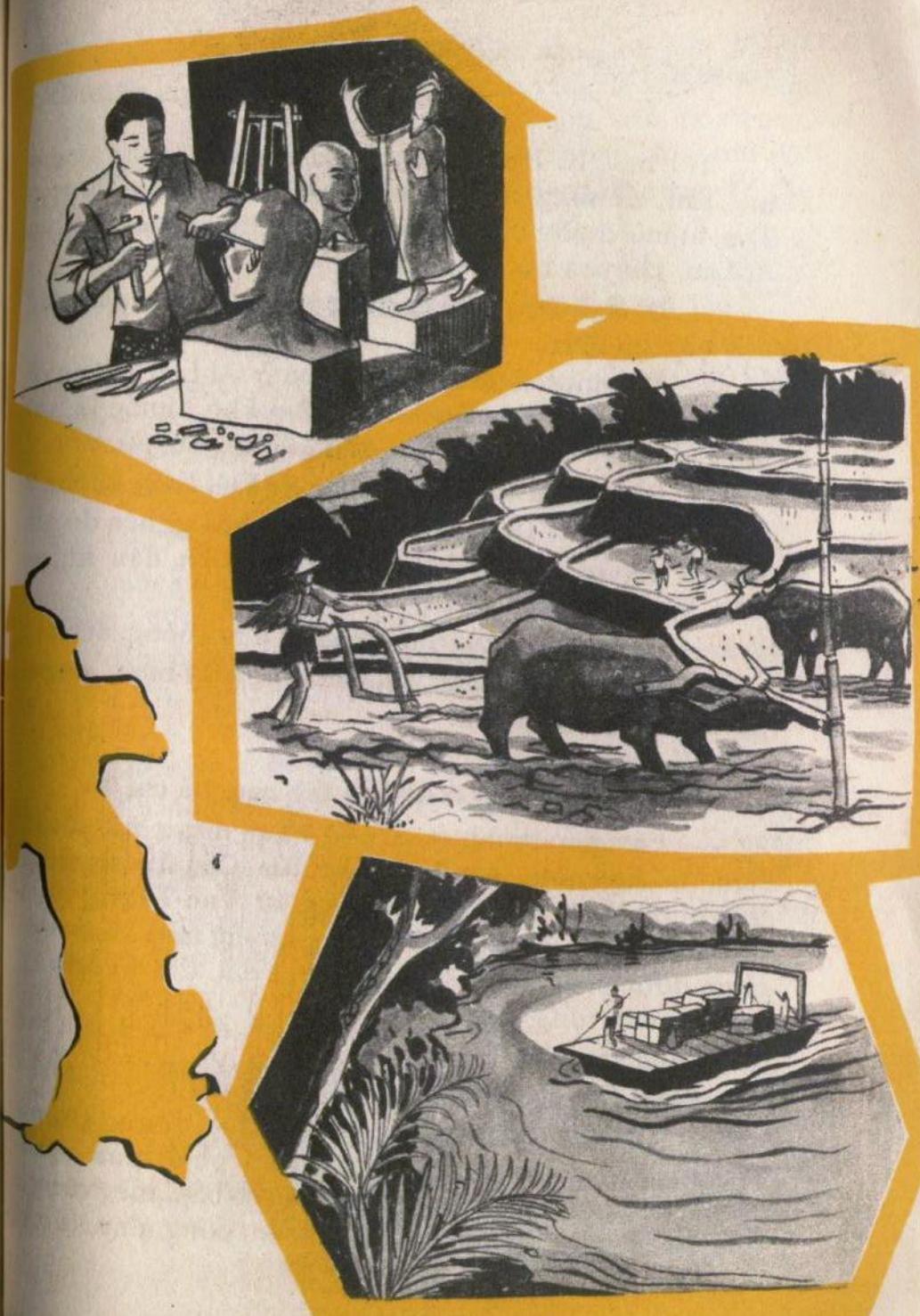
- Em thấy những tượng gì trong hình ? Người thợ đang làm gì ? Nghề điêu-khắc này thuộc tiều-công-nghệ hay đại-kỹ-nghệ ?

Hình 3 : Cảnh đồng quê ở Ai-Lao.

- Em có biết trong hình này, con nào là trâu, con nào là bò ? Theo em, vùng này có thuận-tiện cho việc chăn-nuôi không ?

Hình 4 : Chiếc phà trên sông Cửu Long.

- Chiếc phà này đang làm gì ? Em có thể cắn-cứ trên phương-diện nào để nói chiếc phà này của người Lào ? Việc chuyên-chở hàng-hóa bằng đường thủy có lợi ích không ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19...

Tối nay, bà Hương, bạn của mẹ Tân, sang từ-giã mẹ Tân, để sáng mai chở hàng-hóa lên Vạn-Tượng. Tân tò-mò muốn biết bà đem những hàng-hóa gì qua Ai-Lao, chạy ra hỏi thăm bà :

— Dì Hai đem những hàng-hóa gì lên Vạn-Tượng bán vạy, hả dì Hai ?

— Thi minh đem những gì mà ở Ai-Lao không có nhiều như muối, nước mắm, cá, tôm khô, thuốc lá, xà-bông, đồ thủy-tinh, giày dép, guốc, đồ cao-su, dù, nón....

— Rồi dì Hai có mua gì đem về Việt-Nam không ?

— Có chứ ! Dì mua những hàng-hóa gì bên đó giá rẻ như cà-phè, nấm, đậu nành, cánh kiến, đậu khấu, trâu, bò hay dã-thú.

— Ai-Lao còn mua mòn gi khác nữa không, dì Hai ?

— Họ còn mua gạo, vải, dầu hỏa, máy-móc, dược-phầm và các chế-phẩm.

Tân day qua hỏi chị Ngọc :

— Sự giao-thông ở Ai-Lao thế nào, hả chị ?

— Sự giao-thông ở Ai-Lao chưa được mở-mang lăm. Ai-Lao không có đường xe lửa. Còn đường thủy thi chỉ có sông Cửu-Long khoảng từ Vạn-Tượng đến Sa-van-na-Khet thôi. Đường hàng-không mới khai-thác chưa được phát-triển lăm vì giá quá đắt. Chỉ có đường bộ là quan-trọng nhứt.

Công xen vào :

— Ai-Lao có những sản-vật gì, hả chị ?

— Ở Ai-Lao có nông-sản chính là lúa, nhưng không đủ cung-cấp cho nhu-cầu trong nước, phải mua thêm của Thái-Lan. Ngoài lúa, Ai-Lao còn có bắp, mè (vừng), mia, trà, cà-phè, thuốc-lào, nha-phiến, bông, đay, cánh-

kiến. Về lâm-sản, Ai-Lao có nhiều rừng với các gỗ quý như têch, trắc, mun và các lâm-sản khác là nhựa thông, hời, đậu-khấu và thú rừng như voi, cọp, báo, bò rừng... Về khoáng-sản, Ai-Lao có mỏ thiếc ở Cam-Môn, mỏ chi ở Chê-Pon, mỏ sắt ở Sầm-Nura, Xiêng-Khoang. Ở các lòng sông, dân-chúng đãi cát lấy vàng.

Tân hỏi thêm :

— Ở Ai-Lao có những công-nghệ gì, hả chị ?

— Ở Ai-Lao, đại-kỹ-nghệ chưa được mở-mang, chỉ có vài kỹ-nghệ khai mỏ và nhà máy cưa gỗ mà thôi. Phần nhiều công-nghệ Ai-Lao có những tiêu-công-nghệ gia đình như dệt vải, lụa, đan chiếu, nung vôi, đóng thuyền.

Đến đây, bà Hai cáo từ ra về...

EM NHỚ :

Nông-sản chính của Ai-Lao là lúa, nhưng không đủ dùng trong nước, phải mua thêm của Thái-Lan.

Ngoài lúa ra, người Lào còn trồng bắp, mè, cà-phè, thuốc-lào, nha-phiến, cánh-kiến và chăn nuôi trâu, bò, heo, gà...

Lâm-sản ở Ai-Lao gồm có gỗ quý và thú rừng.

Khoáng-sản ở Ai-Lao có mỏ thiếc, chì, sắt.

Về giao-thông, ở Ai-Lao chỉ có đường bộ là quan-trọng nhứt.

Ai-Lao mua của Việt-Nam muối, vải, các chế-phẩm và bán cho Việt-Nam trâu, bò, da thú, cánh kiến...

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Ai-Lao có những nông-sản gì ?
2. Lâm-sản và khoáng-sản của Ai-Lao có những gì ?
3. Đường giao-thông nào quan-trọng ở Ai-Lao ?
4. Kỹ-nghệ ở Ai-Lao như thế nào ?
5. Ai-Lao xuất-cảng và nhập-cảng những món hàng gì ?

35. BÀI-ÔN : AI-LAO

CHƯƠNG III

TRUNG-HOA

36. TRUNG-HOA THIÊN-NHIÊN



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1 : Những cánh đồng ở Trung-Hoa.

- Em thấy những bờ mău như thế nào ? Thửa ruộng có hình chữ-nhụt như ở nước ta không ? Xa xa em thấy có gì ?

Hình 2 : Vạn-lý Trường-Thành.

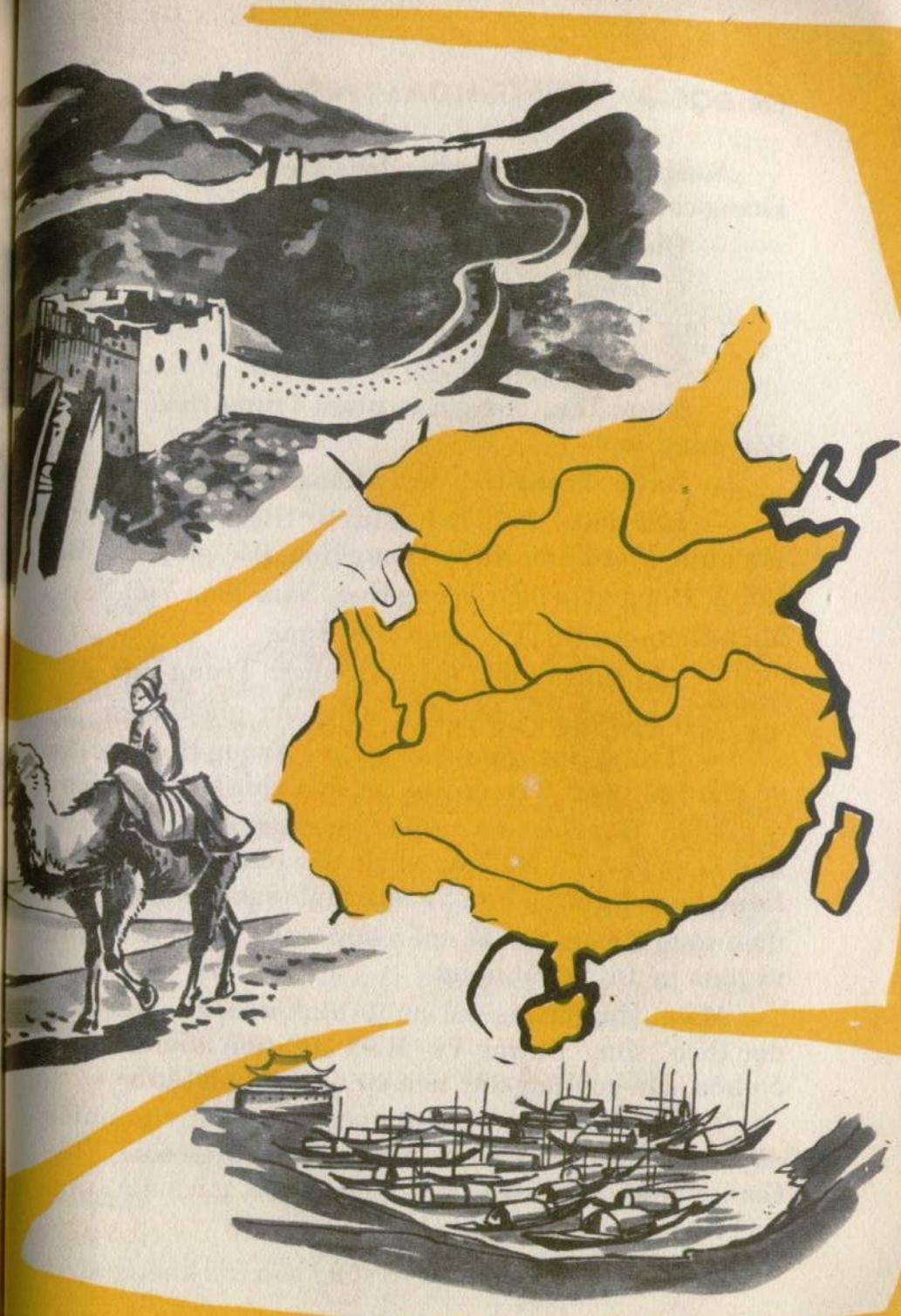
- Em có nghe nói Vạn-lý Trường-Thành làn nào chưa ? Vạn-lý Trường-Thành là do thiên-nhiên tạo hay do sức người tạo nên ? Núi non trong hình như thế nào ?

Hình 3 : Giồng lạc-dà ở miền bắc Trung-Hoa.

- Người ta dùng lạc-dà để làm gì ? Tại sao phải dùng lạc-dà để đi qua các sa-mạc ? Thế nào là sa-mạc ?

Hình 4 : Một « làng nòi » ở miền Nam Trung-Hoa.

- Thế nào là làng nòi ? Tại sao người ta phải dùng thuyền tam-bản để làm nhà ở ? Nhà nòi có phải là nhà sàn không ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng ... năm 19....

Sáng nay, nghe Tấn học bài Việt-Sử « Mười năm kháng-chiến chống quân Minh », Công hỏi :

— Quân Minh ở đâu, anh Tấn ?

— Ở bên Tàu.

Công chạy đến hỏi thêm chị Ngọc :

— Nước Tàu ở đâu, hả chị ?

— Nước Tàu, còn gọi là nước Trung-Hoa, ở phía Bắc nước ta.

— Nước Trung-Hoa lớn không, chị ?

— Lớn lắm ! Diện-tích gần 10 triệu km², gấp 30 lần nước Việt-Nam. Nước Trung-Hoa, Bắc giáp Tây-Bá-Lợi-Á, Đông giáp biển Trung-Hoa, Nam giáp Việt-Nam, Miền-Điện, Ấn-Độ, Tây giáp Tây-Tạng.

— Chị cho em biết thêm về nước Trung-Hoa đi ?

Tấn ngưng học bài, đến nghe chị giải-thích :

— Trung-Hoa gồm hai phần : Trung-Hoa lục-địa và đảo Đài-Loan. Trung-Hoa lục-địa chia làm ba miền :

Miền Hoa-Bắc có nhiều cao-nguyên rộng lớn như Cam-Túc, Thiểm-Tây, nhiều dãy núi cao như Thái-Hành-Sơn, Ngũ-Đại-Sơn và một bình-nguyên lớn ở dọc theo sông Hoàng-Hà. Ở miền này, mùa đông rất lạnh và mùa hè thi lại rất nóng.

Miền Hoa-Trung có một bình-nguyên bao-la ở dọc theo sông Dương-Tử. Miền này đất tốt, khí-hậu ôn-hòa, dân-cư đông-đúc nên có nhiều đô-thị lớn.

Miền Hoa-Nam có cao-nguyên Vân-Nam với nhiều dãy núi hiểm-trở và bình-nguyên ở dọc theo sông Tây-Giang. Miền này chịu ảnh-hưởng của gió mùa như Việt-Nam.

— Ở Trung-Hoa lục-địa có sông nào lớn không, chị ?

— Có hai con sông lớn là sông Hoàng-Hà và sông Dương-Tử. Hai con sông này phát-nguồn từ Tây-Tạng. Đất phù-sa của sông Hoàng-Hà màu vàng, rất tốt và về mùa mưa, nước dâng lên rất cao và chảy rất nhanh nên hay sanh ra nạn lụt. Còn sông Dương-Tử thì ôn-hòa lòng sông sâu, tàu bè đi lại rất thuận-tiện. Sông này chảy thông vào hồ Động-Đinh và hồ Phan-Dương.

Còn Đài-Loan là một hòn đảo lớn hình chiếc lá. Ở miền Đông và miền Trung có nhiều dãy núi cao, chạy từ Bắc xuống Nam, trông giống như sống lưng của hòn đảo. Miền Tây là một bình-nguyên rất phi-nhiêu. Ngoài ra, Đài-Loan còn có một số đảo nhỏ. Diện-tích độ 36.000 km² (gần bằng 1/3 Việt-Nam Cộng-Hòa).

EM NHỚ :

Trung-Hoa ở miền Đông Châu Á, Bắc giáp Tây-Bá-Lợi-Á, Đông giáp biển Trung-Hoa; Nam giáp Việt-Nam, Miền-Điện, Ấn-Độ, Tây giáp Tây-Tạng. Diện-tích gần 10 triệu km². Trung-Hoa chia làm hai phần :

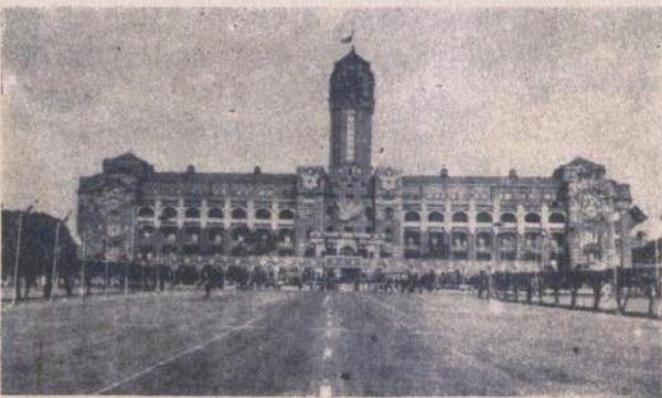
1. Trung-Hoa lục-địa có ba miền là Hoa-Bắc, Hoa-Trung và Hoa-Nam. Ba miền này có ba bình-nguyên rộng nằm dọc ba sông lớn là sông Hoàng-Hà, Dương-Tử và Tây-Giang. Ngoài những bình-nguyên này, Trung-Hoa lục-địa còn có nhiều cao-nguyên lớn và núi cao rất hiểm-trở.

2. Còn Đài-Loan là một hòn đảo lớn, ở miền Đông và Trung có nhiều núi, miền Tây là bình-nguyên phi-nhiêu. Diện-tích ước-độ 36.000 km².

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Cho biết giới-hạn và diện-tích của nước Trung-Hoa.
2. Trung-Hoa lục-địa chia làm mấy miền ? Kẽ ra.
3. Sông Hoàng-Hà có gì đặc-biệt ?
4. Đảo Đài-Loan giống hình gì ?
5. Diện-tích Đài-Loan độ bao nhiêu ?

37. TRUNG - HOA NHÂN - VĂN



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN :

Hình 1 : Phủ Tòng-Thống ở Đài-Bắc.

- Em thấy gì trên đỉnh? Lối kiến-trúc này ra sao?
Đường vào Phủ thế nào?

Hình 2 : Một khu phố ở Đài-Bắc.

- Đài-Bắc có phải là thủ-đô của Trung-Hoa Dân-Quốc không? Trước mỗi phố có treo gì?
Đường phố thế nào?

Hình 3 : Một em bé Trung-Hoa.

- Cách phục-sức của em bé ra sao? Em ấy đai gì sau lưng? Người Việt-Nam có làm thế không? Đai như vậy lợi, hại thế nào?

Hình 4 : Một nhà sư Trung-Hoa.

- Nhà sư đang làm gì? Trên bàn thờ em thấy có gì? Em hãy so-sánh với một bàn thờ ở Việt-Nam.



EM ĐỌC :

Ngày... tháng ... năm 19...

Chị Ngọc đang ngồi xem sách thì Công chạy vào hỏi :

— Chị Ngọc nè ! Có phải nước nào trên thế-giới cũng có người Trung-Hoa đến làm ăn buôn-bán không, chị ? Như vậy, dân-số họ chắc đông lắm, hả chị ?

— Dân-số Trung-Hoa nhiều lắm, em à ! Độ 700 triệu người, hơn 20 lần dân-số Việt-Nam. Riêng ở Đài-Loan có hơn 11 triệu người, cho nên Trung-Hoa bị nạn nhân-män và phải di-cư sang các nước khác làm ăn.

Tấn như nhớ ra, đến hỏi chị :

— Chị Ngọc ơi ! Hôm trước em vào Chợ-Lớn thấy mấy người Trung-Hoa nói chuyện với nhau mà họ không hiểu nhau, tại sao hả chị ?

— Vì người Trung-Hoa ở mỗi miền nói một thứ tiếng khác nhau, nhưng chữ viết thi giống.

— Thưa chị, nước Trung-Hoa văn-hóa có cao không?

— Kẽ ra thì người Trung-Hoa có một nền văn-hóa khá cao. Khi người Âu-Châu còn dã-man thì người Trung-Hoa đã biết tồ-chức xã-hội, quốc-gia có quy-cử. Nhưng vì họ có óc nê cò, không có sáng-kiến nên ngày nay chậm tiến hơn Âu-Mỹ.

Công xen vào :

— Họ theo đạo nào, hả chị ?

— Trừ một ít theo đạo Hồi và đạo Thiên-Chúa, còn phần đông theo đạo Phật, đạo Lão và đạo Khòng.

Tấn hỏi thêm :

— Họ theo chính-thề nào, chị ?

— Từ ngày lập-quốc, Trung-Hoa theo chính-thề quân-chủ chuyên-chế. Đến sau cuộc cách-mạng 1912, họ thành một nước Cộng-Hòa. Từ khi cuộc chiến-tranh Trung-Nhật (1937-1945) chấm dứt, Trung-Hoa

chia làm hai phần : Trung-Hoa lục-địa thuộc về Cộng-sản và Đài-Loan thuộc về Trung-Hoa Dân-Quốc theo chính-thề Cộng-Hòa.

Công hỏi tiếp :

— Trung-Hoa có thành phố nào lớn không, chị ?

— Có ! Ở Trung-Hoa lục-địa có các thành-phố lớn như Bắc-Kinh, Thiên-Tân, Thượng-Hải, Hán-Khâu, Nam-Kinh, Quảng-Châu... Còn Trung-Hoa Dân-Quốc có thủ-đô là Đài-Bắc và các thành-phố là Đài-Trung, Đài-Nam, Cao-Sơn (Kaohsiung)....

EM NHỚ :

Dân-số Trung-Hoa có độ 700 triệu người, riêng Đài-Loan có hơn 11 triệu người. Người Trung-Hoa không nói chung một thứ tiếng nhưng họ cùng viết một thứ chữ.

Hầu hết dân Trung-Hoa đều theo đạo Phật, đạo Lão và đạo Khòng.

Hiện nay, Trung-Hoa lục-địa thuộc Cộng-sản và Đài-Loan thuộc về Trung-Hoa Dân-Quốc, theo chính-thề Cộng-Hòa. Thủ-đô của Trung-Hoa Dân-Quốc là Đài-Bắc.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Dân-số Trung-Hoa có độ bao nhiêu người ? So sánh với dân-số Việt-Nam.
2. Tại sao nhiều người Trung-Hoa di-cư sang các nước khác ?
3. Người Trung-Hoa theo đạo gì ?
4. Hiện nay Trung-Hoa Dân-Quốc ở đâu ?
5. Thủ-đô của Trung-Hoa Dân-Quốc là gì ?

38. TRUNG - HOA KINH - TẾ



EM QUAN-SÁT' VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1 : Một nông-phu người Trung-Hoa.

- Người nông-phu đang làm gì ? Họ dùng trâu hay bò ? Tại sao ở nước ta thường dùng cả đôi trâu ?

Hình 2 : Phơi lúa.

- Người ta phơi lúa ở đâu ? Em có thấy quang cảnh này ở Việt-Nam không ? Ở Việt-Nam, người ta phơi lúa ở đâu ?

Hình 3 : Một cảnh buôn-bán.

- Người ta đang buôn bán gì ? Rau cải có phải là thức ăn cần-thiết không ? Cảnh buôn-bán này thế nào ?

Hình 4 : Cảnh bến tàu.

- Tàu này có phải là tàu buôn không ? Tàu này đang làm gì ? Trên bến tàu em thấy có gì ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19...

Hôm nay mẹ Tấn đau. Chị Ngọc sắc thuốc cho mẹ. Tấn tò-mò mở thang thuốc ra xem, thấy nhiều loại cây, lá rất thơm. Tấn thắc-mắc đến hỏi chị Ngọc :

— Tại sao những tiệm thuốc bắc phần nhiều là do người Tàu bán, hả chị ?

— Vì thuốc bắc là loại thuốc được nhập-cảng của Đài-Loan.

— Thưa chị, ngoài thuốc bắc ra, Đài-Loan còn sản-xuất thứ gì nữa ?

— Đài-Loan rất phát-triển về canh-nông. Đài-Loan sản-xuất rất nhiều gạo, trà, mia, khoai-lang, gai, thuốc bắc. Hằng năm, Đài-Loan xuất-cảng nhiều đường, trà và hóa-phẩm.

— Nền kinh-tế ở Đài-Loan có gì quan-trọng, hả chị ?

— Đài-Loan là một quốc-gia khá giàu, hầu hết các tài-nguyên đều được khai-thác. Lâm-sản thi có các loại gỗ quý như sến, long-não và các sản-vật khác như que, sâm... Còn khoáng-sản thi có vàng, bạc, đồng và than. Tiêu-công-nghệ thi phần lớn có tinh cách cỗ-truyền như đồ sứ, đồ đồng, đồ chạm, đồ ngà, vải-vóc... Đại-kỹ-nghệ thi có các xưởng luyện thép, xưởng đóng tàu, xưởng lọc kim, nhà máy tơ-sợi, nhà máy làm đồ nhựa, đồ nhôm, nhà máy xi-măng, nhà máy đường...

— Đường giao-thông ở Đài-Loan như thế nào, hả chị ?

— À, đường giao-thông ở Đài-Loan rất tiện lợi. Ngoài một hệ-thống đường bộ rất tốt, đường xe lửa, đường thủy và đường hàng-không cũng được mở-mang.

— Đài-Loan giao-thương với các nước nào, hả chị ?

— Đài-Loan buôn-bán với nước Nhật, Anh, Hoa-

Kỳ và các nước trong khối thế-giới tự-do trong đó có cả Việt-Nam Cộng-Hòa nữa. Việt-Nam Cộng-Hòa mua của Đài-Loan đường, giấy, xi-măng, thuốc bắc, hàng vải và bán cho Đài-Loan các thực-phẩm và nguyên-liệu kỹ-nghệ.

EM NHỚ :

Đài-Loan rất phát-triền về canh-nông. Đài-Loan trồng nhiều lúa, trà, mia, thuốc bắc...

Đài-Loan có mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ đồng và mỏ than.

Về lâm-sản, Đài-Loan có nhiều gỗ quý và các sản-vật như sâm, que. Tiêu-công-nghệ ở Đài-Loan thì phần lớn theo phương-pháp cỗ-truyền. Còn đại-kỹ-nghệ đang được phát-triền.

Đài-Loan bán cho Việt-Nam đường, giấy, xi-măng, thuốc bắc và mua của Việt-Nam thực-phẩm và nguyên-liệu kỹ-nghệ.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

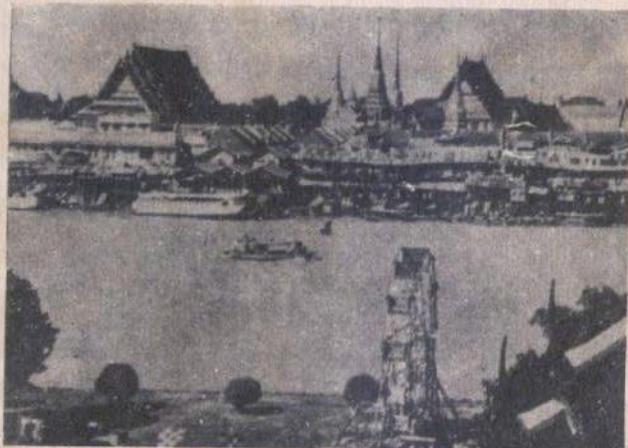
1. Kè vài nông-sản ở Đài-Loan.
2. Đài-Loan có những mỏ gì ?
3. Đồ sứ của Đài-Loan ra sao ?
4. So với Việt-Nam, nền đại-kỹ-nghệ của Đài-Loan thế nào ?
5. Đài-Loan bán cho Việt-Nam những gì ?

39. BÀI - ÔN : TRUNG - HOA

CHƯƠNG IV

THÁI - LAN

40. THÁI - LAN THIÊN - NHIÊN



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN :

Hình 1 : Một bến sông ở Thái-Lan.

- Trên bến sông, em thấy có gì ? Ngoài các đèn chùa còn có gì ? Trên dòng sông có gì ?

Hình 2 : Một thửa ruộng đầy nước vào mùa cày

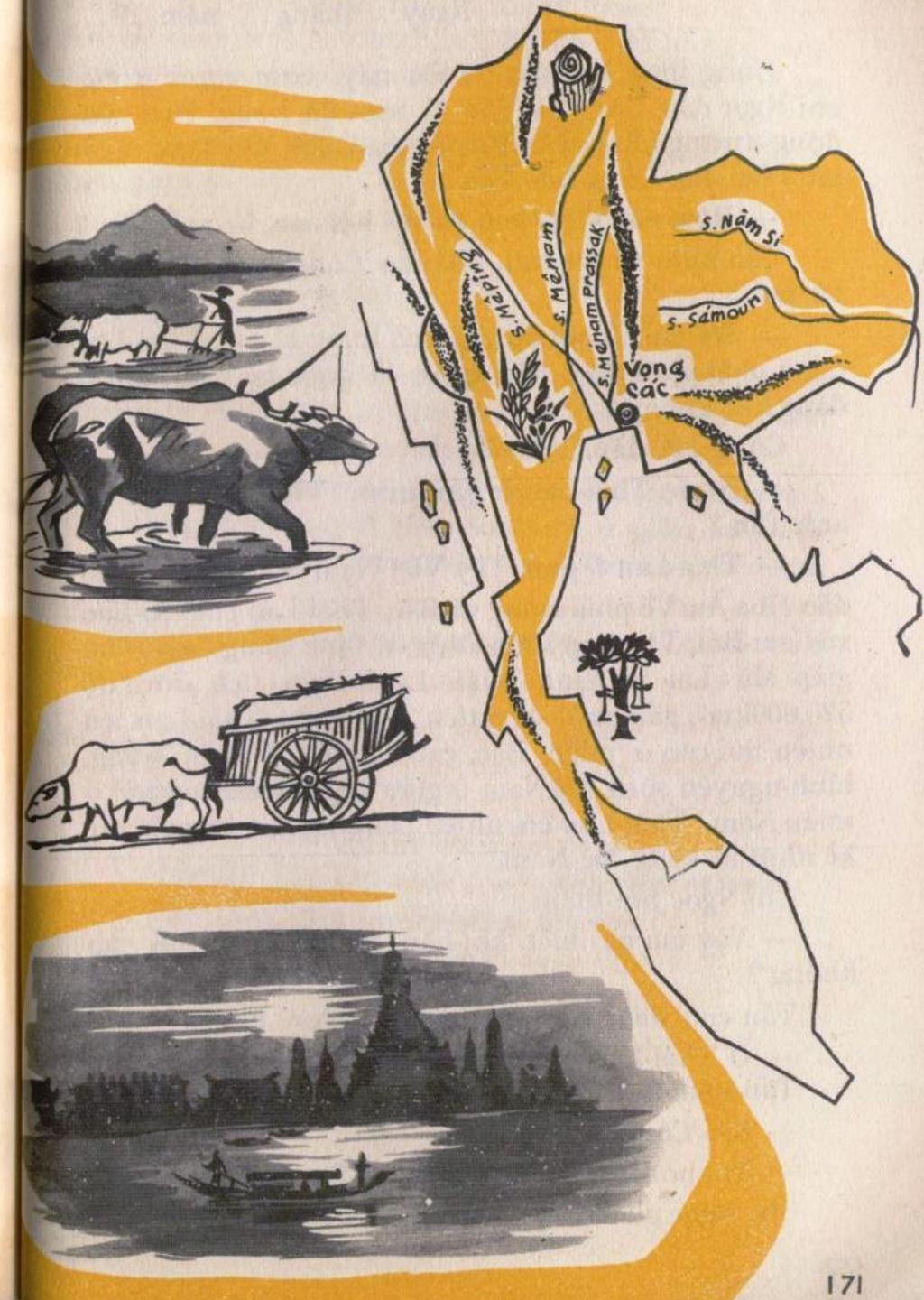
- Xa xa em thấy có gì ? Núi non có hiềm - trở không ? Đồng ruộng ra sao ?

Hình 3 : Một chiếc xe bò ở xứ Thái.

- Quang cảnh này ở miền quê hay ở thành-thị ? Xe bò này dùng để chở gì ? Có phải chở thóc từ đồng lúa về nhà không ?

Hình 4 : Sông Mê-Nam chảy qua thành-phố Vọng-Cács.

- Em có nghe nói đến sông Mê-Nam chưa ? Cái gì có đỉnh cao nhứt trong hình ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19...

Đúng theo lời hứa, chiều nay, cơm nước xong, chị Ngọc dẫn Công và Tấn đi xem đá bóng. Đến vận động-trường Cộng-Hòa, tim được số ghế, chị Ngọc ngồi giữa hai em. Công hỏi Tấn :

— Hôm nay Việt-Nam đá với hội nào, hả anh Tấn ?

Tấn nhìn về góc sân, chỉ cho Công xem tấm bảng và nói :

— Đá với Thái-Lan. Em có thấy lá cờ Thái-Lan đang phất-phới bay bên cạnh lá quốc-kỳ Việt-Nam ở đằng kia không ?

Công gật đầu, hỏi tiếp :

— Nước Thái-Lan ở gần nước Việt-Nam không, anh Tấn ?

— Thái-Lan ở phía Tây Việt-Nam nằm giữa bán đảo Hoa-Án. Về phía Đông và Bắc, Thái-Lan giáp Ai-Lao và Cam-Bốt, Tây giáp Miến-Điện và Vịnh Băng-Gan, Nam giáp Mã - Lai và Vịnh Thái - Lan. Diện - tích ước - độ 520.000km², gấp rưỡi diện-tích Việt-Nam. Thái-Lan có nhiều núi cao ở miền Bắc, cao-nuyễn ở miền Đông, bình-nuyễn sông Mê-Nam ở giữa và nhiều rừng núi ở miền Nam. Thái-Lan có nhiều sông ngòi, nhưng đáng kể nhứt là sông Mê-Nam.

Chị Ngọc hỏi thêm :

— Vậy em có biết khí-hậu ở Thái-Lan thế nào không ?

Tấn còn đang suy-nghĩ thì Công hót lời :

— Ở Thái-Lan nóng lắm phải không, chị ?

Tấn hậm-hực :

— Sao Công biết ?

— Thị hôm trước em nghe chú Ba nói vậy đó.

Chị Ngọc giải-hòa :

— Công nói đúng, khí-hậu ở Thái-Lan giống như khí-hậu ở Việt-Nam vì Thái-Lan nằm trong vùng nhiệt-đới và cũng chịu ảnh-hưởng gió mùa nên nóng quanh năm và ẩm, về mùa hè mưa nhiều ở miền núi và bán-đảo.

Bỗng tiếng còi trọng-tài ré lên, mọi người im-lặng, theo dõi trận đấu...

EM NHỚ :

Thái-Lan nằm giữa bán-đảo Hoa-Án, Tây, Bắc và Đông giáp Miến-Điện, Ai-Lao và Cam-Bốt, Nam giáp vịnh Thái-Lan và Mã-Lai. Diện-tích ước-độ 520.000 km².

Thái-Lan có nhiều núi cao ở miền Bắc, cao-nuyễn ở miền Đông, bình-nuyễn sông Mê-Nam ở giữa và nhiều rừng núi ở miền Nam. Sông Mê-Nam ở Thái-Lan rất quan-trọng.

Khí-hậu ở Thái-Lan nóng và ẩm. Về mùa hè có mưa nhiều.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Nước Thái-Lan ở đâu ?
2. Diện-tích ước-độ bao nhiêu ?
3. Miền Bắc Thái-Lan có gì ? Còn miền Nam ra sao ?
4. Sông nào quan-trọng nhứt ở Thái-Lan ?
5. Khí-hậu ở Thái-Lan ra sao ?

41. THÁI - LAN NHÂN - VĂN



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN :

Hình 1: Cảnh một ngôi chùa ở Vọng-Các.

- Nóc chùa này thế nào ? Em thấy gì trước cồng chùa ? Ngôi chùa này có to lớn lắm không ?

Hình 2: Những nhà sư ở Thái-Lan.

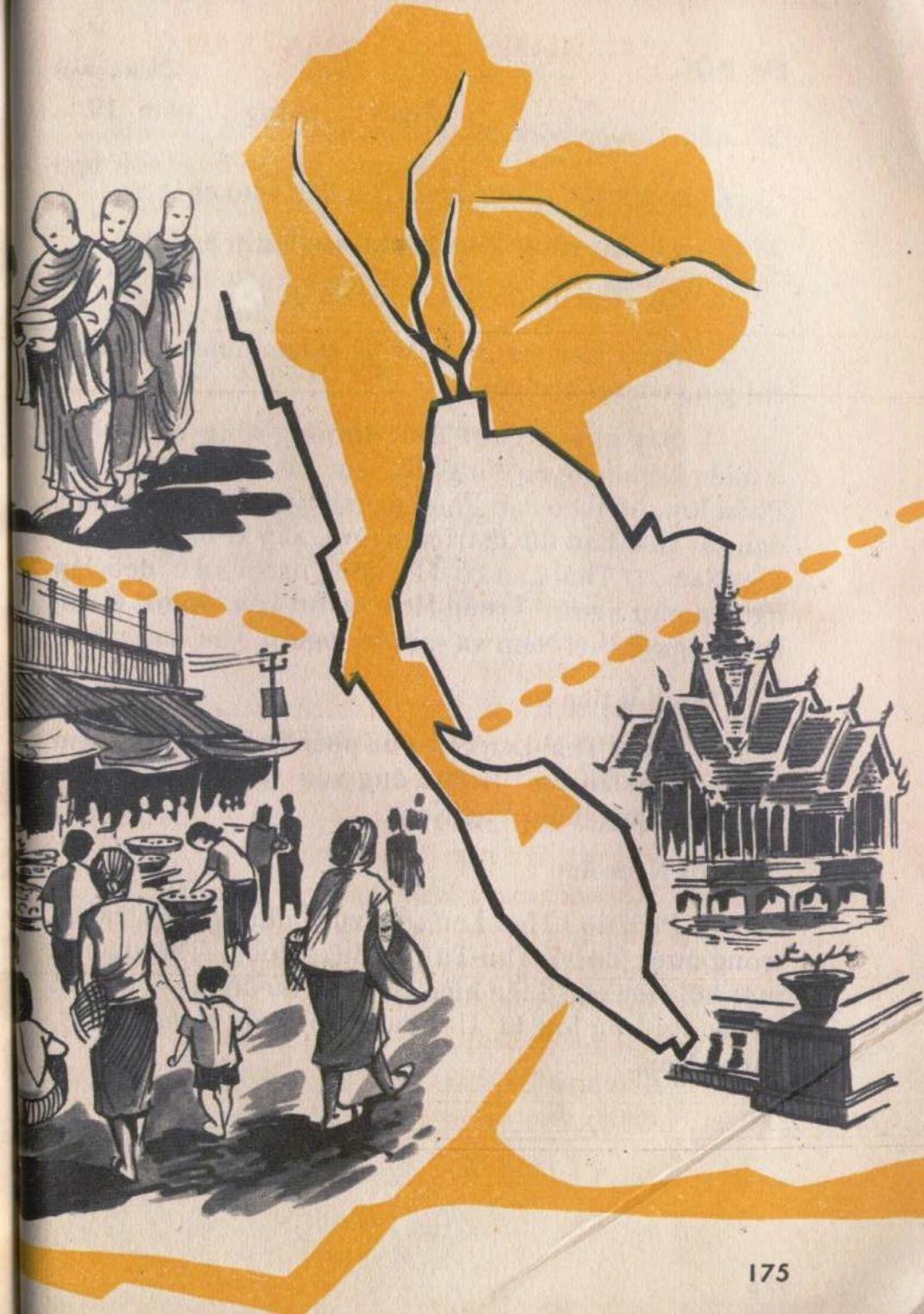
- Các nhà sư đang làm gì ? Có phải đi Khát-thực không ? Thế nào là khát-thực ?

Hình 3: Một cảnh buôn-bán tấp-nập.

- Em trông những người thiếu-nữ này ăn mặc ra sao ? Họ có mặc quần giống như dân ta không ? Tóc họ cắt ngắn hay để dài ?

Hình 4: Cung-điện của Quốc-Vương Thái-Lan.

- Quang-cảnh này trông thế nào ? Lối kiến-trúc tân-kỳ hay cồ-kính ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng ... năm 19...

Chị Ngọc đang xem báo, Tấn đến nhờ chị :

- Chị có rảnh không, cho em hỏi tí ?
- Có Em muốn hỏi chị điều gì ?
- Ngày mai em học bài Thái-Lan nhân-văn, nhờ chị giúp em tài-liệu với.

— Nay nhé ! Người Thái thường sống chen-chúc ở miền bình-nghuyên sông Mê-Nam và tại các thị-trấn. Phần lớn, họ theo đạo Phật, ngành tiều-thừa. Hiện nay, dân-số Thái-Lan độ 28 triệu người, xấp xỉ bằng dân số Việt-Nam. Ở Thái-Lan có khá đông ngoại-kiều đến lập nghiệp như người Trung-Hoa, người Lào, người Miến-Điện, người Việt-Nam và một số người Âu-Châu nữa.

Tấn hỏi tiếp :

- Nước Thái-Lan còn vua phải không, chị ? Vì em nhớ có một lần em đi đón ông vua và bà hoàng-hậu Thái-Lan sang thăm Việt-Nam.

Chị Ngọc đáp :

— Phải đó ! Thái-Lan còn vua, nhưng việc cai-trị trong nước do vị Thủ-Tướng điều-khiền. Thái-Lan là một hội-viên của Liên-hiệp-Quốc. Thủ-đô là Vọng-Các và các thị-trấn lớn là U-Bông, Ko-Rát, Nong-Khay, Xiêng-Mai...

EM NHỚ :

Dân số ở Thái-Lan ước-độ 28 triệu người, gồm có người Thái và một số ngoại-kiều.

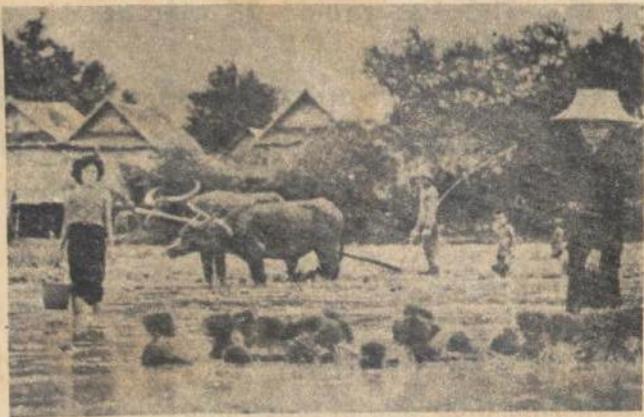
Hầu hết dân Thái theo đạo Phật thuộc ngành tiều-thừa.

Hiện nay, Thái-Lan là một nước quân-chủ. Thủ-đô là Vọng-Các và các thành-phố lớn là U-Bông, Ko-Rát, Nong-Khay, Xiêng-Mai...

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Dân-số Thái-Lan ước-độ bao nhiêu ?
2. Dân Thái theo đạo gì nhiều nhứt ?
3. Thái-Lan theo chính-thè nào ?
4. Tên thủ-đô Thái-Lan là gì ?
5. Kè vài thành-phố lớn ở Thái-Lan.

42. THÁI-LAN KINH-TẾ



EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN :

Hình 1 : Những bó mạ xanh.

- Em thấy những gì trong hình ? Những bó mạ dùng để làm gì ? Trước khi cấy, ruộng cần phải thế nào ?

Hình 2 : Chợ nôì ở Thái-Lan.

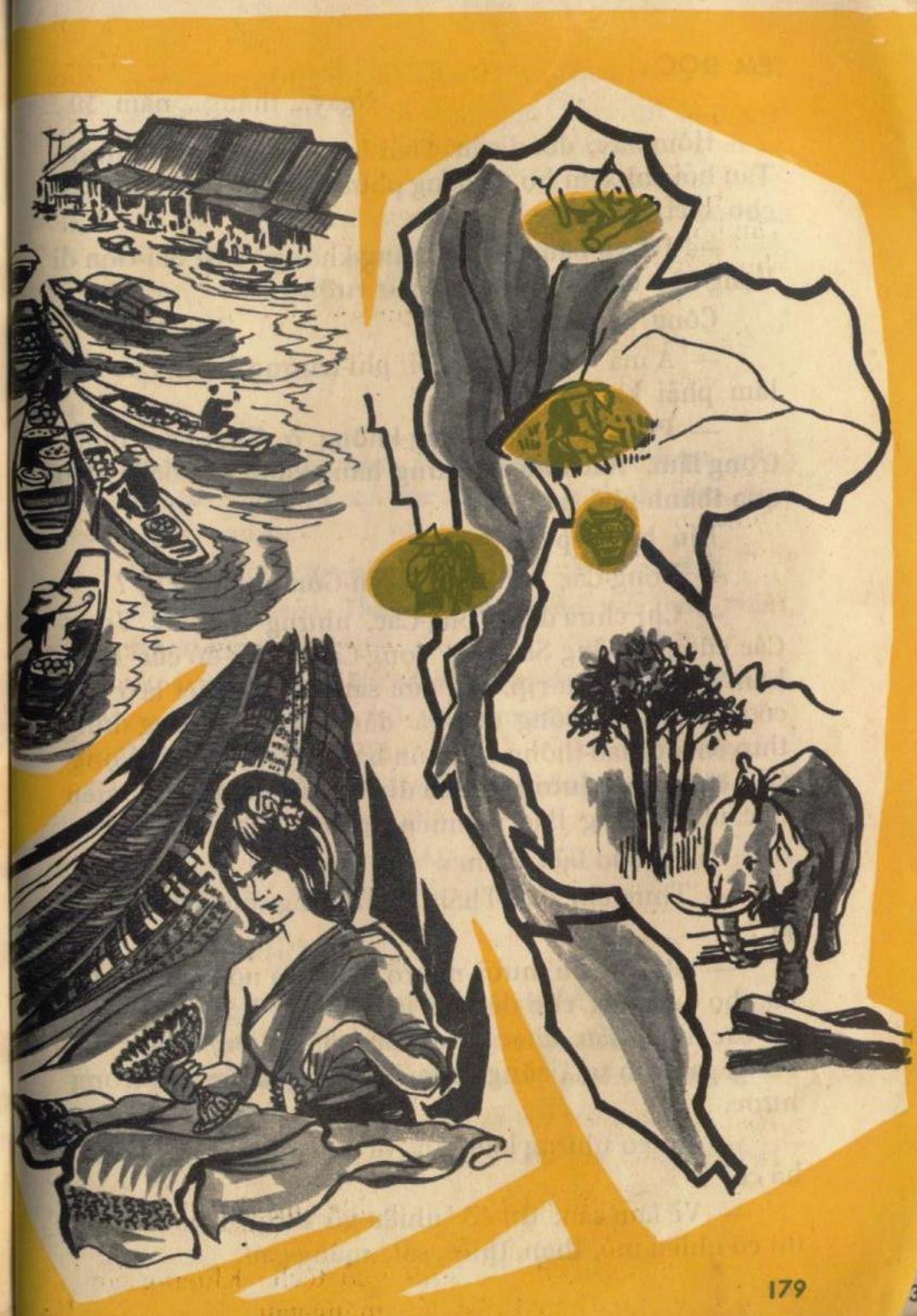
- Người ta chở những gì trên xuồng ? Lạch nước có công-dụng gì ? Tại sao ở Thái-Lan có nhiều chợ nôì ?

Hình 3 : Những sản-phẩm đặc-biệt ở Thái-Lan.

- Người thiếu-nữ trong hình đang làm gì ? Chiếc cúp bạc ấy có đẹp không ? Nghệ-thuật làm đồ bạc ở Thái-Lan có được nòi tiếng không ? Em có biết người ta dùng thứ kim-khí nào để kéo sợi dệt trong những tấm lụa này không ?

Hình 4 : Những tấm gỗ tέch.

- Trong hình người ta dùng gì để kéo gỗ ? Gỗ tέch dùng để làm gì ? Người ta lấy gỗ này ở đâu ? Tại sao gỗ tέch là một nguồn lợi quan-trọng của Thái-Lan ?



EM ĐỌC :

Ngày... tháng... năm 19..

Hôm nay, đoàn cầu Thái-Lan lên đường về nước. Tán hỏi chị xem họ về bằng phương-tiện gì và chị Ngọc cho biết :

— Họ về bằng đường hàng-không và từ Sài-Gòn đi Vọng-Các chỉ mất độ một giờ rưỡi.

Công xen vào :

— À mà em nghe nói phi-trường Vọng-Các lớn lắm phải không, chị ?

— Phải ! Đường hàng-không ở Thái-Lan quan trọng lắm. Rất nhiều đường hàng-không quốc-tế đều qua thành-phố này.

Tán hỏi tiếp :

— Vọng-Các có to bằng Sài-Gòn không, chị ?

— Chị chưa đến Vọng-Các, nhưng chị biết Vọng-Các cũng to bằng Sài-Gòn. Vọng-Các là thủ-đô của Thái-Lan, có xe cộ rộn-rịp, nhà cửa san-sát, đặc-biệt là ở đây có chi-chít các sông đào và dân-chùng thường dùng thuyền để giao-thông và buôn-bán. Ngoài ra, từ Vọng-Các có những đường xe lửa đi đến các thành-phố miền Bắc, miền Đông Bắc và miền Nam.

Tán muốn biết thêm :

— Thưa chị, dân Thái-Lan thường sống bằng nghề gì ?

— Chín phần mười người Thái là nông-dân. Lúa của họ dư dùng, còn để xuất-cảng nữa. Ngoài lúa, còn có các nông-sản khác như bắp, đậu, tiêu, thuốc lá, bông, gai, cao-su... cũng được họ trồng khắp nơi trong nước.

— Họ có những lâm-sản và khoáng-sản gì nhiều, hả chị ?

— Về lâm-sản, thì có nhiều gỗ tách. Khoáng-sản thì có nhiều mỏ, than, thiếc, sắt, măng-gan.

— Còn thương-mại ở Thái-Lan thế nào, chị ?

— Ở Thái-Lan, các thương-gia phần lớn là người Trung-Hoa. Thái-Lan xuất-cảng rất nhiều gạo. Ngoài ra, họ còn bán thiếc, cao-su, gỗ tách và nhập-cảng máy-móc, xe cộ, vải-vóc và các chế-phẩm. Thái-Lan mua của Việt-Nam cá khô, đồ gốm, phốt-phát và bán cho Việt-Nam bông, gai, giấy...

EM NHỚ :

Thái-Lan là một nước nông-nghiệp. Lúa được trồng nhiều nhứt. Ngoài ra còn các nông-sản khác là bắp, đậu, bông, gai, cao-su.

Về lâm-sản, đặc-biệt Thái-Lan có nhiều gỗ tách.

Về khoáng-sản, Thái-Lan có nhiều mỏ than, thiếc, sắt, măng-gan.

Sự giao-thông ở Thái-Lan bằng đường hàng-không, đường xe lửa, đường bộ và đường thủy trên sông và kinh đào rất tiện lợi.

Nền kỹ-nghệ ở Thái-Lan đang được phát-triển và nền thương-mại khá phát-đạt.

Thái-Lan mua của Việt-Nam cá khô, đồ gốm, phốt-phát và bán cho ta bông, gai, giấy.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

1. Dân Thái thường sống bằng nghề nào ?
2. Nước Thái-Lan có lâm-sản gì đặc-biệt ?
3. Nền kỹ-nghệ và thương-mại ở Thái-Lan ra sao ?
4. Thái-Lan mua bán những gì với nước ta ?
5. Theo em, sự giao-thông ở Thái-Lan có gì đặc-biệt ?

43. BÀI-ÔN: THÁI-LAN

1. Ghi vào bản đồ vẽ sẵn :

- a. Tên các nước giáp ranh với Thái-Lan
 - b. Vẽ những dãy núi cao.
 - c. Tên con sông lớn nhất.
 - d. Tên thủ-đô và các thành-phố lớn.

2. Diện-tích ước-cô :

- a. 400.000km^2 b. 420.000km^2 c. 520.000km^2

3. Dân-số Thá-lan ước-đô :

- a. 20 triệu người c. 25 triệu người.
b. 28 triệu người d. 30 triệu người.

4. Thái-Lan theo chính-thề :

- a. Quân-chủ b. Dân-chủ

5. Ở Thái-Lan có lâm-sản gì đặc-biệt?

6. Đường giao thông ở Thái Lan có gì đặc biệt?

7. Nền thương-mại ở Thái-Lan ra sao?

Thái-Lan xuất-cảng : | Thái-Lan nhập-cảng : |

In tại nhà in THANH-TÂN
110 đường Cao - Thắng
SAIGON